Thư tòa soạn

Vườn Chim Việt 13 đây, mới bạn vào. Lần này ta bắt đầu bằng cửa thơ nhé !

Nguyễn Hồi Thủ **Đố** bạn một câu : nơi nào trên địa cầu có thể khiến lòng ta nức nở?
Đã bao mùa mưa nắng, kể từ ngày cất bước ra đi, Pari, Đông Kinh, Ca Li , Xít nây ... và nơi chốn nào nữa. Mỗi bước chân phiêu bạt lại cuộn thêm bao sợi giây vương vấn. Vũ Quyên, ngoảnh lại, chợt thốt lên : "**Đông kinh ơi !! sao bỗng lòng nhớ quá** " . Nhưng ở bất cứ nơi nào trên địa cầu, tầm mắt người dù đôi khi có ngừng lại nơi nào đôi lát , hình như cũng chỉ để mượn đà vượt lên tìm về một nơi duy nhất, nơi khởi đầu và cũng là nơi kết cấu của mọi tình cảm, nhớ, thương, mong, đợi. Hãy đón nhận tâm tình Vũ Quyên qua các giòng thơ " **Cánh diều trong trời biếc** ", " **Đêm trên thuyền câu** ", của Nguyễn Thế Tài với "**Từ bầu trời bao la, em và quê hương** ", " **Trên những lối về : gió, mây, trăng, tuyết** " .
Ta rẽ ngang, tìm đọc thơ Federico Garcia Lorca (Đan Tâm dịch) : **Préciosa và gió**.

Bên vườn hoa anh đào có gì lạ ?
Nguyễn Nam Trân giới thiệu truyện "**Con cá giếc**" của nữ văn sĩ Mukôda Kuniko, mổ xẻ một câu chuyện rất bình thường trong một gia đình trung lưu rất bình thường của xứ Nhật, nhưng hình như cũng có thể là một câu chuyện rất bình thường ở xứ ta.
Đinh Văn Phước đưa đến ta tác phẩm "**Sợi tơ nhện**" của Akutagawa Ryunosuke, diễn dịch một điểm cơ bản trong giáo lý nhà Phật : *"Phật tại tâm"* . Chỉ một niệm lành cũng có thể đưa một tên tướng cướp về miền Cực Lạc, chỉ một niệm ác cũng có thể đưa hắn về địa ngục; cái khó là sau khi có niệm lành, không nảy sinh thêm niệm ác. Hẳn ai cũng nhớ câu mở đầu kinh Pháp Cú *"Tâm (ý) dẫn đầu các pháp, tâm làm chủ tạo tác ..."*.

Trở lại xứ ta, qua truyện "**Trận đòn hòa giải**" của Võ Hồng, có những người đã ra đi nhưng hình bóng bao giờ cũng vẫn còn phảng phất . Thật ra, hình bóng cũ , kỷ niệm cũ có lẽ chỉ tồn tại trong lòng người sẵn có thủy có chung. Trong các tác phẩm của Võ Hồng ta thường gặp nhiều nhân vật như thế. Còn ở ngoài đời ... ?!
Nam cao, với nhân vật bất hủ "**Chí Phèo**", nói lên nỗi thống khổ xưa nay của những kẻ bần cùng. Nhẫn nhục quá, bị ức hiếp quá, một ngày nào đó có thể trở nên liều mạng, chẳng còn biết gì đến thiện ác. Khi gặp duyên chợt tỉnh giấc thì đã quá muộn, tuyệt vọng thét lên : " Ai cho tao lương thiện? Làm thế nào cho mất được những vết mảnh chai trên mặt này ? Tao không thể là người lương thiện nữa ..." .

Đi ngược trở lên, trở lên nữa... Đó, Nguyễn Dư đó, vẫn luôn luôn có mặt với những bài khảo luận về tranh dân gian. Qua tựa đề "**Bớ ... Thằng giặc Tề** " những tưởng sẽ được xem tuồng cải lương hay hát bội ; không đâu, lần này khủng khiếp lắm, bàn về chuyện ma quỷ báo ân báo oán, "Thần nanh đỏ mỏ, "Thần trùng", những kẻ yếu bóng vía xin bỏ qua đừng đọc.
Bỏ truyện ma đi để mà nghe Băng Sơn bàn về "**Cơm nắm**". Những bạn trẻ thời nay chắc ít ai có dịp thưởng thức món này. Ngày nay đã có "bánh mì thịt", "bánh mì bưu điện", "bánh tây ba tê, xúc xích"... Nhưng những bạn ngoài năm mươi hẳn còn nhớ "cơm nắm muối vừng" , ở miền nam gọi là "cơm vắt" ... Thôi quên đi, đừng nghĩ tới nữa ... !!!

Ơ kìa, phía bên kia có triển lãm ảnh của **Hội Ảnh Nghệ Thuật Việt Nam**. Bên cạnh những ảnh đã trình làng lần trước, còn có thêm 30 ảnh mới, và một bài thơ nhắc lại kỷ niệm chụp ảnh của Kim

Xuyên tại **Thác Liên Khàng Đà Lạt**.
Bộ ảnh Peyrin có thêm 25 ảnh, bổ túc phần đời sống của người Pháp tại xứ ta vào những năm 20-30.

Qua mục luận bàn văn học , Giáo sư Thanh Lãng tiếp tục "Phê bình văn học thế hệ 1932", lần này đặc biệt nói về các trận bút chiến mà giáo sư gọi là "**Những Vụ Án Văn Học 1932**", (Vụ Án Báo Chí, Vụ Án Cũ và Mới, Vụ Án Phan Khôi-Trần Trọng Kim, Vụ Án Quốc Học ...)
Huỳnh Ái Tông kể lại tiến trình hình thành văn học quốc ngữ tại miền Nam qua bài **Các công trình văn học quốc ngữ miền Nam**.
Với bài "**Từ Chùa Đàn của Nguyễn Tuân đến Mê Thảo của Việt Linh**" , Đặng Tiến vẽ lại nguồn ngách tình tự tác phẩm Chùa Đàn, với tất cả những oan trái uẩn khúc của nó, cũng như nêu lên cái sáng tạo và lựa chọn của Việt Linh khi chuyển truyện từ ngôn ngữ chữ viết qua ngôn ngữ điện ảnh.
"**Nguyễn Đình Thi và tiếng chim Từ Quy**" nói lên tâm tình và sự nghiệp của tác giả tập Vỡ Bờ, bài hát Người Hà Nội.

Muốn biết Tổ tiên ta sinh sống như thế nào, xin đọc bài "**Nếp phong tục thuần phác cổ xưa** " của Lê Văn Hảo .

Thuở nhỏ chúng ta đã được học nhiều, nghe nhiều về sự tích Tháp rùa, Hồ gươm . Sự thực ra sao, mời bạn cùng Nguyễn Dư lần mò tìm giềng mối câu chuyện **Hồ Hoàn Kiếm**.
Dưới khía cạnh chuyên môn hơn, Nguyễn Thành Long nói về hệ thống đường xá tại Việt Nam (**Le réseau routier vietnamien**).
Và Nguyễn Tường Bách tiếp tục kể lại cuộc du hành của mình nơi Phật Quốc qua tác phẩm **Mùi Hương Trầm**.

Cuối cùng, Lê Văn Hảo điểm một số sách mới ra qua bài "**Những thành tựu đáng khen của một nhà xuất bản địa phương**"

Chim Việt Cành Nam (*)

(*)1 - Chim Việt cành Nam, lấy từ chuyện Chim Trĩ , do vua Việt ở phương Nam tân cống cho vua nhà Chu (Chu Thành Vương). Chim chọn cành phía Nam để làm ổ . "Việt điểu sào nam chi" (Sào là làm tổ chim) , ý nói nhớ quê hương phía Nam.
2 - Ngựa Hồ hí gió Bấc , là chuyện ngựa của rợ Hồ (Mông Cổ) dâng cho vua Hán Vũ Đế , khi gió Bấc thổi, thì hí lên "Hồ mã tê bắc phong", ý nói nhớ quê, phương bắc.

Thơ Nguyễn Hồi Thủ

Đố

Ai ơi
xin đừng tưởng
vì nặng
ta không mang
vì xa
ta không thấy
vì lâu
mà ta quên
vì nghèo
mà ta lánh
vì bận
mà ta ngơ
khi ngủ
ta thường mơ
một đời
ta vẫn chờ
ngâm bài thơ
lòng ta nức nở
nghe điệu hát
ta buồn đau
ở chỗ nào
trên quả đất
ở nơi nào
trên địa cầu ?

Rosenhein. 1986

Thơ Vũ Quyên

Đông Kinh ơi !!
sao bỗng lòng nhớ quá

Khi tôi đi Đông Kinh buồn cúi mặt
Đường muôn trùng chẳng hẹn một ngày mai
Giọt chia ly thăm thẳm ngõ an bài
Giấc nhàu nát lòng xa người đi, ở

Khi tôi đi Đông Kinh buồn muôn thuở
Sương giăng đầy phi đạo Narita
Tiếng còi đêm cao tốc hú vỡ oà
Tầng tháp cổ nghểnh cao đầu trông vói

Tay dính chặt nghẹn ngào câu chào vội
Đông Kinh buồn đẫm mắt chẳng chịu xa
Không ly bôi sao nghiêng ngửa quan hà
Lời bịn rịn nặng đầy ngăn hành lý

Khi tôi đi, trời tháng tư vần vũ
Anh Đào rơi lả chả cánh đầu xuân
Trùng trùng giăng tối mặt bước lưu thân
Mưa nặng hột tàu đêm mờ khung cửa

Để lại sau lưng con đường nhung nhớ
Trường cũ nghiêng xây xẩm con dốc say
Căn apato ọp ẹp tiếng giày
Geita khua đêm sento gõ nhịp

Tôi ra đi, Đông Kinh còn giữ hộ
Dàn Fuji buông thỏng tóc hẹn thề
Akamon còn đỏ thẫm cơn mê
Đường tình sử Icho vàng ngơ ngác ?

Đỉnh Phú Sĩ có cao thêm năm tháng ?
Mikan ươm ngào ngọt Shizuoka
Sáng tinh mơ ga vắng Takada no baba
Chân Kotatsu khều nhau cùng ngóng chuyện

Còn giữ hộ mảng xanh trang kỉ niệm ?
Hơi thở nồng thêm khói chút Đông sa
Nụ cười duyên long mắt chiều sân ga
Boke nụ đỏ đường vào cư xá

Đông Kinh ơi!! sao bỗng lòng nhớ quá
Khi tôi về mặt lạ có nhìn nhau ?

Thơ Vũ Quyên

Cánh diều trong trời biếc

Trời Cali, công viên trưa lộng gió
Cánh diều màu bay lượn giữa bầu xanh
Chân nai tơ mắt ngó sáng trong ngần
Tay ghì chặt sợi chỉ đời liên kết

Công viên xứ người xanh chồi lộc biếc
Trời trong lành, không gợn mây đen
như đời con sẽ êm ả, thân quen
Bao trái ngọt đang chờ tay con hái.

Lần đầu tiên mang diều ra thả
Mộng mơ nào con đã gởi vào đây ?
Cánh diều màu no gió giữa từng mây
đã ôm ấp
bao giấc mơ của ba
từ ngày chợt lớn.

Cũng đôi tay này
ba đã thả
những cánh diều bay trong thành phố
quê hương nồng oi ả nắng trưa
phố phường quen ngang dọc giăng bừa
có những cánh vất vương
tàn đời trên hàng dây điện

Quê hương nghèo không diều bán sẵn
Vở học trò trộm xé dán vào nhau
Chẻ đũa tre làm nan...
Vót đời ba theo từng mộng ước

Rồi cánh diều cũng lớn dần
theo tuổi đời ba đếm bước
Mộng nhỏ nhoi cũng vụt lớn với thời gian
Ba xa quê hương khi tuổi mới vừa tròn
Chân xứ lạ
hẹn một ngày
chim sâu về tổ nhớ.

Cánh diều hôm nay lao chao trong gió
nhắc nhớ ba bao mơ ước ngày xanh:
Quê hương ta nắng đẹp trong lành
Từng đàn trẻ tung tăng
với cánh diều trong màu nắng sớm

Trong tay ông bà vui ngày hội lớn
Con khư khư đồ chơi ba thiết kế ,tạo thành.
Thay thế nắp chai,lon,dép,dây thun....
là những đồ chơi theo giòng hiện đại

Con ơi,giấc mơ xưa hao dần theo ngày tháng
Quê hương mình vẫn nguyên thủy hồng hoang
Đàn trẻ thơ lui cui,trải tuổi thơ buồn
trên từng núi rác, lề đường, góc phố
tìm nhặt cho đời mình
những gì chưa hề biết đến.

Ba bỗng hiện thân : người bạc nhược
gặm nhấm đời mình bằng những cơn say
Một đôi khi chợt tỉnh,
tự dối mình :
làm được gì đây
khi màu tóc uá dần theo mộng ước ?

Rồi ngày mai,khi con khôn lớn
có vấn vương khi nhìn về đất tổ quê cha ?
có ngậm ngùi cho nắm xương thừa ?
chút phân bón cho ngày mai tươi sáng.

Hôm nay xứ người trưa gió lộng
Ba thả hồn mình theo cánh biếc lao đao
Một chút nhớ hư hao
vẫn lay động xao lao cơn mộng mị

Vũ Quyên
Thu 02

Thơ Vũ Quyên

Đêm trên thuyền câu

Sóng xô nghiêng ngửa mạn thuyền
trăng loang đầu nước rộng thênh một dòng
sao khuya nhấp nhổm tầng không
ta say địa chấn mênh mông cõi trần

Đêm nhìn vũ trụ xoay vần
nhìn con nước đổi tình nhân thế sầu
phong ba con sóng bạc đầu
nhấp nhô nhân ảnh lưu cầu thiên thu

Ngọn đèn bão nổi lù mù
soi ta bóng ngả ngục tù lạnh căm
soi từ tiền kiếp xa xăm
trầm luân oan nghiệt trăm năm một đời

Nghe ta điệu thở mù khơi
tử sinh cõi tạm tiếng cười vỡ toang
cơn mê từ thuở hồng hoang
ào ào thác dữ bàng hoàng phận đau

Đêm chờ cá cắn ngọn câu
chờ đêm trở giấc đổi màu thời gian
cờ bay rợp nẻo quan san
vung gươm tráng sĩ phơi gan dặm nghìn

Rong rêu dòng cuộn bập bềnh
thuyền đơn lá chiếc lênh đênh bể sầu
giữa dòng bèo dạt về đâu
quê xa điệu nhớ ngõ sau chiều chiều

Vũ Quyên

Thơ Nguyễn Thế Tài

Từ bầu trời bao la
em và quê hương

từ bầu trời bao la
có con chim lạ bay về
cô đơn bên hàng dâm bụt
gọi mùa xuân bằng tiếng hót trong xanh.
vườn nhà ai nở đóa hoa trong lành
luống cỏ mượt mà
như tuổi thanh xuân thời gian chưa kịp xóa.

màu áo năm xưa vẫn y như cũ
em mặc dưới mưa
tháng hạ gió đùa
đưa ta đi bằng vó ngựa cuồng si
đón ta về
qua những bình nguyên mộng mị.

từ bầu trời bao la
có tia nắng đầu mùa rớt lại
nhỏ giọt phong trần xuống mái tóc điểm sương
thời trẻ trung êm đềm
nụ cười hướng dương rực rỡ
em ngày nào, ta thuở nọ
tiếng thì thầm rất nhỏ
cho vơi đi những nỗi buồn
chìm sâu trong suối tóc em đen.

ta ước mong
dấu vết tàn phai đừng xóa những con đường
em đã đi qua
gót chân rất nhẹ
san sẻ cùng ta
biết bao điều không thể đặt tên.

từ bầu trời bao la
mây đùn trắng xóa
gió cuốn về những cơn mưa hẹn thề
những con suối một thời hoa mộng
xô đẩy nhau đi
chở khúc tình ca đem ra biển lớn.

lời thơ xưa
ta hát em nghe
những con trăng mùa cũ
trang giấy nhạt nhòa

chữ đầu chữ cuối
nét run run buồn đắm đuối quê người.

từ bầu trời bao la
có con chim nhỏ bay về
hót tiếng hót thật trong
đưa ta đến vùng giang sơn biển mộng.
nhưng điểm hẹn ta không ngờ tới
thức trắng đêm thâu vẽ lại huyền thoại quê hương
có em và lúa chín
ngào ngạt thơm lừng.

giữa thinh không
ta bỗng nghe tiếng hát
hòa với tiếng của chim
như bóng em
hòa với núi rừng diễm tuyệt.

ta nhìn trời bao la
và cúi xuống hôn dòng sông
như hôn môi em
chất ngất phù sa
ta thấy quê hương mặn mà ánh nước
quê hương không tiếng nói
nhưng quê hương linh hiển sáng ngời ...

Thơ Nguyễn Thế Tài

Trên những lối về :
gió, mây, trăng, tuyết

khi gió trở về
từ bên kia thung lũng
kết hoa lên con suối nhỏ
miền dĩ vãng tóc em
là lúc ta nghe thời gian thức dậy
đọt lá, đầu cành,
khu rừng trúc xa xưa
cất tiếng hát hao gầy
vẽ ta thấy bao cảnh đời mộng ảo :
nhớ,
thương,
mong,
đợi,
những ảnh hình quay theo chuỗi tròn vô định
mà ta thì vẫn chạy tìm tâm điểm mông lung.

khi mây gọi mưa
từ bên kia đồi cát
đem giọt nước trinh nguyên
như mắt em
về tưới mát những đồng lúa khô cằn
là lúc ta nghe hồn mình âm ỉ
những vọng âm ngày tháng xa xưa.
trang giấy trắng,
dòng mực đen,
những nõn nà chữ nghĩa
những tươi mát da trần
ôi quá khứ và hiện tại
quả là hai điều có thật.

khi trăng lên cao
ánh sáng của đêm là những dỗ dành bóng tối
những vì sao trên trời
nhắc ta nhớ
khoảng cách những người yêu nhau
đo bằng đường chim bay.
cho nên,
dù nghìn trùng một đại dương xanh
những trách móc giận hờn
chỉ là tiếng sóng vỗ về ghềnh đá ...
trong đêm khuya vắng lạnh
chim đã bay về

và hồn ta đậu lại
trên những ký ức năm xưa.

khi tuyết thật trắng
rơi xuống những bình nguyên cô độc
lối xe mòn đã mất dấu chân
ta về lại nẻo xưa,
gối chùn lưng mỏi
để hiểu rằng :
tuổi thanh xuân như ly rượu nồng :
rót,
uống,
vơi,
đầy,
cạn cho hết chén đời chung thủy.
hãy dành cho nhau
một lần trân quý
nhìn : bằng ánh mắt chứa chan
yêu : bằng trái tim nồng nàn
bởi vì ...
thời gian sẽ chẳng bao giờ quay trở lại.

Federico Garcia Lorca (1899-1936)
Đan Tâm dịch

Préciosa và gió

Préciosa
đánh trống da tròn trăng
đi trên đường nguyệt quế
và lấp lánh thủy tinh.
Sự yên lặng không sao
chạy chốn tiếng thì thào
rơi trên biển gầm sóng
đang say sưa ngợi ca
đêm biển sâu đầy cá.
Trên những đỉnh núi cao
giờ đây đang say ngủ
đoàn lính canh tháp trắng
nơi người Anh cư ngụ
và những nàng Gi-tăng
ngồi nhàn xây ki-ốt
bằng vỏ sò vỏ ốc
và những trái thông xanh.

Préciosa
đánh trống da tròn trăng
thấy nàng gió bùng thổi
gió ngủ bao giờ đâu
thần gió truồng như nhộng
tua tủa đầy lưỡi xanh
rình mò cô em nhỏ
thổi kèn cọt-nơ-muy
thổi chiếc kèn vắng bóng.
- Bé ơi để ta giở
áo bé lên xem sao
bé ơi bé hãy mở
trong những ngón tay già
đóa hồng xanh của bé.
Préciosa
ném mặt trăng xuống đất
cắm đầu chạy hút hơi
gió phong tình vẫn đuổi
suýt đâm suốt thân nàng
chiếc đoản đao nóng hổi.

Biển cau mặt gầm gừ
đồng ô-liu tái nhạt

tiếng sáo đêm réo rắt
tiếng cồng tuyết run vang.
-Préciosa ! Préciosa !
Nhanh lên ! Gió dâm đãng
sắp bắt kịp được nàng
kia kìa gió đã đến
dâm đãng như sao truồng
với những lưỡi ngời sáng.

Préciosa
sợ hãi đến chết khiếp
lướt trốn nhanh vào nhà
lãnh sự quán nước Anh
xây cao hơn ngọn thông.
Nghe tiếng nàng kêu hoảng
ba người lính đến nơi
áo choàng đen dát vàng
mũ đen xuống đến trán.

Lãng sự Anh mời nàng
uống một chén sữa nóng
và một ly rượu ngọt
nhưng nàng đều chối từ.
Trong khi nàng nức nở
kể lại chuyện hãi hùng
bên ngoài trên mái đá
thần gió cắn điên cuồng.

Federico Garcia Lorca

Con Cá Giếc

Nguyên Tác: Funa
Tác giả: Mukôda Kuniko (1929-1981)
Người dịch : Nguyễn Nam Trân

Lời Người Dịch:

Mukôda Kuniko sinh năm 1929 ở Tokyo trong một gia đình tư doanh ngành bảo hiểm, chị cả của ba người em. Bà tốt nghiệp khoa văn học Nhật Bản trường Nữ Đại Học Chuyên Nghiệp Jissen rồi phụ trách biên tập ít lâu trong tòa soạn một tạp chí ngoại quốc chuyên về điện ảnh, vừa theo đuổi những sở thích cá nhân như trượt tuyết, leo núi và du lịch. Bước vào lĩnh vực truyền hình từ thập niên 1970, bà trở thành một trong những nhà viết kịch bản phim ăn khách nhất Nhật Bản từ trước đến nay. Năm 1976 bà mới chuyển qua viết tiểu luận cho tờ Ginza Hyakuten và chính thức gia nhập làng văn năm 1978 với tập bút ký Thư Tạ Tội Của Cha Tôi (Chichi no Wabijo). Ba truyện ngắn về sau gộp lại trong Những Quân Bài Kỷ Niệm (Omoide no Torampu, 1981) giúp bà đoạt ngay giải Naoki.

Ngày 22 tháng 8 năm 1981, bà đột ngột tử nạn phi cơ trên vùng trời Đài Loan giữa khi tài năng đang độ chín muồi và danh thanh lên tột đỉnh, gây xúc động trong quần chúng Nhật Bản (Mukôda boom). Tập truyện Thời May Vận Rủi (Odoki Medoki) trong đó có Con Cá Giếc (Funa), vốn tập hợp một số truyện ngắn đăng liên tục trên tờ Shosetsu Shincho , chỉ chính thức ra mắt người đọc năm 1985, sau khi tác giả mất .

Mukôda Kuniko hành văn như một ký giả nhật báo hay nhà cước bản truyền hình, ít trau chuốt nhưng giàu tình tiết thú vị , " nhìn thấy và hiểu được những gì người khác không thấy, không hiểu " , phần lớn kết thúc bằng một nhận xét châm biếm, dí dỏm. Truyện thường lồng trong khung cảnh gia đình giai cấp trung lưu (giai cấp chủ yếu của xã hội Nhật) và đề tài xoay quanh sự thiếu thông cảm giữa nam nữ, nỗi lo âu trước ngưỡng cửa tuổi già cũng như niềm cô đơn trong cuộc sống của con người hiện đại.

Người dịch, ngoài việc sử dụng bản Nhật ngữ của nhà Shincho Bunko in năm 1985 (đã nói ở trên), có cơ hội tham khảo bản dịch ra Anh văn của bà Matsumoto Tomone, giáo sư Nhật ngữ ở Mỹ và ở Úc (xem **Mr Carp**, trong **The Name of the Flower**, tuyển văn Kuniko Mukôda, Stone Bridge Press, Berkeley, CA, USA, 1994).

"*Chết, có ai vô nhà mình !* " Mayumi, đứa con gái lớn, thì thầm. *"Cửa bếp mở toang kìa ! Không chạy vào đâu !"*.

Tuy Mayumi là con mình đẻ ra nhưng Shiomura hơi khó chịu mỗi lần thấy nó suy luận kiểu đó. Thầy dạy dương cầm thì lại khen dồi, bảo nó có độ thẩm âm rất cao. Mỗi khi được dịp, nó đều chứng tỏ mình thính tai và chắc vì cớ đó, còn những hai năm nữa mà cô nàng đã rêu rao khi vào đại học sẽ theo ngành âm nhạc. Nó có lần quả quyết đồng hồ báo thức nhà hàng xóm cách đó hai căn để quên không tắt, hay tiếng rao hàng của người bán khoai lang lùi tro độ rày khang khác, và khi Shiomura cho biết không nghe hoặc không thấy gì thay đổi ráo thì nó gắt ầm, chê bố điếc.

Lần nầy lại bị con coi thường, Shiomura ngoan cố thốt ra một câu chống báng :

- Có ai đâu nào ! Mày chỉ nghe láo.

Năm thì mười họa mới thấy Miwako, vợ Shiomura , về hùa với chồng :

- Có ai đến họ phải lên tiếng chứ !

Đối với Miwako, hôm ấy là một chủ nhật đặc biệt. Thường ngày, cứ mượn cớ chơi gôn kia nọ, giờ này Shiomura đã trốn nhà ra đi từ lâu. Chắc nhờ ông trời tưới cho trận mưa nhỏ nên mấy khi gia đình Shiomura, thêm thằng Mamoru, đứa con trai mười một tuổi là đủ bốn người, mới có dịp quây quần ăn chung một bữa vừa quà sáng vừa cơm trưa. Tuy chẳng có đề tài gì đặc biệt, câu chuyện giữa họ rôm rả ra phết. Có lẽ Miwako hùa theo chồng vì thấy lúc không khí vui nhộn như thế này mà phải bỏ vào bếp để xem động tĩnh thì hơi tiếc.

- Mayumi, coi bộ lỗ tai mầy có vấn đề !

- Tai pa-pa mới có vấn đề chứ bộ. Cả tiếng cười của pa-pa cũng có âm cao bất thường không giống ai.

- Tiếng cười mà cũng có âm cao bình thường với bất thường à ?

- Chớ sao !

Mặt con nhỏ Mayumi phúng phính nên thường bị chúng ghẹo là Xíu Mại, mỗi khi nó nổi xung thì mắt trợn trắng dã giống như Miwako, mẹ nó .
- Pa-pa bảo con nói dối thì cứ thử cười đi. Mỗi mình pa-pa là có tiếng cười khác đời thôi.
Shiomura bị khiêu khích, thử cười thành tiếng nhưng anh ta chợt ngừng lại, lấy cớ là không có gì đáng cười mà cố gắng làm cho bằng được thì hơi kỳ. Nghe thế, ba mẹ con không khỏi bật cười. Thằng bé Mamoru ngày thường vẫn ít nói mà cũng phụ họa, nhưng người cười to và thích thú hơn cả có lẽ là Miwako. Rốt cục, đến lượt Shiomura cười góp, nghĩ bụng một trưa chủ nhật, cả nhà đoàn tụ đông đủ vui đùa như thế này, không biết xét theo âm nhạc thì phải nói thế nào cho đúng, nhưng quả là nghe thích hơn cả một bản hợp xướng.
Người ta tin năm bốn mươi hai hay bị vận hạn nhưng sao ở tuổi này, Shiomura hên ơi là hên. Làm thân tư chức, thật ra chưa thấy gì ảnh hưởng tức thời đến mình, nhưng hồi đầu năm, gặp dịp thuyên chuyển trong sở, ông xếp trực tiếp của anh ta được phong giám đốc điều hành. Tiền vay để mua ngôi nhà đang ở, chỉ còn trả một lèo nữa là xong. Sức khoẻ : huyết áp tốt, bao tử bình thường. Đánh gôn thì đường banh cũng ngọt xớt.
" Ốc sên bò trên lá, Chúa ngự trên trời, ai ở đâu yên phận nấy ! " Câu nói đó hình như của Browning (1) ? nhưng chắc mảnh vườn nhà chỉ bé bằng lỗ mũi nên sống ở đây đã bao nhiêu năm mà Shiomura vẫn chưa thấy bóng con sên nào.
Mayumi thì thầm:
- Ấy, có trộm ...
Nó muốn nói trong bếp có người.
Rồi hạ thấp giọng hơn:
- Đấy, kẻ trộm vừa khép cửa đi ra.....
- Khó chịu ghê nghen , con nhỏ này !
Shiomura như muốn bảo nếu nghi ngờ gì sao mầy không tự vào bếp mà xem. Miwako cũng lên tiếng:
- Bếp có gì đáng lấy. Trộm vào nhà này chỉ mất công toi !
Mẹ nó vừa cười vừa đứng dậy . Nhưng khi mới đưa mắt liếc nhìn về phía bếp, Miwako bỗng thốt lên một tiếng kêu kinh ngạc, quay đầu lại với vẻ mặt mất hết tin tưởng.
- Gì vậy má nó. Mất cái gì rồi hả ?
- Không mất gì cả. Chỉ thêm thôi !
Trên nền đất, cạnh cửa ra vào nhà bếp, có ai đặt cái xô nhựa màu vàng, trong đó có con cá giếc dài độ mười lăm phân.

*

- Cái này là giống gì vậy?
Shiomura la hoảng.
- Không phải mầy hả, Mamoru ? Không phải tụi bạn hẹn đem cá đến cho mầy à ?
Mamoru cúi xuống nhìn kỹ con cá, lắc đầu cho biết làm gì có chuyện đó. Miwako cũng như Mayumi đều không có ý kiến.
- Lạ chưa ? Không ai biết tại sao à ? Nó đến đây cách nào ? Cá giếc làm gì có chân !
Đột nhiên, Shiomura đâm ra to tiếng. Cả nhà từ vợ, con gái, con trai đều đứng xuôi xị.
- Thôi, rồi rồi ! Miwako kêu lên. Cá của pa-pa tụi bay, chớ ai !
Shiomura cảm thấy ngực y như có ai xáng cho một chùy sắt đánh ầm.
- Ê, má nó giỡn hoài !
- Bình tĩnh thử nghĩ cho kỹ đi ông ! Shiomura cảm thấy gân chổ lúm đồng tiền trên gò má mình bỗng máy máy giật giật.
- Chớ ba nó có chê ông bạn nào ham câu cá là không biết cách câu không? Ví dụ ba thách họ câu nổi con cá giếc lớn cỡ này. Làm người ta cay cú, lẳng lặng đem cá câu được thả vào nhà cho mình biết mặt ?
Shiomura hú hồn.
Đỡ quá. Nếu thế Miwako chưa đánh hơi được gì. Tuy vậy, mình chớ để lộ ra nét mặt. Shiomura mới làm bộ thản nhiên, lắc đầu đáp:
- Anh có thằng bạn nào dân câu đâu ! Chẳng có đứa nào hết !
- Thiệt tình ba nó không nhớ ra tại sao à !
- Nói vậy cũng nói. Anh mắc mớ gì phải nhớ ?
Giọng của Shiomura bỗng đanh lại, coi bộ mất tự nhiên.

- Em nghe có người ra mở thùng thơ thì bắt được mấy tờ giấy bạc mười ngàn hổng biết ai bỏ vào thôi, chớ chưa nghe vụ đem cá chép thả vô nhà thiên hạ bao giờ !
Miwako vừa nói vừa nhìn Shiomura với cặp mắt đượm chút lo lắng.
- Hay mình báo cảnh sát hở ba?
- Phiền mấy ổng ! Tiền bạc gì cho cam !
Không muốn làm rộn cảnh sát và tuy chắc gì quan trọng đến nỗi người ta đưa lên mặt báo, anh ta nghĩ dù sao chuyện bé thế này đừng xé ra to.
- Ba ơi, đây khác gì mình lượm đồ người ta đánh rớt, đâu có quyền giữ , hở ba. Con nhỏ Mayumi dạo sau này ưa lý sự .
- Đồ rơi đồ rớt đã đành nhưng tội xâm nhập gia cư bất hợp pháp, ai chịu đây !
Shiomura cố chầy cối chống trả.
Nhưng tuyệt đối không cho đem ra cảnh sát.
- Xâm nhập gia cư gì một con cá ! Ba nó cũng đừng nói quá !
Miwako cười góp lời.
Thấy vợ mình vui vẻ, Shiomura an tâm trở lại:
- Thôi, phóng sinh nó đi ?
Khi bố nó móc túi định lì xì thằng con chút ít để đền bù, Mamoru nãy giờ đang thọc đầu ngón tay vào xô nước chơi với con cá, mới nói thôi, cho con nuôi nó đi ba. Nó choàng tay ôm cả cái xô vào lòng, nói con không đòi cái bàn trượt có bánh lăn (2) mới làm gì, thay vào đó, con giữ con cá là đủ. Thường ngày thằng bé ít nói nhưng như cóc một khi đã mở miệng, không bao giờ nó rút lại lời. Shiomura từng cấm nó nuôi chó, nuôi mèo, bồ câu đưa thư …với lý do chúng làm bẩn nhà nhưng trường hợp cá giếc, anh ta chưa nghĩ ra cớ. Mayumi phản đối, bảo cá ở đâu lọt vào nhà nghĩ mà kinh, nuôi làm gì, vợ anh ta cũng chần chừ chưa quyết, nhưng thằng lỏi cứ ôm cứng cái xô nên rốt cuộc cả nhà đành chịu thua.
Ba người đó rủ nhau vào nhà kho để kiếm một cái đồ chứa lớn hơn cho con cá. Mỗi Shiomura ngồi lại, lúc bấy giờ mới thấy anh ta mới thở phào một cái như trút đi gánh nặng..
Còn nghi ngờ gì nữa : đúng là Funakichi nhà ta rồi. Không còn nhớ rõ ràng mặt mũi nó nhưng Shiomura nhận ra ngay cái kỳ trên sống lưng như chia đôi thân cá kia. Mới có một năm không gặp mà nom nó béo và to hẳn ra.
Shiomura chỉ thắc mắc một điều: cớ gì người đàn bà ấy lại kiếm chuyện đem cá bỏ vào nhà mình như thế này.

Người đàn bà có cái tên là Tsuyuko.
Dạo ấy, cô ta tuổi cỡ băm lăm, có lần lấy chồng rồi nhưng lại dang dở. Cô quen Shiomura hồi mới quay về giúp việc cho người bà con mở cái quán ăn nhỏ gần khu Ikebukuro.
Shiomura vốn yếu rượu, một hôm đến quán, say đến độ cho chó ăn chè, nàng ta phải bỏ công dọn dẹp đến điều. Để đền ơn, Shiomura mua tặng cô cái xắc tay, nhân thế, gặp nhau hai ba lần nữa, rồi trong thời gian ấy, cái việc không ai đợi cũng đến đã đến thật.
Tsuyuko chính ra đâu đẹp hơn ai, người khẳng khiu và yếu ớt nhưng được cái dễ bằng lòng, hễ ai làm được cho cô việc gì dù bé nhỏ đến đâu, cô cũng tỏ ra quí hóa. Đề tài nói chuyện của cô cũng chỉ tầm phào trời mưa trời nắng, ít khi cô biểu lộ vui buồn qua lời ăn tiếng nói mà chỉ bày tỏ tình cảm cụ thể ở trên giường. Lưng Shiomura còn cả vết thương móng tay cô ấy cào cho, ngày hè khi phải tìm cách che dấu nó trước cái nhìn của vợ con, nhiều lần anh ta cũng toát mồ hôi lạnh.
Bỗng có hôm Shiomura ý thức ra việc mình đến thăm Tsuyuko mỗi tuần một lần đã thành thói quen. Khoảng thời gian đó cũng là lúc cô nàng bắt đầu nuôi giếc.
Con cá giếc đó Tsuyuko xin được từ bọn trẻ con hôm chúng nó câu được ở đâu đấy và đang chực ném nó xuống dòng nước một con lạch bẩn. Tình cờ Tsuyuko đi ngang qua, thấy ném cá xuống dòng nước đầy bọt thuốc giặt thì thà giết nó còn hơn, mới nói thôi tụi con để cô xin, rồi đem về nhà, mua cái bồn cá vàng và rộng con giếc vào đó.
Tsuyuko vốn sinh đẻ ở Kasumi-ga-ura là vùng ven biển nên nuôi cá khá thạo.
- Anh thấy nó đang dòm chừng mình, em ạ.
Hồi đó, nàng ta trọ một căn hộ rẻ tiền có hai buồng, một gian rộng tám chiếu, gian kia ba.
Trên đầu tấm nệm trải làm chỗ hai người nằm, cô cho đặt cái bồn cá.
-Không sao mà, tụi cá nó cận thị đó anh !
Nào biết cô thật hay đùa nhưng chưa hết câu, cả người cô đã ôm riết thân mình Shiomura như giây hoa chuông leo quấn quanh sào trúc.
- Thà em ở mãi một mình không sao nhưng lỡ sống hai mình rồi, có khi muốn quên đi cũng quên không nổi. Lúc

nào anh không tới thăm, nếu trong phòng không có vật gì động đậy cho có bạn, thiệt em buồn đứt ruột đó anh.
Cô đặt tên con cá là Funakichi (Chú Giếc), lâu lâu lại vỗ béo chú ta bằng mấy hạt cơm vãi.

Rồi hai người xa nhau, nhưng không phải vì Shiomura đã chán Tsuyuko, anh cũng chẳng tiếc gì chút tiền trợ cấp nhỏ nhoi giúp nàng sống. Shiomura cho cổ rơi chỉ vì không muốn gia đình mình đổ vỡ. Trước hết, lý do anh ta lang bang đâu phải vì bất hòa với vợ nhà. Hai nữa, từ khi kẹt đi công chuyện cho hãng bên Xing-ga-po mất cả tháng rồi vào nhà thương vì chứng viêm đại tràng, nằm liệt giường thêm tháng nữa, tự nhiên chân cẳng anh xao lãng luôn việc lui tới nhà tình nhân đến cả năm. Shiomura tự nhủ giữa hai người xưa giờ nào đã thề non hẹn biển gì đâu thì nàng ta chẳng có cớ gì chính đáng để oán hận mình. Thế nhưng bây giờ, như thể cho quay lại cho Shiomura xem trọn cuốn phim quá khứ, Tsuyuko đem con cá giếc đặt trước mặt anh ta.
Shiomura không hiểu nổi hành động thảy con cá giếc vào nhà của Tsuyuko là để biểu lộ lòng căm tức, oán hận hay nhằm mục đích trả thù? Muốn giở ngay điện thoại để hỏi cho ra lẽ nhưng e sẽ sa xuống cái hố ấy thêm lần nữa. Chắc chắn trong lúc cả nhà anh ta vui cười như hội, Tsuyuko đã rình nghe. Khi hai vợ chồng lẫn hai đứa con xúm lại mà cười, Tsuyuko nghe tất cả và nghĩ thế nào về trận cười đó ?
Chẳng thiết cái con cá giếc này chút nào. Phải chi lúc thằng Mamoru dành nuôi, mình tìm cớ thẳng tay từ chối thì phải gọn hơn không !
Bây giờ bàn lui là họ sinh nghi. Bọn con nít chắc mau thích chóng chán thôi. Để đợi ít lâu rồi kiếm cơ hội mà thả nó xuống nước.
Khuôn mặt giếc ta không biểu lộ mãy may tình cảm. Mắt tròn xoe, trơn ướt như ai cắt bao nhựa ny-lông dán lên, chẳng khác mắt mấy con cá chép vẽ treo trên cây nêu ngày hội nhi đồng(3). Nhìn ngang thì thật uy nghiêm nhưng nhìn chính diện thì nó có khuôn mặt hệt ông thủ tướng "độc diễn" Yoshida Shigeru (4) . Cái mặt cáo già khó đoán được bên trong nghĩ gì và cái miệng hay nhóp nhép hớp ra ra hớp vào. Shiomura ngó đăm đăm con cá, có lúc tưởng mình đã bắt gặp cái nhìn của nó nhưng dường như Funakichi chả nhận ra anh ta nên cặp mắt phủ lượt ny-lông đen kia không có vẻ gì như muốn nói *"A, ông đấy ạ !"* hay *" Lâu rồi mình mới gặp lại nhau, ông nhỉ !"* khiến Shiomura không sao hiểu được dụng ý của Tsuyuko.

Ngày chủ nhật hôm ấy, nhốn nháo ba chuyện cá giếc, rồi cũng trôi qua.
Vì không tìm ra cái đồ chứa nào đủ chỗ để nuôi cá, thằng Mamoru vay trước mẹ nó ít tiền túi rồi chạy ra tiệm bán cá vàng bên hàng xóm mua về một cái bồn cỡ lớn, vuông vắn, mất của nó hết ba nghìn rưỡi yen. Chủ tiệm căn dặn nó đủ điều, nào là không được dùng ngay nước máy mà còn phải đem nước để ngoài nắng ít nhất nửa buổi đến một ngày, không thì cho ít chất hóa học khử nước cái đã. Theo lời chỉ dẫn, Mamoru vặn nước máy vào bồn rồi bỏ vào đó hai viên thuốc khử cơ–lo, màu trắng và tròn như hạt đậu con, hòa tan xong rồi mới đặt cá vào.
Không hiểu vì sao, vào được bồn mới là giếc ta đã tung ra một lượng chất thải nhiều đến té ngửa. Nó có vẻ khoan khoái phóng ra những thỏi phân tròn và dài như thanh bút chì con, loại bút người ta vẫn dùng kèm sổ tay bỏ túi.
-Mầy to gan đấy nhé, Funakichi !
Shiomura thì thầm, tưởng như không có ai nghe, chẳng ngờ vợ đang đứng sau lưng.
-Uả, ba đặt tên nó là Funakichi à ?
Anh ta nghe mà phát lãnh.
Ngoài cửa có tiếng người thu tiền báo bấm chuông. Người thu tiền cho tờ Asahi là một bà đứng tuổi, chững chạc, bấm chuông nhẹ nhàng mà ăn nói cũng nhỏ nhẻ, còn người của Yomiuri lúc nào cũng bấm loạn lên gần hỏng máy, làm chuông reo inh cả tai.
Bồn cá được đặt tạm thời chỗ cửa ra vào trên cái tủ giày guốc. Funakichi hình như không ưa cái ồn ào của người thu tiền cho báo Yomiuri, mỗi lần người ấy đến, nó cứ lồng lộn quậy tung thiếu điều muốn vọt khỏi bồn.
Chỗ cửa vào nước tung toé khắp. Có đem giẻ lau ra thấm ngay đi nữa thì trên bậc thềm lên nhà bằng gỗ tếch (teak) và cả bức tường, vẫn còn đầy vết tróc loang lổ có lẽ do chất hóa học dùng để khử nước còn sót lại.
Shiomura cay chuyện này lắm vì hồi cất nhà, thợ khuyên cứ dùng ván ép nhưng lấy cớ tiền đường là chỗ quan trọng trong nhà nên Shiomura chịu khó chi thêm để gắn danh mộc cho bằng được. Dầu không nghĩ Tsuyuko tìm cách rửa hận tình kiểu này nhưng anh ta vẫn không thể dằn nổi bực dọc và có cảm tưởng huyết áp mình đang lên cao đến nơi.
Nuôi cá mới khó nhọc làm sao. Phân đã nhiều và đồ ăn thừa thối đi dễ làm đục nước. Nước mà bẩn thì thể nào Funakichi cũng hích mõm vào thành bồn kêu long cong, phun ra hút vào những bong bóng nhỏ li ti, như thể tìm dưỡng khí để thở. Nếu mồi dưới dạng viên thì chả có vấn đề trên nhưng coi bộ nó không thích loại này. Mồi phải quệt vào đầu ngón tay đưa cho thì giếc ta mới xơi cho nhưng cứ rỉa xong nó lại đánh rơi ra đục cả nước.

Mamoru mua được một quyển " bách khoa toàn thư" dạy đủ điều về cá giếc đem về nghiền ngẫm. Học hỏi thế nào không biết, một hôm nó bỗng mạnh miệng phát biểu : *" Funakichi có họ hàng với chúng mình đấy nhé !"* làm bố nó nghe giật cả mình ! Hỏi lý do mới biết ra thế này : cá không có chân nhưng thay vào đó, chúng nó có vây có kỳ và thuộc vào loại động vật có xương sống dưới nước, giống như tổ tiên nhân loại là động vật có xương sống trên cạn. Theo quan điểm thuyết tiến hóa thì cá phải gần gũi với người hơn một số động vật bốn chân trên cạn khác.
Nghe người ta khảo về mình như thế, Funakichi làm ra vẻ mặt hết sức trầm tư như thầm bảo : *" Các cậu nghĩ gì, làm gì, tớ đều biết hết ! "*
Thế thì con cá này dám biết cả việc Shiomura không muốn mắc cở vì hát Karaoke sai nhịp, đã đi mua sách nhạc về nhờ Tsuyuko tập cho bài " Thuyền Ca " nổi tiếng của nữ ca sĩ Yashiro Aki. Nó làm gì không từng chứng kiến cảnh Shiomura trần truồng như nhộng từ bồn tắm bước ra, vờ múa Thái Cực Quyền làm trò cho Tsuyuko cười, rồi bất ngờ ôm ghì lấy cô nàng kéo lên giường.
Cái may của Shiomura là có người vợ tính ít nghĩ ngợi xa xôi như Miwako. Lúc con cá mới vào nhà, cô ta còn e dè đôi chút nhưng quá ba hôm thì đã coi nó chẳng khác một chú cá vàng tình cờ mua được vào dịp đi hội đền chùa nào đó và chăm sóc nó bình thường, không đặt lại vấn đề gì nữa.
Ghét cay ghét đắng con cá có lẽ mỗi mình Mayumi. Lấy cớ từ ngày có cá nhà cửa cứ tanh rình nên nó tuyệt đối chạy mặt con giếc. Thay vì nhìn mặt cá, nó hay chầm chập nhìn mặt Shiomura và kiếm chuyện với bố.
Lúc lên sở thì không sao nhưng mỗi khi có nhà, ngồi vào phòng khách là Shiomura đã thấy mệt. Đặc biệt những lúc cả nhà đông đủ quanh bàn ăn, tầm mắt anh ta cứ vương vướng cái bồn nước chứa chú giếc nằm xế ngang chỗ đặt ti-vi.
Ngoài bốn người, gia đình họ bây giờ như có thêm một mống, hay đúng hơn, một thành viên nữa, nên cuộc sống không còn êm ả. Chắc tại chừng đó mà gân cổ bên tay mặt Shiomura, cùng hướng với chỗ đặt bồn cá thường bị trẹo gân. Miwako vừa xoa bóp cổ cho chồng vừa đề nghị :
- Hay mình đổi cái bồn cá qua chổ khác đi ba !
- Ăn thua gì tới cái bồn !
- Thiệt không ? Chứ tại sao em cứ thấy mắt ba không lúc nào chịu rời con cá giếc !
Nàng bấm vào huyệt mạnh đến nỗi Shiomura phải cất tiếng kêu đau, giật nẩy người.
Shiomura uống bia hết biết ngon, tan sở cũng chẳng muốn về nhà.
Tròng mắt đen bóng như bọc giấy ny-lông của Funakichi vẫn lạ lùng khó hiểu, Shiomura chịu không biết được nó đang nghĩ gì. Mắt của Miwako cùng hơi lồi lồi nâu nâu và cũng khó thăm dò y như mắt con giếc. Cả đến cặp mắt của Tsuyuko mà anh ta cảm thấy đang lớn vởn đâu đây, Shiomura cũng chẳng biết nó chứa những gì bên trong.

Đúng một tuần sau từ hôm chủ nhật con cá giếc vào nhà, Shiomura rủ thằng Mamoru tản bộ với mình.
- Hay cha con ta đi chơi phất phơ ở mấy con phố con chưa tới bao giờ đi. Chịu không ?
Anh ta hỏi thì nó đáp :
- Chịu chứ ba !
Thế rồi hai người lẳng lặng lấy chuyến buýt chạy từ Ikebukuro để xuống trạm Shiinamachi. Đó là nơi có căn hộ của Tsuyuko.
Chính Shiomura cũng không giải thích nổi lý do gì xui anh ta hành động như vậy. Dắt đứa con trai đi đến nhà của người đàn bà mình đã chia tay là việc sẽ có hậu quả khôn lường, anh ta không phải không biết. Biết thì biết mà không làm lại ray rứt mãi.
Mamoru vẫn ít lời như mọi khi, lặng thinh bước theo chân bố nó. Shiomura nhận ra ngay cái siêu thị nhỏ quen biết năm xưa, cả tiệm rau quả, cả hàng cá nữa. Bên cạnh nhà bán áo kimono là tiệm bán chè, trước cửa vẫn thoang thoảng hương chè sấy khô như một năm về trước. Shiomura cảm thấy những cảnh vật đó như đang xát muối vào vết thương lòng.
Anh ta bỏ con đường lớn, buồn rầu lê bước về cái ngõ hẻm dẫn lên khu chung cư. Cái ngõ này anh ta đã đi qua bốn mươi hay năm mươi lần rồi ấy nhỉ. Bây giờ ngộ nhỡ Tsuyuko bất chợt từ trong căn hộ kia tình cờ chạy ra gặp thì ăn nói thế nào đây? Shiomura không tìm ra lời giải.
Đi lại chổ này cả năm thì thế nào hàng xóm trong khu chung cư cũng có người nhớ mặt. Để khỏi phải đụng độ họ, Shiomura bèn vòng bên hông nhà. Vị trí căn phòng của Tsuyuko là cái cửa sổ thứ hai trên tầng hai đếm từ phía cuối dãy.
Tsuyuko hình như đã dọn đi đâu. Cứ thấy mấy thứ quần áo giặt phơi ngoài cửa sổ thì đoán chừng được là đồ của

một cặp vợ chồng trẻ tuổi mới ngoài hai mươi có con nhỏ.
Shiomura chợt thấy thằng Mamoru đang ngước mắt ngó theo mình về hướng cửa sổ nhà Tsuyuko. Mamoru lảng thật nhanh qua hướng khác nhưng vẫn không nói không rằng.
Đến mức nầy phải ngừng.
Biết rằng vượt qua giới tuyến sẽ đâm ra nguy hiểm, nhưng Shiomura tựa hồ muốn hành hạ chính mình thêm chút nữa. Đưa thằng Mamoru, người chăm sóc cá, tới đây là để chôn vùi dấu vết cái bãi chiến trường đầy kỷ niệm của một năm về trước. Làm như vậy còn tỏ được lòng cảm kích đối với công lao nuôi nấng con cá giếc của nó. Cũng như chuộc hết tội lỗi đã gây ra cho Tsuyuko.
Shiomura vượt qua nhà tắm công cộng, bỏ thêm một căn, bước vào quán nước bên cạnh. Ngày ấy, mỗi khi cùng Tsuyuko đi tắm về, hai người thế nào cũng vào tiệm này.
Ông chủ quán tuổi ngoại sáu mươi vẫn ngồi nguyên ở cái chỗ của một năm về trước, với bộ mặt cố hữu, trong tay cầm tờ báo đua ngựa. Nhận ra Shiomura, ông ta phất tay lên định nói điều gì nhưng vừa thấy có thằng Mamoru đi sau mới bước vào, lại hạ tay xuống.
Shiomura ngồi đúng chỗ xưa kia vẫn ngồi với Tsuyuko. Anh ta quay lại nói với Mamoru thật to như cố tình để ông chủ quán nghe được:
- Pa-pa xin ly cà phê, con uống gì con ?
- Xô-đa !
Ông chủ quán nhướng mắt nhìn Shiomura kinh ngạc. Tsuyuko hồi đó lúc nào cũng gọi xô-đa.
Hai cha con im lặng nhấp cà phê và xô-đa. Chủ quán làm bộ chăm chú đọc báo cá ngựa nhưng lâu lâu cứ liếc liếc hai bố con.
- ……có mạnh giỏi không hở ta ?
Vừa chìa tiền ra trả, Shiomura vừa đặt câu hỏi.
Anh ta cắt mất hai chữ Người đó…đáng lẽ phải được đặt ở đầu câu nhưng ông chủ quán đủ tinh tế để hiểu ra :
-Thì chắc cũng mạnh giỏi làm ăn chớ gì há !
Một năm đã trôi qua từ ngày anh ta không đến nữa, Tsuyuko sinh sống ra sao. ? Cô ta có tìm được người đàn ông nào thay thế vào chỗ anh để dắt cô đi nhà tắm, rồi cùng ghé tiệm cho cô nhấp một ly xô-đa trên đường về ?
Shiomura còn muốn tìm hiểu thêm nhưng thấy sau khi thối tiền, ông chủ quán lại chúi mũi vào trang báo nên đành thôi. Chỉ nhìn vẻ mặt ông quán, anh ta có thể tin tưởng rằng Tsuyuko không oán hận anh bao nhiêu. Chẳng qua tình thế bắt buộc, anh ấy đành xử sự như thế thôi. Khi dọn nhà ra đi, Tsuyuko chắc chỉ giận dỗi đôi chút , với cái tâm tình muốn nhắn nhủ *" Thôi, thay em mà nuôi Funakichi đi nhé ! "* rồi lặng lẽ đem con giếc bỏ vào nhà anh ta chăng? Tưởng tượng như vậy cho đỡ khổ nhưng thực sự có mong gì hơn đâu. Một người lúc nào cũng biết tạo niềm vui cho mình như Tsuyuko thì phải biết cách xử trí để thoát thân khi gặp cảnh khổ chứ ! Mình sẽ hết lòng hết dạ nuôi con cá, cho nó sống hết đời. Ngày nào không nuôi nổi nữa thì đem nó về vùng Kasumi-ga-ura, quê hương của Tsuyuko, mà phóng sinh. Shiomura nghĩ lan man như vậy. Cái ngày phải đi thả Funakichi, anh ta định bụng sẽ không báo cho vợ lẫn Mayumi mà chỉ kéo theo Mamoru, lại chỉ hai bố con thôi.
Trên đường về, Mamoru giữ nguyên im lặng.
Nhớ hồi mới lên năm thì phải, ba nó có dẫn đi xem một trận dã cầu. Lúc về đến nhà, bà mẹ hỏi thăm:
- Mamoru, chớ cu với ba đi đâu mới về đó ?
-Ti-vi.
Kiểu trả lời cộc lốc lần ấy của nó đã trở thành giai thoại trong nhà. Hôm nay, không biết nó sẽ trả lời sao đây ! Lúc ấy chắc Shiomura sẽ đau nhói trong tim thêm lần nữa.
Còn đang chìm trong giòng suy tưởng thì hai bố con đã về đến nhà, để thấy Funakichi đang ngửa trắng bụng, lềnh bềnh trong bồn.
- Hai bố con vừa ra khỏi nhà, nó liền ngoi đầu lên khỏi mặt nước, hụp lên hụp xuống. Tưởng nó chỉ ngụp lặn như thế thôi thì người nó bỗng xoay ngang ra rồi miệng trớ ra không động đậy gì nữa.
Mẹ nó giải thích là bởi không biết đối phó cách nào đành để nguyên xi đợi bố con về, Mamoru nghe mà như không muốn tin, đưa mắt lườm mẹ.
Funakichi nổi lềnh bềnh ra thế rồi mà cặp mắt vẫn mở thao láo tròn xoe như con cá chép vẽ treo đầu cây nêu (3). Nó nằm ngửa, lặng lờ nhàn tản. Những lớp vẩy hình cánh quạt chồng lên nhau hãy còn tươi như rmàu ráng chiều chưa nhạt.
Shiomura nghe tiếng dương cầm chợt im bặt thì đã thấy con Mayumi đến đứng bên cạnh.
- Giống cá giếc lúc chết có ồn ào không nhỉ ? Tưởng con giếc này phải đau đớn khổ sở nghiêng qua lật lại bắn tung nước ra chứ. Hoàn toàn không là không.

Shiomura tỉnh táo như chẳng có gì, vừa nói vừa cười nhẹ :
- Tại nó không muốn để lại di chúc mà !
Ngậm ngùi cho Funakichi thì có nhưng Shiomura cũng cảm thấy mình được giải phóng khỏi bị Tsuyuko ám ảnh, và cái niềm vui thoát nạn lấn át cả nỗi buồn. Anh ta nhớ có thời tưởng tượng Tsuyuko đã ra biển tự trầm vì mình và xác cô trôi dạt nơi nào đó ở vùng Kasumi-ga-ura, nhưng rồi tự cười mình hãy còn mang cái lòng tự ái hão của một gã đàn ông và vội xua ý nghĩ ấy qua một bên.
Thằng Mamoru ở đâu xen vào:
-Má có tống thuốc giặt hay thứ gì vô bồn cá không đó, má !
- Đồ khùng. Má mắc mớ gì làm chuyện đó hở ? Cái thằng vớ vẩn !
Đằm tính như Miwako mà mắt cũng long lên sòng sọc, chỉ còn trơ mỗi lòng trắng. Rồi bỗng trở lại giọng nói ngày thường, quay ra hỏi con :
-Thế nãy mầy với bố đi đâu ?
Mamoru không trả lời, cho tay vào bồn, khẽ ấn vào người con cá giếc.
Con vật nằm nghiêng nghiêng nhưng nó hết là cá rồi. Nó đã thành một vật gì khác, khi nổi khi chìm.
-Nầy, thế nãy mầy với bố đi đâu?
Một lần nữa, Mamoru lại cho tay vào lay lay con cá giếc rồi ấn nó chìm thật sâu dưới nước.
-Gâu gâu !
Nó nhại giọng chó sủa.

Dịch xong ngày 17/06/2003
Nguyễn Nam Trân

Chú thích

(1) Không rõ tác giả định đề cập tới ai, Robert Browning (1812-1889) hay vợ ông ta, Elizabeth Barrett Browning (1806-1861), cả hai đều là thi nhân người Anh.
(2) tạm dịch chử Roller Skate
(3) Koinobori: cá chép bằng giấy hay vải treo trên cây nêu tre ngày Tết Đoan Ngọ để chúc các bé trai khoẻ mạnh, chóng lớn. Giếc (Funa = Crucian) trong bài là một loại cá thuộc họ Chép (Koi = Carp).
(4) Yoshida Shigeru (1878-1967), chính khách Nhật Bản thời hậu chiến. Thủ tướng Nhật từ 1948 đến 1954. Người dị tướng, đầu nhọn hàm bạnh nhưng giỏi chính trị, có cá tính mạnh ("độc diễn" , tạm dịch chử wan-man (one man) của nguyên tác).

Sợi Tơ Nhện

Tác giả : Akutagawa Ryunosuke
Người dịch : Đinh văn Phước

Tác giả :

Akutagawa Ryunosuke sinh năm 1892 (Meiji/Minh Trị năm thứ 25) ở Irifune-cho, Kyobashi-ku, Tokyo bây giờ đổi thành Chuo-ku. Cha có nông trại nuôi bò để lấy sữa. Lúc mới đầy bảy tháng thì mẹ phát cuồng, nên được thân quyến bên ngoại, gia đình người Anh của mẹ nhận về nuôi. Năm lên 10 thì mẹ ruột mất trong bệnh viện người điên. Năm 12 tuổi mới chính thức lấy họ ngoại là Akutagawa. Ông mất năm 1927.

Vào được Đông Kinh Đế Quốc Đại học nay là Đông Kinh Đại học (Tokyo Daigaku), Ông cùng với bạn học là Kikuchi Kan, Kumei Masao những cây bút nổi tiếng đương thời tích cực hợp tác lập văn đàn và sáng tác. Năm 1916 Ông viết truyện ngắn Hana (Cái Mũi), được đại văn hào Natsume Soseki khen không tiếc lời, tháng 9 cùng năm sáng tác truyện Imogayu (Cháo khoai). Năm sau đó 1917, Ông cho in tập Rashomon (La Sinh Môn) gom góp một số truyện ngắn nổi tiếng, tự đó tạo được một chỗ đứng riêng trong văn đàn Nhật bản. Ông là một trong những cây bút đại diện cho văn học Nhật thời đại Taisho (Đại Chính). Ngày nay một giải thưởng văn chương rất có uy tín mang tên Ông, phát hàng năm cho cây bút nào với sáng tác có giá trị văn học cao.

Tác phẩm Sợi tơ nhện được sáng tác vào năm 1918 cho tạp chí Văn Nghệ Thanh thiếu niên Akai Tori (Con Chim đỏ). Trong những năm tiếp theo Ông rất tích cực sáng tác truyện ngắn cho Thanh thiếu niên chẳng hạn như Majutsu (Ảo thuật 1919), Toshishun (Đỗ tử Xuân 1920)., Torokko (Chiếc xe goòng 1922) , Sennin (Ông tiên 1922) v.v...

1

Xin kể, đây là câu chuyện xảy ra trên Cực Lạc. Một bữa nọ, Đức Thích Ca một mình lững thững đi dạo bên hồ sen. Những đóa sen trong hồ nở trắng toát, đẹp như ngọc. Từ giữa nhụy vàng một hương thơm ngào ngạt khó tả, ngan ngát tỏa ra khắp miền.

Xin thưa, trên Cực Lạc lúc đó đúng vào buổi sáng.

Đức Thích Ca dừng lại bên cạnh hồ sen. Xuyên qua giữa những lá sen phủ khắp mặt hồ, Đức Phật chợt đưa mắt nhìn xuống dưới.

Xin thưa, bên dưới hồ sen lại chính là đáy của địa ngục. Nước hồ trong vắt như thủy tinh. Đây là sông Tam Đồ, đấy là những hòn núi đầy kim. Cảnh tượng ở dưới trông rõ mồn một như được soi gương.

Dưới địa ngục, cảnh gã Kandata cùng với các tội nhân khác đang quằn quại rên siết, lọt vào mắt Phật.

Tên Kandata này là một tên trùm trộm cướp. Cả đời, y làm đủ chuyện độc ác, cướp của, đốt nhà, giết người không gớm tay. Duy chỉ một lần, y cũng làm được một việc thiện. Vâng, đó là chuyện vào một buổi nọ, tên ác ôn này đang đi trong rừng sâu, bỗng y thấy một con nhện bò bên vệ đường.

Y liền giở chân lên định dẫm chết con nhện, nhưng y nghĩ "Không, không, nó tuy chỉ là một con vật nhỏ bé, nhưng nó cũng có một sinh mệnh, nỡ nào ta lại giết đi, như thế thì tội nghiệp cho nó quá". Nghĩ vậy y bèn thôi, không giết con nhện.

Đức Thích Ca nhìn cảnh địa ngục, nhớ lại chuyện tha không dậm chết con nhện của tên Kandata. Để ứng báo cho cái việc thiện ấy của y, Đức Phật nghĩ nếu được thì cũng muốn cứu vớt tên này ra khỏi cảnh địa ngục. May thay lúc ấy, Đức Phật nhìn bên cạnh, thấy trên một lá sen xanh như cẩm thạch, một con nhện trên Cực Lạc đang giăng tơ, những đường tơ óng ánh, đẹp như bạc.

Đức Phật bèn vươn tay nhẹ vớt một sợi tơ nhện và xuyên qua giữa những đóa hoa sen trắng như ngọc, buông thẳng tuốt xuống địa ngục.

2

Xin thưa, dưới địa ngục, tên Kandata cùng với những tội nhân khác đang lặn hụp trong ao máu, lúc nổi lúc chìm.

Mà tứ bề thì tối mịt. Trong cái cõi âm u ấy, nếu đâu đó có cái gì hiện ra, thì đó lại chính là những mũi kim nhọn hoắt của các hòn núi đầy kim dưới địa ngục, lóe ánh sáng trông thật là khủng khiếp, ghê rợn. Hơn thế, cả vùng lặng ngắt như nằm trong huyệt mộ, chốc chốc chỉ nghe thấy vọng tiếng thở dài khe khẽ của các tội nhân.

Xin thưa, ai mà đã sa xuống dưới địa ngục này, thì phải chịu đủ thứ cực hình đau đớn, còn sức đâu nữa để mà khóc thành tiếng.

Cho nên dù lúc sinh tiền Kandata là tên cường đạo, thì nay giỏi lắm cũng chỉ giãy giụa, sặc sụa trong ao máu không khác gì một con ếch sắp chết mà thôi.

Nhưng xin thưa, trong lúc lặn hụp ấy, Kandata bất giác ngước mặt nhìn trời. Ô kìa trong cái cõi u minh tối mịt, xa tít từ trên trời cao, một sợi tơ nhện màu bạc như một tia sáng, lóng lánh thật mỏng, len lén buông xuống nhè nhẹ như không muốn cho ai hay, ngay trên đầu của mình.

Khi Kandata nhận ra điều này thì trong bụng mở cờ. Nếu bám được sợi tơ nhện này mà leo miết lên thì chắc có lẽ sẽ thoát được địa ngục.

Ơ này, không biết chừng có thể vào được cả chốn Cực Lạc. Như vậy thì từ nay khỏi bị đuổi trèo lên núi đầy kim nhọn, hết phải bị bắt lặn hụp trong ao máu nữa.

Nghĩ vậy, Kandata liền đưa hai tay níu chặt lấy sợi tơ nhện và cố hết sức mà leo lên, lên cao hơn.

Xin thưa, y vốn là tên cường đạo, nên chuyện như vầy thì xưa nay y đã từng quen thuộc.

Nhưng xin thưa, khoảng cách giữa địa ngục và Cực Lạc thì xa đến hàng ngàn vạn dặm, dù có muốn gấp cũng chẳng dễ gì mà có thể thoát ngay được. Kandata ra sức leo một mạch thì thấm mệt, kiệt sức, không tài nào leo nổi nữa, dù chỉ một gang.

Không cách nào hơn, Kandata đành đeo cứng sợi tơ ở giữa chừng, định nghỉ một lát để lấy lại sức. Y đưa mắt nhìn xuống phía dưới xa lắc.

Thì ra, đã không hoài công leo, cái ao máu mới hồi nào đây, y đã lặn hụp trong đó thì nay, không biết tự hồi nào đã chìm mất trong bóng tối phía bên dưới. Cả những ngọn núi đầy kim sáng lờ mờ khủng khiếp kia, cũng đã khuất ở phía dưới chân của y rồi. Cứ như thế này mà leo miết lên thì không biết chừng chuyện ra khỏi được địa ngục không phải là không được

Kandata quấn sợi tơ nhện vào cả hai tay, đã mấy năm rồi từ ngày sa xuống địa ngục, y không hề thốt ra nổi một lời, nay bỗng to tiếng cười "Được rồi, chắc được rồi ".

Nhưng bất đồ y nhận ra, ơ kìa phía dưới sợi tơ nhện, không biết bao nhiêu là tội nhân cứ nối nhau, hết lòng cố leo lên theo y, đông như kiến.

Thấy vậy Kandata vừa hoảng vừa lo. Y đờ người ra, miệng há hốc, mắt đảo quanh.

Y nghĩ thầm, sợi tơ nhện này mong manh như thế, một mình y đeo không thôi cũng không biết chừng bị đứt, thế thì làm sao mà chịu cho nổi sức nặng của cả chừng ấy người.

Nếu lỡ mà sợi tơ này bị đứt giữa chừng, thì toi hết công đã leo được đến đây, và chính y cũng sẽ rớt trở lại địa ngục. Không thể được.

Nhưng ngay cả trong khoảnh khắc ấy, từ dưới ao máu tối mịt, hàng trăm, hàng ngàn tội nhân khác, lúc nhúc nối tiếp nhau bò lên, cố bám lấy sợi tơ nhện mong manh sáng, leo lên trên thành một hàng dài.

Kandata liền hét to.

- Ê bọn bây, sợi tơ nhện này của tao. Bọn bây đã xin phép ai mà dám leo lên đây. Xuống hết! Xuống hết!

Chính ngay lúc đó.

Sợi tơ nhện cho đến giây phút ấy chẳng sao cả, bỗng đột nhiên đứt phựt một tiếng, ngang từ trên chỗ tên Kandata đang đeo.

Và như thế, tên Kandata chẳng còn bám víu vào đâu được. Trong chớp mắt y rớt lộn ngược, người y cắt gió quay vòng như một con vụ, rớt tuột xuống trong bóng tối.

Xin thưa sau đó, giữa bầu trời không trăng không sao, chỉ còn lại một sợi tơ cụt ngủn của con nhện trên Cực Lạc, lòng thòng óng ánh sáng, rất mong manh.

3

Đức Thích Ca ngự bên hồ sen trên Cực Lạc, nhìn rõ mọi chuyện, mãi cho đến lúc tên Kandata chìm nghỉm trong ao máu như một tảng đá. Đức Phật như có vẻ buồn, lại lững thững cất bước đi.

Vì cái tâm không có một chút từ bi, chỉ muốn một mình thoát khỏi địa ngục, mà Kandata đã bị quả báo rớt trở lại địa ngục, dưới mắt Đức Phật, là cả một điều bi đát thảm thương.

Thế nhưng, trên Cực Lạc sen trong hồ vẫn nở như không có chuyện gì xảy ra .

Những đóa hoa sen trắng như ngọc, đài hoa lay nhẹ bên chân Phật. Từ giữa nhụy vàng ngào ngạt một hương thơm khó tả, ngan ngát tỏa ra khắp miền.

Xin thưa, lúc đó trên Cực Lạc đã gần đến đúng Ngọ.

Tokyo, Hino 1-2003

Trận đòn hòa giải

Võ Hồng

Thấm thoát mà bốn năm đã trôi qua, kể từ ngày má mất. Năm nay Thủy đã lên bảy tuổi, Hào được mười tuổi còn tôi lên mười ba. Chúng tôi thương yêu nhau trong cái gia đình bé nhỏ, nhưng từ một năm trở lại đây nghĩa là từ khi Thủy bắt đầu đi học, sao giữa chúng tôi hay có sự lục đục. Thật ra, sự lục đục thường chỉ xảy ra giữa Thủy và tôi mà thôi. Hào thì vô tâm thượng hạng, không làm mếch lòng ai bao giờ nên nó như người đứng ngoài cuộc. Chỉ có Thủy và tôi là hay va chạm nhau. Chúng tôi là con gái khiến tôi cứ muốn vội vàng kết luận: con gái hay lắm chuyện. Tôi cũng cố tìm những lẽ để giải thích vì sao Hào nó có thể dễ dàng ăn ở hòa thuận với chúng tôi. Lẽ quan trọng, theo tôi nghĩ chắc là ngoài những giờ học ở lớp là nó ở ngoài đường nhiều hơn là ở nhà. Bạn của nó do đó mà đông lắm. Thằng Ánh láng giềng bên phải, thằng Mộc thằng Tâm láng giềng bên trái, một chuỗi những thằng Đức, thằng Kha, thằng Thạnh láng giềng ở trước mặt. Tùy thời tiết mà những thú chơi của nó thay đổi. Khi mưa, nước đọng ở vũng trước nhà, thì chúng ném đá và tạt nước vào nhau. Khi nắng to thì ngồi dưới bóng dừa kể chuyện phim Ấn Độ. Tháng ba tháng tư thì đứa nào cũng loảng xoảng những lon, những hộp, bắt dế, nuôi dế, đá dế. Tháng chín tháng mười thì rủ nhau ra ao bắt cá, những con cá bằng nửa que diêm - những con cá còn bú mẹ, như lời ba tôi nói đùa - đem về nuôi ở lon sữa và dàn ra từng hàng ở ngoài vườn dưới bóng cây ổi. Khi nghe tiếng xe ba nổ ở đầu phố thì nó lật đật chạy ù một mạch về nhà ngồi trước một quyển sách đã để thường trực ở bàn hoặc chạy tuốt ra sân sau giả vờ mới vừa đi tiểu. Tiếp theo, chị Hai dọn ăn và nó đi rửa tay một cách chăm chỉ, ngồi ăn ngon lành và nghiêm trang như một người rất xứng đáng. Thú chơi của nó không những không động chạm gì đến tôi mà ngược lại, nó còn làm cho tôi ham thích nữa. Tôi cũng bắt chước nó đá dế, bắn cung, bắn bi, gài bẫy dông...

Đối với Thủy thì không thế. Trước đây, khi Thủy còn bé thì tôi yêu Thủy lắm, nhưng sao Thủy như vẫn ít thân mật với tôi. Thủy có vẻ sợ tôi. Điều này tôi không muốn, nhất là ba thì càng không muốn lắm. Mỗi lần ba đi đâu về mà thấy vắng bóng Thủy là ba đã vội kêu "Thủy đâu rồi? Thủy ơi?". Tôi nhớ có một lần nghe ba gọi thế thì chị Hai, chị ở, vội thưa:

- Thưa thầy, Thủy mắc học với cô Hằng.

Ba bước thẳng lại phòng học, mở cửa nhìn vào. Thủy ngồi cạnh tôi, trrước một quyển vở để mở. Ba nói:

- Thủy nghỉ đi. Chiều rồi.

Nhưng Thủy vẫn im lặng. Tôi nhớ rõ đôi mắt ba chầm chậm nhìn sang tôi. Giọng nhẹ nhàng:

- Thôi, để cho em nó nghỉ.

Rồi ba dìu Thủy đứng dậy. Thủy bấu tay vào bàn không chịu dậy. Ba phải bế giật Thủy ra và nói đùa:

- Thôi mà, sao học chăm thế?

Tôi biết ý ba không vui lắm khi thấy Thủy sợ tôi. Tôi không bao giờ quên lời ba dặn riêng tôi:

- Đừng làm cho em sợ. Nên thương em nhiều hơn.

Tôi có nghĩ rằng ba thương Thủy hơn tôi và Hào. Tôi không ganh tị với Thủy điều này vì mọi người đều cho rằng cha mẹ cưng con nhỏ hơn con lớn. Con nhỏ cần sự âu yếm của cha mẹ hơn. tội nghiệp, má mất hồi Thủy mới có ba tuổi. Tôi muốn nghĩ rằng ba thương Thủy hơn chúng tôi vì nó có nét giống má, còn Hào và tôi thì giống ba. Nhưng dù chủ quan đến đâu, tôi cũng phải công nhận là về hình thức thì ba rất công bằng. Có đồ ăn đồ chơi ba chia đều cho ba đứa. Nếu để tôi đứng chia thì thế nào ba cũng lấy phần của ba sớt thêm cho phần Thủy và phần Hào. Để khỏi làm mếch lòng tôi, ba nói:

- Để chia thêm cho em. Ba lớn, ba không thèm nữa.

Biết tính ấy của ba nên Hào và Thủy thỉnh thoảng cũng lợi dụng, nhất là những khi tôi vắng mặt. Vào bữa ăn, khi có tôi cùng ngồi thì hai đứa ngoan ngoãn lắm. Kỳ nghỉ hè vừa rồi, một mình tôi về thăm quê mười ngày. Lúc vào, tôi nghe chị Hai bảo:

- Không có chị trong nầy, Hào và Thủy ăn hiếp ba dữ lắm. Hai người nói chuyện liến thoắng trong bữa ăn và những món nào ngon là ăn vã kỳ hết.

Sợ tôi kịp tỏ một thái độ bất lợi cho hai đứa, ba gọi cả hai lên phòng ba.

Có lẽ vì biết ba có biệt nhãn đối với mình nên Thủy thỉnh thoảng cứng đầu với tôi. Đọc bài lí nhí mà bảo đọc to thì không chịu nghe nếu tôi nói hơi xẵng giọng. Tôi tức, nhắc lại đôi lần và Thủy tự ái, Thủy cứ ngồi lì, mặt sụ xuống. Tôi cáu, tát cho một cái là Thủy òa ra khóc, khóc kéo dài đợi cho đến lúc ba về. Kể cũng nặng nhọc khi, có lần nhìn đồng hồ còn những một giờ rưỡi nữa ba mới về. Tôi đâm ra thương hại Thủy, ngồi dỗ cho Thủy nín nhưng Thủy vẫn không nín. Lúc ba về, ba đưa mắt nhìn cái quang cảnh mệt mề bất ổn ấy rồi lặng lẽ vào phòng riêng khóa cửa lại. Tôi muốn ba lên tiếng rầy la tôi đi để tôi có dịp trả xong món nợ, để cho Thủy hài lòng mà im tiếng thút thít. Đằng nầy ba im lặng là làm khổ cho cả hai đứa chúng tôi. Tôi lo không biết ba sẽ có một lối phạt nào nặng hơn tiếng ba rầy. Chắc Thủy cũng lo vì ba không tỏ ra tán thành Thủy lắm. Lúc ngồi lại bàn ăn, ba lặng lẽ ăn. Chừng được nửa bữa, trái với sự dự đoán của chúng tôi, ba quay sang Thủy:

- Bữa sau con đừng khóc nhè như vậy nữa. Anh chị có đánh mắng cũng chỉ vì thương em, muốn dạy dỗ em. Chị Hằng thương con bao nhiêu con có biết không? Con đâu có biết được rằng những ngày đầu ở Đà Lạt, khi ba má mới hồi cư, chị Hằng phải bế con khi nhà chưa thuê được người ở. Lúc bấy giờ con còn nhỏ con đâu có biết sự trìu mến nhọc nhằn của chị đối với con. Đáng lẽ con phải thương chị trở lại và cám ơn chị mãi. Đằng này con làm trận với chị là ý con muốn ba đánh mắng rầy la chị. Sao con nỡ như vậy?

Nghe năm chữ sau cùng được nói với một giọng trầm trầm chậm rãi, tôi cảm động và thấy mình có lỗi hơn là em tôi. Ba khéo sắp đặt để cho lời khuyên đứa này còn có thể gián tiếp khuyên đứa kia. Ngừng lại một giây, ba tiếp:

- Chính Thủy hay nhắc đến lời khuyên của má khuyên ba đứa con: "Chị em phải thương yêu nhau". Má biết má sắp mất bỏ lại ba đứa con bơ vơ nên má mới khuyên ba con đùm bọc nhau như vậy.

Dường như cảm động, ba không nói nữa. Tôi muốn chạy ôm ba tôi để xin lỗi, hôn em tôi để làm lành nhưng tôi vẫn ngồi im. Tôi đọc trong những quyển sách tập đọc, tôi xem trong những phim, thấy vào những trường hợp tương tự, một người con gái Âu Mỹ sẽ làm như vậy.

Việc xảy ra như thế làm êm dịu không khí giữa chị em tôi trong đôi tuần. Sau đó, thế nào chúng tôi cũng có những dịp để không hài lòng nhau. Tính tôi cũng dễ cáu. Có lẽ là do cái không khí cô đơn trong đó chúng tôi sống. Ngoài những lúc đi làm vắng mặt, còn khi về nhà ba hay im lặng. Muốn

làm vui chúng tôi, ba chỉ có thể kể chuyện, kể chuyện linh động gần như đóng kịch, vào những giờ ăn. Tôi biết đó là một sự cố gắng lớn vì sau một buổi làm việc, trông ba có vẻ nhọc lắm. Ba biết những câu chuyện mà chúng tôi thích. Thích nhất là chuyện ngày xưa của chúng tôi. Ba kể khi tôi còn nhỏ chị ở tên là Rau bế lại trường má tôi dạy. Tôi thấy má, mừng quá hét to lên khiến mấy anh chị học sinh ngạc nhiên quay lại. Ba kể khi chị Rau bế tôi làm té, má chạy lại ôm lấy tôi vừa xoa vừa khóc nức nở khiến tôi đang ngơ ngác không biết việc gì mới xảy ra nhưng thấy má khóc cũng vội khóc theo. Những kỷ niệm xưa, tôi nghe kể mà thèn thẹn một cách lý thú êm dềm. Thèn thẹn vì ba kể hết những nỗi khổ của thời giặc giã mà không giấu giếm. Êm đềm vì tôi cảm thấy sự âu yếm mà ba má đã dành cho tôi. Trong những kỷ niệm về tôi ba phải nhắc đến má. Giọng vẫn bình tĩnh nhưng thỉnh thoảng tôi thấy mắt ba nhìn ra xa. Rồi giữa lúc đang nói bỗng ngừng lại không nói nữa khiến chúng tôi ngạc nhiên. Tôi đoán biết lý do nên cúi xuống chén cơm mình. Thằng Hào dại hơn, lên tiếng giục:

- Rồi sao nữa ba, nói tiếp đi.

Thủy thế mà tinh ý. Thủy nói:

- Chắc ba nhớ má...

Khi Hào đòi ba kể chuyện ngày xưa của nó, ba kể lúc má dời nhà lên Trung Lương. Hào đi theo mấy người học sinh của má, nào là chị Thỏa, chị Lang đi chăn bò. Nhưng để thay đổi không khí, đối với Hào ba hay kể chuyện tương lai. Ba kể một ngày kia thằng Hào mặc bộ com-lê, mang giày da đen và hút xì-gà. Nó đi nghênh ngang bước vào nhà miệng huýt sáo. Tức thì con nó nhảy bổ ra và reo lên "Ba về! Ba về".

Nghe đến những đoạn này, Hào như bị người cù vào nách không chịu được phải bật cười, cười lý thú vì những chi tiết ba kể thường nịnh theo cái mộng hiên ngang của nó. Ba ít nói đến những kỷ niệm về Thủy. Tôi nghĩ mãi mới tìm ra lý do. Những kỷ niệm về Thủy thường tôi và Hào dều biết. Khi ba gợi đến thì thường ba để cho tôi và Hào giành nhau nói tiếp. Buổi tối, ba chơi với Thủy và Hào một lát rồi vào phòng riêng. Chỉ những ngày nghỉ rỗi rãi là bốn cha con quây quần lâu hơn ở xa lông. Ba coi tôi như đã lớn nên khuyên dạy nhiều hơn chơi đùa với tôi. Đó là một lý do khiến tôi thấy mình cô đơn. Tôi mất đi một phần lớn tuổi thơ. Nhưng dù vậy, so với cái cô đơn của ba, tôi thấy tôi còn được sung sướng hơn nhiều. Quả tình ba đã hy sinh cho chúng tôi. Điều này tự tôi không biết, phải có nghe những người khác nói mới biết được.

Kỳ nghỉ hè trước ba cho chị em chúng tôi về quê ở Phú Yên chơi. Khi trở lại Nha Trang, ba hỏi:

- Các con có vui được nhiều không?

- Vui lắm. Vui lắm.

Chúng tôi đứa nào cũng lật đật trả lời và tranh nhau kể những thú vui. Những thú vui gần giống nhau: được thấy con sông, cái cầu ván, bầy bò và thằng chăn bò, vườn chuối, bờ tre, cây đa... mà chúng tôi thường đọc trên những trang sách nhưng không tưởng tượng ra được.

Tôi nói:

- Nhưng phiền một nỗi là con đi đâu họ cũng hỏi ba đã...

- ... lấy vợ chưa. Phải không?

Ba tôi ngắt lời và mỉm cười nhìn chúng tôi. Chúng tôi cũng mỉm cười gật đầu. Ba tiếp:

- Ba biết trước những câu người ta đã hỏi các con. Đại khái như thế này: Sao ba không về thăm?... Ba đã lấy vợ chưa? Sao không bảo ba lấy vợ?... Lương ba mỗi tháng bao nhiêu? Ba đã giàu chưa? Con có nhớ má không?...

Thật đúng y những điều người ta vẫn hỏi tôi. Có một điều nữa tôi chắc chắn là ba biết nhưng ba không nói. Đó là, thế nào rồi cuối cùng người ta cũng chép miệng:

- Tội nghiệp má con hồi xưa...

Người nào cũng thương yêu quí mến má. Có nhiều bà lấy khăn chặm nước mắt. Tôi sung sướng muốn nói lời cảm ơn bà. Ba tôi tiếp:

- Sang năm, các con về nghỉ hè, người ta cũng sẽ hỏi lại những câu đó. Vậy ba sẽ thuê in sẵn những câu trả lời để khi gặp ai bắt đầu hỏi: "Sao ba con..." thì con hãy giơ tay ngăn lại vừa móc túi lấy tờ giấy in trao lại cho họ vừa thưa: "Con đã biết rồi. Xin ông (hay bà) đọc những lời phúc đáp dưới đây".

Biết ba nói chơi nhưng tôi vẫn hỏi:

- Ba phúc đáp những gì?

- Dễ lắm. Sẽ in như thế này:
1) Ba con bận quá không về quê được.
2) Ba con chưa lấy vợ.
3) Vừa đủ tiêu thôi.
4) Còn túng lắm.
5) Nhớ lắm ạ, nhất là những khi nhìn lũ con người ta có má săn sóc vuốt ve hay dẫn đi phố, đi xi-nê.

Mùa hè thong thả êm đềm, chúng tôi quây quần bên cạnh nhau. Tôi không bị những bài học khó làm quấy rầy. Thủy cũng vậy, nên chúng tôi không có gì để hục hặc nhau. Đã thế ba lại có nhiều thì giờ để săn sóc chúng tôi hơn nên chúng tôi cảm thấy cuộc sống vui vẻ dễ chịu. Nhưng mùa hè nhẹ nhàng trôi qua và chúng tôi bận rộn trở lại. Mùa học bắt đầu. Thủy và tôi bắt đầu va chạm nhau. Những nguyên nhân thật hết sức vẩn vơ. Hoặc tôi giật mạnh quyển sách, hoặc tôi cau mày (lỗi này tôi thường mắc nhất) khi bảo Thủy làm gì. Thế là Thủy hờn dỗi. Có khi ba về kịp lúc Thủy đang hờn dỗi, có khi ba về chậm hơn mãi đến khi tôi đã lỡ đánh rồi. Thật là phiền khi ngừng sự việc đáng tiếc này xảy ra rồi tôi mới thấy là đáng tiếc. Vô ích hết sức là những cơn giận dỗi như vậy. Và tôi khó chịu khi thấy rằng cơn giận nào cũng giống nhau, giống đến mức nó làm cho tôi ghê tởm vì sự nhàm của nó. Lần này Thủy mới bắt đầu khóc thì ba về. Tôi biết thế nguy vì mới khóc Thủy còn dư năng lực để khóc to. Tôi lo xa, ngồi thủ thế ở góc giường, tay cầm quyển sách. Ba thay áo xong bình tĩnh lại đứng bên Thủy dỗ. Phải mất năm phút sau Thủy mới nín. Ba đưa Thủy lại thau rửa mặy rồi dắt Thủy lên phòng. Bữa cơm trôi qua im lặng, ai lo phần nấy. Sau bữa cơm, ba lên giường. Một lát sau, tôi nghe tiếng cửa tủ mở và ba lục lọi gì trong ấy lâu lắm. Buổi xế khi ba đi làm rồi, tôi lẻn vào phòng ba để tìm xem động tĩnh nhưng chẳng có gì lạ, có gì thayđổi. Vẫn cái khung cảnh quen thuộc của giường, của bàn, của tủ sách, của tủ áo. Chỉ có sự lộn xộn của những chồng sách đặt trên bàn là không khi nào giống nhau. Chiều đó, ba bước xuống phòng tôi tay cầm một ảnh khổ 6x9. Ba để dựng lên bàn học của tôi vừa êm đềm nói:

- Con giữ ảnh này, để luôn luôn trên bàn này.

- Ảnh gì đó ba? Tôi lật đật hỏi.

- Con xem sẽ biết.

Nói xong, ba đi ra. Hào và Thủy nghe nói có ảnh nhảy bổ vào xem.

- Chị cho em xem thử.

- Cho em xem với, chị Hằng.

Ba chị em châu đầu vào bức ảnh. Đó là bức ảnh chụp mộ má. Ba ngày sau khi chôn cất má xong, ba đặt cho thợ xây mộ. Khi mộ hoàn thành ba đưa chị em ra thăm. Hôm đi, có cả ông vừa ở Phú Yên vào. Một bức ảnh được chụp để ba gởi đến các bà con phía má. Trong ảnh, ba đứng một bên mộ, ông đứng một bên. Hào đứng cạnh ông, tôi đứng cạnh ba. Thủy nhỏ quá, ba phải bế đứng lên thành mộ, gần bên ba. Ba chị em đều mặc áo tang. Màu trắng của áo quần tang nổi lên nền đen của ngọn núi đàng sau. Mặc áo tang vào, trông đứa nào cũng lụng thụng, thật đáng thương hại. Nhất là khi quen mắt với quần áo mặc hàng ngày là kỹ, thẳng nếp. Đã thế, mặt đứa nào cũng đờ ra. Hào đứng thẫn thờ buông xuôi hai tay như người chán đời. Thủy cúi nghiêng mặt để tránh mặt trời chói. Còn tôi thì tóc bay phờ phạc trước trán như một đứa trẻ ốm dậy. Thấm thoát mà thời gian qua mau làm sao. Tưởng chừng má mới mất khoảng mấy tháng nay thôi, sự đau xót còn thấm thía như một vết thương chưa lành kịp. Ấy thế mà bốn năm đã trôi qua. Nhìn lại bức ảnh mới thấy ba chị em bé bỏng đến tội nghiệp, đến buồn cười. Giá mà nhìn thấy ảnh này, chắc má ôm chầm lấy ba chị em mà òa ra khóc.

Có tiếng giày của ba xéo trước hiên, rồi ba bước vào phòng. Hào nhanh nhẩu hỏi:

- Cái ảnh này ba cất ở đâu bấy lâu nay, hở ba?

- Ba cất trong tủ.

Rồi vội vàng như sợ một đứa nào trong chúng tôi đưa ra những câu hỏi vẩn vơ, ba nói:

- Có nhìn vào bức ảnh, ba đứa con mới nhớ rằng mình cùng chung một nỗi đau khổ lớn, nỗi đau khổ mất mẹ. Người nào cũng khổ, khổ như nhau, thế mà mình còn tìm cách để làm khổ thêm anh chị em mình, nghĩ thật là vô lý. Thương yêu nhau bao nhiêu, đùm bọc nhau bao nhiêu cũng đã bù lại được chưa, tình yêu của người mẹ mà các con thiếu?

Ba ngừng nói, đi đi lại lại trong phòng.

- Trí nhớ của chúng ta vốn rất bạc bẽo. Các con lớn lên, nên vai nên vế, mỗi người có bạn bè riêng tư, có mối lo lắng và vui vẻ riêng tư... nên các con dần dần quên nghĩ đến nhau. Mối đau khổ chung của ngày mất mẹ xóa nhóa dần đi, lòng ích kỷ lớn lên...

Tôi sửa soạn cất tiếng cãi; "Không phải! Mối đau khổ không xóa nhòa được đâu, lòng ích kỷ..." nhưng ba đã vội giơ tay ngăn lại:

- Con cứ yên tâm đừng vội cãi. Cứ nghe rồi suy nghĩ đã. Ba đặt bức ảnh nơi đây để nhắc nhở mấy con, nhất là con, mỗi khi có điều gì đáng giận nhau thì hãy nhìn vào trước khi giận. Các con sẽ thấy lại một em Thủy bé bỏng, một em Hào ngơ ngác và một chị Hằng thẫn thờ, cả ba đều chịu chung cảnh mồ côi má từ thuở thơ ngây đó cho đến suốt đời. Cả ba đều khổ. Hãy thương yêu nhau.

Ba nhẹ nhàng bước ra. Còn lại ba chị em, chúng tôi im lặng, không nói gì với nhau được một lời. Bức ảnh để trên bàn tôi hơn một tuần. Quả tình mỗi lần nhìn nó, lòng xót thương của tôi đối với má, đối với hai em, đối với ba và cả đối với tôi nữa, nhức nhối như một vết thương vật chất. Sau

một tuần, vì thấy bàn học tôi lộn xộn sách vở, sợ để mực dây bẩn vào ảnh nên tôi lẻn đem bức ảnh đặt lên bàn ba. Ba không phản đối.

Không khí hòa bình kéo dài có lẽ chừng một tháng, Thủy và tôi lại xung đột nhau. Tính Thủy hay hờn dỗi mà một khi đã hờn dỗi rồi thì nói thế nào cũng không chuyển. Cứ đứng lì như một bức tường. Tức quá thì "bốp" cho một cái thì òa ra khóc. Hào cũng bắt đầu tỏ ý khó chịu về tính lì của Thủy nhưng Hào chỉ đứng nhíu mày nhìn rồi khinh khỉnh bỏ đi. Chỉ có một mình tôi là thỉnh thoảng hay "bốp" mà thôi. Những vụ xung đột nhỏ, ba phải giải quyết vào bữa ăn. Khi tự bào chữa, tôi hay đem Hào ra làm chứng:

- Ba hỏi thằng Hào coi. Tại Thủy nó lì quá, con bảo không được.

Ba quay sang Hào:

- Sao? Thủy nó lì hả?

Hào gật đầu.

- Gật đầu là cái gì? Hoặc là có, hoặc là không, phải nói cho ba biết với chớ.

Bị chạm tự ái bất ngờ, Hào tịt luôn không nói. Thành ra đáng lẽ rầy chứng lì của Thủy ba lại quay sang rầy chứng lì của Hào.

Một buổi sáng, ba dậy trễ vì đêm trước có khách nói chuyện khuya. Ba phải vội vã rửa mặt và vừa ăn sáng vừa thay áo. Khi ba hỏi đến Thủy thì thấy Thủy đứng im ở hiên, không cho chị Hai chải tóc và không chịu ăn sáng để đi học. Nguyên nhân chỉ vì khi cắt bánh mì chia phần, tôi không đặt tử tế trước mặt Thủy mà chỉ ném sang. Mẩu bánh mì rơi xuống ghế, Hào phải nhặt lên. Thế là Thủy không ăn nữa. Đến giờ đi làm, ba bước qua phòng ăn vừa dặn với vào:

- Hằng dỗ em một chút cho em ăn rồi nhớ đưa em đi học. Coi chừng chớ trễ giờ rồi đấy.

Trưa về, ba vội vàng hỏi:

- Thế nào? Sáng nay Thủy có bị trễ giờ không?

Không ai dám trả lời. Hào và tôi mỗi đứa cầm một quyển sách ngồi trước bàn. Thủy đứng gần ở cửa sổ. Mãi sau cùng chị Hai lên tiếng:

- Thưa thầy sáng nay Thủy không đi học. Chải tóc Thủy không cho, đưa bánh Thủy không ăn.

Tôi đợi chờ cơn giận của ba vì việc Thủy nghỉ học không xin phép sẽ gây cho ba nhiều sự quấy rầy, nhà trường sẽ viết thư hỏi lý do, ba sẽ phải trả lời trực tiếp hoặc bằng thư. Nếu lấy cớ bệnh thì phải có giấy chứng nhận của bác sĩ, chứng nhận bệnh khi nghỉ và chứng nhận mạnh nếu muốn đi học lại. Phiền nhiễu thế mà một mình ba thì đâu có đủ thì giờ để lo cho khắp.

Tôi lắng nghe tiếng chân ba giận dữ bước xuống phòng chúng tôi:

- Cũng tại con Hằng hết. Biết tính em nó vậy, sao còn hay chọc em làm gì?

- Con đâu có chọc? Con lỡ tay làm rớt mẩu bánh mì. Ba cưng nó thành ra động một tí là nó làm trận với con.

- Ba không cưng đứa nào hết.

- Ba cưng rõ ràng. Thằng Hào nó cũng biết.

- Hào, mày nói nghe. Ba có cưng con Thủy không?

Hào ngồi im không nói. Tôi lại phải lên tiếng:

- Thằng Hào bây giờ cũng ghét con Thủy rồi. Thứ gì mà động một chút là đã làm bộ. Thằng Hào nó đã tẩy chay không thèm chơi với con Thủy nữa.

Ba quay lại hỏi Hào:

- Phải vậy không?

Hào vẫn im lặng không nói. Tôi tiếp:

- Trước kia ba cũng biết, thằng Hào nó thương con Thủy nhất nhà. Đi đâu nhặt được cái gì nó cũng đem về cho Thủy. Ăn món gì cũng nhớ để phần cho Thủy. Bây giờ nó ghét rồi, nó ghét rồi.

- Như thế này thì quá thật.

Giọng ba run lên:

- Thủy.

Tiếng ba gọi to làm ai nấy giật mình, và ba đi lại chỗ Thủy đứng, nắm lấy tay Thủy. Tôi vẫn giận dữ nói tiếp:

- Ba không bao giờ đánh nó nên nó dễ ngươi. Ba chỉ đánh con và đánh thằng Hào. Thằng Hào nó trông cho ba đánh con Thủy một lần cho nó coi thử.

- À!

Tiếng ba gằn xuống. Ba lại gọi to:

- Thủy.

- Dạ.

Giọng Thủy vẫn lanh lảnh như thường ngày, không tỏ một chút cảm động nào khác.

- Con ăn ở xấu xa nên chị Hằng và anh Hào đều ghét. Ai cũng muốn cho ba đánh con. Vậy ba phải đánh. Chị Hai đâu, bẻ cho tôi con roi. Chị Hai "dạ" nhưng nấp mãi ở đâu không thấy đem roi lên. Ba đi thẳng ra bờ giếng bẻ phăng một cành chùm ruột rồi vội vã đi vào.

- Ăn ở xấu đến nỗi chị cũng muốn đánh, anh cũng muốn đánh như thế là đã quá lắm rồi. Thủy!

- Dạ.

- Nằm xuống giường.

Thủy ngước nhìn ba với đôi mắt tròn, không biết ba nói thật hay nói đùa.

- Nằm xuống.

Ba nhắc lại. Thủy leo lên giường, nằm ngửa ra, nhìn ba. Môi nhếch lên, phác một dáng cười gượng. Ba giơ cành chùm ruột quất một roi mạnh. Mặt Thủy lộ vẻ ngạc nhiên. Ba giáng thêm liên tiếp hai roi nữa. Đau quá, Thủy bật khóc ồ lên, khóc to, khóc ngon lành. Ba vừa quất vừa nói:

- Phải đánh thật đau cho con chừa. Cho anh chị con bằng lòng.

Mỗi lần giáng xuống, roi gãy cụt một đoạn vì cành chùm ruột trông sù sì dễ sợ nhưng giòn lắm. Cuối cùng, ba vất mẩu roi còn lại ra sân rồi bước lên xa-lông. Thủy vẫn nằm ngửa khóc to, nước mắt chảy ràn rụa. Chị Hai đứng ở khe cửa ái ngại nhìn vào, hai giọt nước mắt lăn trên gò má. Thủy được chị yêu nhất trong ba chúng tôi. Thường ngày chị săn sóc Thủy chu đáo trìu mến như con của chị. Lặng lẽ, chị vào bế Thủy dậy và đưa ra thau rửa mặt.

Lần đầu tiên Thủy bị đòn! Tôi nghĩ thương hại hết sức khi ba bảo Thủy nằm xuống, Thủy ngây thơ tưởng là nằm ngửa như khi nằm ngủ. Thủy đã biết đâu là khi nhận đòn người ta phải nằm sấp xuống. Tội nghiệp nữa là Thủy tưởng là ba nói đùa, đến chừng roi giáng xuống đau quá mới bật khóc và mới biết rằng thật. Có tiếng xì mũi bên cạnh. Tôi quay sang thì thấy Hào nước mắt lưng tròng. Tôi hỏi nhỏ: "Sao mày khóc?" nhưng nó lắc đầu không nói. Một lát sau, tiếng xì mũi mạnh hơn và khi quay lại, tôi thấy mặt nó đã có hai dòng nước mắt chảy dài. Nó lẳng lặng bước ra hiên, lưng rung rung vì những tiếng nức nở nó cố giữ cho khỏi buông ra. Đôi chân nó kéo lệch xệch trên đất. Nó đi men theo mép tường, sát quá và bước chậm quá nên khiến tôi có cảm tưởng là nó bò lên mặt tường. Khi nó đã ra ngồi trước hiên rồi thì tôi nghe rõ tiếng khóc ri rỉ. Tiếng khóc đã làm ba lưu ý. Tôi nghe ba lăn trở trên giường và cuối cùng tiếng giép của ba kéo lê đi từ giường lại chiếc cửa sổ tròn trỗ ra hiên. Đứng ở đó một lát ba đi vòng qua xa lông mở cửa trước. Ba đứng trước mặt nó hỏi:

- Sao? Ba đánh Thủy như vậy con có bằng lòng chưa?

Hào không nói.

- Hay là con chưa bằng lòng?

Hào òa ra khóc lớn, tiếng khóc ấm ức. Ba lặng nhìn một giây rồi đi trở vào, lại nằm xuống giường.

Trong khi đó, chị Hai đã bế Thủy lại ngồi ở ghế trước mặt tôi. Mặt Thủy qua cơn kinh ngạc đau đớn đã trở lại bình tĩnh. Tuy vậy, còn có một vẻ gì phảng phất bâng khuâng. Tiếng khóc tỉ tê của Hào ở mái hiên vọng lại khiến Thủy quay đầu lắng nghe. Tôi để ý nhìn vành tai và mái tóc nơi ót của Thủy quay về phía tôi. Chợt tôi bàng hoàng như mình vừa trông lầm: quả là vành tai và mái tóc của má tôi ngày xưa. Vành tai đầy đặn trắng và cái ót trắng, phất phơ bay những sợi tóc mịn màu nâu. Tôi nhớ tôi đã ngồi nhìn mãi không biết chán cái tai ấy, cái ót ấy khiến có lần má quay lại hỏi:

- Con nhìn gì chăm chăm thế?

Tôi ngượng nghịu trả lời:

- Con yêu cái tai và cái ót của má quá.

Má tôi cười, ôm tôi hôn và nói:

- Chỉ yêu có thế thôi à? Chắc là mặt má, mũi má con ghét...

- Không, không. Con yêu hết, con yêu...

Câu nói của tôi tắt nghẽn vì má của má áp ngay vào môi tôi.

Lạ thật, mãi hôm nay tôi mới để ý đến vành tai và cái ót của Thủy. Tôi đưa mắt nhìn sang đôi má trắng hồng bầu bĩnh của Thủy, nhìn vào đôi môi đôi mắt. Quả Thủy có những nét giống má, quả Thủy là hình ảnh của má gợi lại cho chúng tôi. Thế mà tôi lại đi hành hạ cái hình ảnh thân yêu ấy. Thật vô lý. Vô lý.

Tôi lắc đầu như cố phủ nhận những hành động sai lầm của tôi trước đây. Tôi hối hận. Tôi muốn kêu lên:

- Má ơi!

Và hai giọt nước mắt không biết từ lúc nào trao ra khỏi mi tôi, chầm chậm lăn trên má tôi, tôi không buồn lấy tay lau đi nữa.

Võ Hồng

Chí Phèo

Nam Cao

Hắn vừa đi vừa chửi . Bao giờ cũng thế, cứ rượu xong là hắn chửi . Bắt đầu chửi trời . Có hề gì ? Trời có của riêng nhà nào ? Rồi hắn chửi đời . Thế cũng chẳng sao: đời là tất cả nhưng chẳng là ai . Tức mình hắn chửi ngay tất cả làng Vũ-đại . Nhưng cả làng Vũ-đại ai cũng nhủ, "Chắc nó trừ mình ra!" Không ai lên tiếng cả . Tức thật! Ồ! Thế này thì tức thật! Tức chết đi được mất! Đã thế, hắn phải chửi cha đứa nào không chửi nhau với hắn. Nhưng cũng không ai ra điều . Mẹ kiếp! Thế thì có phí rượu không? Thế thì có khổ hắn không? Không biết đứa chết mẹ nào đẻ ra thân hắn cho hắn khổ đến nông nỗi này ? A ha! Phải đấy, hắn cứ thế mà chửi, hắn cứ chửi đứa chết mẹ nào lại đẻ ra thân hắn, đẻ ra cái thằng Chí Phèo! Hắn nghiến răng vào mà chửi cái đứa đã đẻ ra Chí Phèo . Nhưng mà biết đứa nào đã đẻ ra Chí Phèo ? Có trời mà biết ! Hắn không biết, cả làng Vũ-đại cũng không ai biết...

***

Một anh đi thả ống lươn, một buổi sáng tinh sương đã thấy hắn trần truồng và xám ngắt trong một váy đụp để bên một lò gạch bỏ không, anh ta rước lấy và đem về cho một người đàn bà góa mù . Người đàn bà góa mù này bán hắn cho một bác phó cối không con, và khi bác phó cối này chết thì hắn bơ vơ, hết đi ở cho nhà này lại đi ở cho nhà nọ . Năm hai mươi tuổi, hắn làm canh điền cho ông lý Kiến, bấy giờ cụ bá Kiến, ăn tiên chỉ làng. Hình như có mấy lần bà ba nhà ông lý, còn trẻ lắm mà lại hay ốm lửng, bắt hắn bóp chân, hay xoa bụng, đấm lưng gì đấy . Người ta bảo ông lý ra đình thì hách dịch, cả làng phải sợ, mà về nhà thì lại sợ cái bà ba còn trẻ này . Người bà ấy phốp pháp, má bà ấy hây hây, mà ông lý thì hay đau lưng lắm; những người có bệnh đau lưng hay sợ vợ mà chúa đời là khoẻ ghen. Có người bảo ông lý ghen với anh canh điền khoẻ mạnh mà sợ bà ba không dám nói . Có người thì bảo anh canh điền ấy được bà ba quyền thu quyền bổ trong nhà tin cẩn nên lấy trộm tiền trộm thóc nhiều . Mỗi người nói một cách. Chẳng biết đâu mà lần. Chỉ biết một hôm Chí bị người ta giải huyện rồi biệt tăm đến bảy, tám năm rồi một hôm, hắn lại lù lù ở đâu lần về . Hắn về lớp này trông khác hẳn, mới đầu chẳng ai biết hắn là ai . Trông đặc như thằng sắng cá ! Cái đầu thì trọc lốc, cái răng cạo trắng hớn, cái mặt thì đen mà rất câng câng, hai mắt gườm gườm trông gớm chết! Hắn mặc quần áo nái đen với áo Tây vàng. Cái ngực phanh, đầy những nét chạm trổ rồng, phượng với một ông thày tướng cầm chuỳ, cả hai cánh tay cũng thế . Trông gớm chết!

Hắn về hôm trước hôm sau đã thấy ngồi ở chợ uống rượu với thịt chó suốt từ trưa cho đến xế chiều . Rồi say khướt, hắn xách một cái vỏ chai đến cổng nhà bá Kiến, gọi tận tên tục ra mà chửi . Cụ bá không có nhà . Thấy điệu bộ hung hăng của hắn, bả cả đùn bà hai, bà hai thúc bà ba, bà ba gọi bà tư, nhưng kết cục chẳng bà nào dám ra nói với hắn một vài lời phải chăng. Mắc phải cái thằng liều lĩnh quá, nó lại say rượu, tay nó lại nhăm nhăm cầm một cái vỏ chai, mà nhà lúc ấy toàn đàn bà cả ... Thôi thì cứ đóng cái cổng cho thật chặt, rồi mặc thây cha nó, nó chửi thì tai liền miệng ấy, chửi rồi lại nghe . Thành thử chỉ có ba con chó dữ với một thằng say rượu Thật là ầm ỹ ! Hàng xóm phải một bữa điếc tai, nhưng có lẽ trong bụng thì họ hả : xưa nay họ mới chỉ được nghe bà cả, bà hai, bà ba, bà tư nhà cụ bá chửi người ta, bây giờ họ mới được nghe người ta chửi lại cả nhà cụ bá . Mà chửi mới sướng miệng làm sao! Mới ngoa ngắt làm sao! Họ bảo nhau : phen này cha con thằng bá Kiến đố còn dám vác mặt đi đâu nữa! Mồ mả tổ tiên đến lộn lên mất. Cũng có người hiền lành hơn bảo, "Phúc đời nhà nó, chắc ông lý không có nhà ...". Ông lý đây là ông lý Cường, con giai cụ bá nổi tiếng là hách dịch, coi người như rơm rác. Phải ông lý Cường thử có nhà xem nào ! Quả nhiên họ nói có sai đâu ! Đấy, có tiếng người sang sảng quát , " Mày muốn lôi thôi gì ? Cái thằng không cha không mẹ này ! Mầy muốn lôi thôi gì ?..." Đã bảo mà! Cái tiếng quát tháo kia là tiếng lý Cường. Lý Cường đã về ! Lý Cường đã về ! Phải biết... A ha! Một cái tát rất kêu . Ôi! Cái gì thế này ? Tiếng đấm, tiếng đá nhau bình bịch. Thôi cứ gọi là tan xương! Bỗng "choang" một cái, thôi phải rồi, hắn đập cái chai vào cột cổng... Ồ hắn kêu ! Hắn vừa chửi vừa kêu làng như bị người ta cắt họng. Ồ hắn kêu!

- Ôi làng nước ôi! Cứu tôi với ... Ôi làng nước ôi! Bố con thằng Kiến nó đâm chết tôi! Thằng lý Cường nó đâm chết tôi rồi, làng nước ôi!... Và họ thấy Chí Phèo lăn lộn dưới đất, vừa kêu vừa lấy mảnh chai cào vào mặt. Máu ra loe loét trông gớm quá! Mấy con chó xông xáo quanh hắn, sủa rất hăng. Lý Cường hơi tái mặt, đứng nhìn mà cười nhạt, cười khinh bỉ . Hừ! Ngỡ là gì, chẳng hoá ra nằm ăn vạ! Thì ra hắn định đến đây nằm vạ!

Người ta tuôn đến xem. Mấy cái ngõ tối chung quanh đùn ra biết bao nhiêu là người! Thật ồn ào như chợ. Bà cả, bà hai, bà ba, bà tư nhà cụ bá vững dạ vì có anh lý, cũng xưng xỉa ra chửi góp. Thật ra, các bà muốn xem Chí Phèo ra làm sao ? Không khéo nó có ý gieo vạ cho cụ ông phen này ...

Nhưng kia cụ ông đã về . Cụ cất tiếng rất sang hỏi: "Cái gì mà đông như thế này ?" Chỗ này "lạy cụ" chỗ kia "lạy cụ", người ta kính cẩn đứng giãn ra, và Chí Phèo bỗng nằm dài không nhúc nhích rên khe khẽ như gần chết.

Thoáng nhìn qua, đã hiểu cơ sự rồi . Làm lý trưởng rồi chánh tổng, bây giờ lại đến lượt con cụ làm lý trưởng, những việc như thế này cụ không lạ gì . Cụ hãy quát mấy bà vợ đang xưng xỉa chực tâng công với chồng:

- Các bà đi vào nhà: đàn bà chỉ lôi thôi, biết gì ?

Rồi quay lại bọn người làng, cụ dịu giọng hơn một chút:

- Cả các ông các bà nữa, về thôi đi chứ! Có gì mà xúm lại như thế này ?

Không ai nói gì, người ta lảng dần đi . Vì nể cụ bá cũng có, nhưng vì nghĩ đến sự yên ổn của mình cũng có: người nhà quê vốn ghét lôi thôi . Ai dại gì đứng ỳ ra đấy, có làm sao họ triệu mình đi làm chứng. Sau còn trơ lại Chí Phèo và cha con cụ bá . Bây giờ cụ mới lại gần hắn, khẽ lay và gọi:

-- Anh Chí ơi! Sao anh lại làm ra thế ?

Chí Phèo lim dim mắt, rên lên:

- Tao chỉ liều chết với bố con nhà mày đấy thôi . Nhưng tao mà chết thì có thằng sạt nghiệp, mà còn rũ tù chưa biết chừng.

Cụ bá cười nhạt, nhưng tiếng cười giòn giã lắm: người ta bảo cụ hơn người cũng chỉ bởi cái cười .

- Cái anh này nói mới hay! Ai làm gì anh mà anh phải chết? Đời người chứ có phải con ngoé đâu ? Lại say rồi phải không?

Rồi đổi giọng cụ làm thân mật hỏi:

- Về bao giờ thế ? Sao không vào tôi chơi ? Đi vào nhà uống nước.

Thấy Chí Phèo không nhúc nhích, cụ tiếp luôn:

- Nào đứng lên đi . Cứ vào đây uống nước đã . Có cái gì ta nói chuyện tử tế với nhau . Cần gì phải làm thanh động lên như thế, người ngoài biết, mang tiếng cả .

Rồi vừa xốc Chí Phèo, cụ vừa phàn nàn:

- Khổ quá! Giá có tôi ở nhà thì đâu đến nỗi . Ta nói chuyện với nhau, thế nào cũng xong. Người lớn cả, chỉ một câu chuyện với nhau là đủ . Chỉ tại thằng lý Cường nóng tính không nghĩ trước nghĩ sau . Ai, chứ anh với nó còn có họ kia đấy .

Chí Phèo chả biết họ hàng ra làm sao, nhưng cũng thấy lòng nguôi nguôi . Hắn cố làm ra vẻ nặng nề, ngồi lên. Cụ bá biết rằng mình đã thắng, đưa mắt nháy con một cái, quát :

- Lý Cường đâu ! Tội mày đáng chết. Không bảo người nhà đun nước, mau lên !

Cụ dắt Chí Phèo đứng dậy, giục thêm vài tiếng nữa, và Chí Phèo chịu đi; hắn chỉ cố khập khiễng cái chân như bị què . Là vì lúc ấy trong người hắn rượu đã hơi nhạt rồi, không còn kêu gào chửi bới ; và không còn nghe kêu gào chửi bới, hắn thấy hình như không hăng hái nữa . Sự ngọt ngào làm mềm nhũn, vả lại những người đứng xem về cả rồi, hắn thấy hắn hình như trơ trọi . Cái sợ cố hữu trong lòng thức dậy, cái sợ xa xôi của ngày xưa, hắn thấy quá táo bạo . Không táo bạo mà dám gây sự với cha con bá Kiến, bốn đời làm tổng lý . Và nghĩ thế, hắn thấy hắn cũng oai . Hắn làm cái ông gì ở làng này ? Không vây cánh, không họ hàng thân thích; anh em không có, đến bố mẹ cũng không... Ờ, thế mà dám độc lực chọi nhau với lý trưởng, chánh tổng, bá hộ tiên chỉ làng Vũ-đại, Chánh Hội đồng kỳ hào, huyện hào, Bắc kỳ nhân dân đại biểu, khét tiếng đến cả trong hàng huyện. Thử hỏi đã có mặt nào trong cái làng hơn hai nghìn xuất đinh này làm được thế ? Kể làm rồi có chết cũng là cam tâm. Vậy mà không: cái cụ bá thét ra lửa ấy lại xử nhũn, mời hắn vào nhà xơi nước. Thôi cũng hả, đã xử nhũn thì hắn vào . Nhưng bỗng hắn lại hơi ngần ngại: biết đâu cái lão cáo già này nó chả lại lừa hắn vào nhà rồi lôi thôi ? Ồ mà thật, có thể như thế lắm! Này nó hãy lôi ngay mấy cái mâm cái nồi hay đồ vàng, đồ bạc ra khoác vào cổ hắn, rồi cho vợ ra kêu làng lên rồi cột cổ hắn vào, chần cho một trận om xương, rồi vu cho là ăn cướp thì sao ? Cái thằng bá Kiến này, già đời đục khoét, còn đớn cái nước gì mà phải chịu lép như trấu thế? Thôi dại gì mà vào miệng cọp, hắn cứ đứng đây này, cứ lăn ra đây này, lại kêu toáng lên xem nào . Nhưng nghĩ ngợi một tí, hắn lại bảo: kêu lên cũng không nước gì ! Lão bá vừa nói một tiếng, bao nhiêu người đã ai về nhà nấy, hắn có lăn ra kêu nữa, liệu có còn ai ra ? Vả lại bây giờ rượu nhạt rồi, nếu lại phải rạch mặt thêm mấy nhát thì cũng đau . Thôi cứ vào ! Vào thì vào, cần quái gì . Muốn đập đầu thì vào ngay giữa nhà nó mà đập đầu còn hơn ở ngoài . Cùng lắm, nó có giở quẻ, hắn cũng chỉ đến đi ở tù . Ở tù thì hắn coi là thường. Thôi cứ vào ...

Vào rồi, hắn mới biết những cái hắn sợ là hão cả . Bá Kiến quả có ý muốn dàn xếp cùng hắn thật. Không phải cụ đớn, chính thật cụ khôn róc đời, thứ nhất sợ kẻ anh hùng, thứ hai sợ kẻ cố cùng liều thân. Chí Phèo không là anh hùng, nhưng nó là cái thằng liều lĩnh. Liều lĩnh thì còn ai thèm chấp ! Thế nào là mềm nắn rắn buông? Cái nghề làm việc quan, nếu nhất nhất cái gì cũng đè đầu ấn cổ thì lại bán nhà đi cho sớm. Cụ vào bảo lý Cường như thế đấy . Vũ dũng như hắn mà làm được lý trưởng là nhờ có cụ . Cụ mà chết đi rồi "chúng nó" lại không cho ăn bùn.

Tiếng vậy, làm tổng lý không phải việc dễ . Ở cái làng này, dân quá hai nghìn, xa phủ xa tỉnh, kể ăn thì cũng dễ ăn nhưng không phải hễ làm lý trưởng thì cứ việc ngồi mà khoét. Hồi năm nọ, một thầy địa lý qua đây có bảo đất làng này vào cái thế "quần ngư tranh thực", vì thế mà bọn đàn anh chỉ là một đàn cá tranh mồi . Mồi thì ngon đấy, nhưng mà năm bè bảy mối, bè nào cũng muốn ăn. Ngoài mặt tử tế với nhau, nhưng thật ra trong bụng lúc nào cũng muốn cho nhau lụn bại để cưỡi lên đầu lên cổ . Ngay thằng Chí Phèo này đến đây sinh sự biết đâu lại không có thằng nào ẩy đến? Nếu cụ không chịu nhịn, làm cho to chuyện có khi tốn tiền. Cái nghề quan bám thằng có tóc ai bám thằng trọc đầu ? Bỏ tù nó thì dễ rồi; nhưng bỏ tù nó, cũng có ngày nó được ra, liệu lúc ấy nó có để yên mình không chứ ? Cụ phải cái vụ thằng Năm Thọ, mãi đến bây giờ chưa quên.

Năm Thọ vốn là một thằng đầu bò đầu bướu . Hồi ấy, bá Kiến mới ra làm lý trưởng, nó hình như kình nhau với lão ra mặt; lý Kiến muốn trị nhưng chưa có dịp. Được ít lâu, hắn can dự vào một vụ cướp bị bắt giam; lý Kiến ngấm ngầm vận động cho vào tù . Vẫn tưởng một người vai vế như Năm Thọ mà thất cơ lỡ vận đến nỗi tội tù làm gì còn dám vác cái mặt mo về làng? Lý Kiến mừng thầm rằng đã nhổ được cây đinh trước mắt. Nào ngờ một buổi tối lý Kiến đang ngồi một mình soạn giấy má thì Năm Thọ vác dao xộc vào . Nó đứng chặn lấy cửa và bảo: nếu kêu lên một tiếng thì đâm chết liền, thì ra nó vượt ngục và về đây

nhờ ông lý một cái thẻ mang tên một người lương thiện và một trăm đồng bạc để trốn đi . Nó bảo: nghe nó thì nó đi biệt, mà không nghe nó thì nó đâm chết, rồi muốn ra sao thì ra; còn muốn sống với vợ con thì nghe nó .

Lẽ tất nhiên là lý Kiến nghe, Năm Thọ đi phen ấy là mất tăm, cũng không bao giờ về nữa thật. Nhưng thói đời, tre già măng mọc, có bao giờ hết những thằng du côn? Năm Thọ vừa đi, lại có binh Chức ở đâu lần về . Mà thằng này lúc nó còn ở nhà, nào nó có ngạo ngược gì cho cam! Người ta đã phải gọi hắn là cục đất. Ai bảo sao thì ư hữ làm vậy, mới quát một tiếng, thì đã đái ra cả quần, thuế bổ một đồng thì đóng quá hai, đến nỗi có con vợ hay hay mắt, bị người ta ghẹo cũng chỉ im im rồi về nhà hành vợ chứ chẳng dám ho hoe gì, thế đấy: cái nghề đời hiền quá cũng hoá ngu, ở đâu chứ ở đất này đã ngu, đã nhịn thì chúng nó ấn cho đến không còn ngóc đầu lên được. Hắn làm thì làm cật lực mà quanh năm nghèo rớt mồng tơi; chỉ vì một miếng cũng không giữ được mà ăn; đứa nào nó vớ nó cũng xoay, mà đứa nào xoay cũng chịu . Sau cùng bực quá, hắn ra đi lính. Lại càng thêm tội ! Không bực còn được vợ, tuy rằng thỉnh thoảng có bị sây sớt ra ngoài, những vẫn còn là vợ mình. Bực thì hoá ra mất vợ . Bởi vì chị vợ ở nhà còn trẻ, mới hai con, cái mắt sắc như dao lại hồng hồng đôi má, bỗng nhiên lại sinh ra vắng chồng, của ngon trờ trờ ngay trước mắt, ai mà chịu được?

Nhà chị binh ở gần đường. Ông phó đi đánh bạc ban đêm về cũng tạt vào; anh trương tuần đi tuần cũng tạt vào; anh hàng xóm cũng mò sang, thậm chí đến cái thằng hương điền, đầu hai thứ tóc, già đời làm đầy tớ cho các ông lý trưởng, cũng mon men vào gạ gẫm. Vợ binh Chức đã nghiễm nhiên thành một con nhà thổ không phải trả tiền để bọn lý dịch lớn nhỏ trong làng chuyên đổi . Chính ngay lý Kiến, tuy hồi ấy đã có đến ba vợ, cũng không nỡ bỏ hoài cái của không dưng được trời cho; và không bỏ hoài, ông còn được lợi . Mỗi lần chị binh đi lĩnh lương hay lĩnh măngda của chồng, phải mượn ông lý đi nhận thực. Không ông lý nào vác của nhà đi ăn mà nhận thực cho người ta, điều ấy đã cố nhiên. Nhưng với lý Kiến thì không những cơm rượu tiền túi, còn phải cho ngồi chung xe và còn ở lại tỉnh nữa . Thế là mấy đồng bạc lương đi đời; mấy đứa con của chị ngày mai chỉ được mấy cái kẹo đạn mút, hay hậu hĩnh ra thì được mấy cặp bánh giầy giò ăn. Thành thử công lao anh binh, rút lại chỉ cho chị binh mỗi tháng mỗi lần hưởng những cuộc vui với ông lý nhà .

Chẳng hiểu anh ta cũng biết thế mà chán cảnh nhà hay sao mà mãn hạn ba năm cũng không thấy về . Rồi ít lâu sau, có trát về làng bắt tróc nã và áp giải tên Trần Văn Chức. Lý Kiến khai tên ấy thuộc hạng dân lưu tán không về làng. Nhưng khai hôm trước thì hôm sau hắn về . Lý Kiến sai đầy tớ đem trát đến nhà đòi hắn. Hắn đến ngay, nhưng lại dẫn theo cả vợ và hai con. Không đợi ông lý nói một câu, hắn rút một con dao chọc tiết lợn ra, nhăm nhăm cầm ở tay mà bảo rằng: "Chẳng nói dấu gì ông, tôi can án giết người . Nếu ông không thương, mà bắt giải thì vợ con tôi chết đói . Thôi thì đằng nào chúng nó cũng chết, tôi đâm chúng nó chết ở đây rồi ông bắt đi ở tù luôn thể". Mắt hắn đỏ ngầu; lưỡi dao hắn hoa lên loang loáng, chỉ trông cũng lạnh gáy . Hắn có thể giết người được lắm, mà không phải chỉ giết có vợ và con thôi, khi hắn đã có gan đâm chết vợ con hắn thì hắn có kiêng gì đến cái cổ của người khác nữa ? Lý Kiến nghĩ ngợi một lúc rồi bảo cứ về rồi ông liệu . Ông liệu nghĩa là ông che đậy cái án của hắn cho không ai biết và mỗi lần có trát về nhắc, ông lại khai rằng: vẫn chưa có tên Chức về . Thế là hắn cứ nghiễm nhiên sống ở ngay chính giữa quê hương hắn. Và bây giờ người ta thấy vợ hắn rất chính chuyên mà lại trung thành, thị chăm chỉ làm để nuôi hắn. Những ông trưởng, ông phó tự nhiên nghĩ bụng rằng: người ta có chồng rồi mà còn chàng màng thì phải tội; ai cũng sinh tử tế cả chỉ trừ anh binh, bởi vì Chức bây giờ lại rất mực là ngang ngược. Hắn ăn vườn đấy, nhưng chẳng chịu nộp thuế cho ai . Thúc hắn thì hắn chửi, cắm vườn hắn thì hắn chém, sinh chuyện với hắn thì chính lý trưởng làng có lỗi bởi vì cố ý ẩn lậu hắn là một tên can phạm. Ấy thế mà hắn cũng chưa vừa lòng đâu . Một hôm, không hiểu nghĩ ngợi thế nào, hắn vác dao đến bảo thẳng vào mặt lý Kiến rằng:

- Hồi tôi còn tại ngũ, tôi gởi về nhà có trăm. Không biết vợ tôi có tiêu pha gì, hay là cho trai mà không còn một đồng nào cả . Tôi hỏi thì nó bảo: ở nhà, đàn bà con gái một mình, không dám giữ tiền, được đồng nào mang gửi ông lý cả . Tôi sợ nó bịa ra nên đã trói sẵn nó ở nhà . Bây giờ tôi đến thưa với ông, tính toán xem được bao nhiêu cho đem về nuôi cháu . Thiếu một đồng thì tôi không để yên cho chúng nó .

Lý Kiến hiểu rằng: "chúng nó" đây có thể gồm cả ông. Ông cười nhạt bảo rằng:

- Thế này này anh binh ạ: chị ấy gửi tôi thì quả là không có ...

Hắn trợn mắt lên quát:

- Thế thì thằng nào ăn đi ?

Lý Kiến vội nói lấp ngay:

- Thế nhưng mà anh có thiếu tiền thì cứ bảo tôi một tiếng. Chị ấy trót tiêu đi rồi thì có giết cũng chẳng ra . Lôi thôi làm gì sinh tội .

Ông mở tráp ra quăng hắn năm đồng bạc. Hắn cầm lấy, "lạy ông" tử tế, rồi xách dao ra về . Từ hôm ấy hắn thành tử tế với lý Kiến, nhận là chỗ đầy tớ chân tay, nhưng lý Kiến thỉnh thoảng vẫn phải cho hắn tiền. Cho mãi đến năm ngoái đây, hắn chết...

***

Thì năm nay lại nảy ra Chí Phèo, một thằng hiền lành như đất - tội nghiệp cho hắn, có lần lý Kiến thấy hắn vừa bóp đùi cho bà ba, vừa run run! Bỗng nhiên vùng dậy, giở toàn những giọng uống máu người không tanh. Thì ra già néo đứt dây . Cụ tiên chỉ làng Vũ-đại nhận ra rằng: đè nén con em đến nỗi nó không chịu được phải bỏ làng đi là dại . Mười thằng đã đi ra thì chín thằng trở về với cái vẻ hung đồ, cái tính ương ngạnh học được từ phương xa . Một người khôn ngoan chỉ bóp đến nửa chừng. Hãy ngấm ngầm đẩy người ta xuống sông, nhưng rồi lại dắt nó lên để nó đền ơn. Hãy đập bàn đập ghế đòi cho được năm đồng, nhưng được rồi thì lại vất trả lại năm hào "vì thương anh túng quá" ! Và cũng phải tùy mặt nữa: những thằng có máu mặt, vợ đẹp, con đàn, chính là những thằng sợ quan và dễ bóp; trái lại, những thằng tứ cố vô thân, giết chúng nó thì dễ, nhưng được chỉ còn có xương; mà gây với chúng là mở một dịp tốt để cho các phe nghịch xoay lại mình. Làng nào cũng có nhiều cánh, mỗi cánh kết bè đảng chung quanh một người: cánh cụ bá Kiến, cánh ông đội Tảo, cánh ông Tư Đạm, cánh ông Bát Tùng... Bằng ấy cánh du lại với nhau để bóc lột con em, nhưng ngấm ngầm chia rẽ, nhè từng chỗ hở để mà trị nhau . Cụ lại nhận ra rằng: ở cái đất nhà quê, bọn dân hiền lành chỉ è cổ làm nuôi bọn lý hào, nhưng chính bọn lý hào, nhiều khi lại phải ngậm miệng cung cấp cho những thằng cùng hơn cả dân cùng liều lĩnh, lúc nào cũng có thể cầm dao đâm người hay đâm mình.

Nhưng cụ không phải là một người ưa than thở . Than thở chẳng ích gì cho ai, cái bọn dân đinh suốt đời bị đè nén kia sỡ dĩ bị đè nén suốt đời chỉ vì khi bị đè nén chúng chỉ biết than thở chứ không biết làm gì khác. Cụ bá Kiến không cần than thở : trị không lợi thì cụ dùng. Cụ nghĩ bụng cũng phải có những thằng đầu bò chứ ? Không có những thằng đầu bò thì lấy ai mà trị những thằng đầu bò ? Thế lực của cụ sở dĩ lấn át được các vây cánh khác, một phần lớn cũng bởi cụ biết mềm biết cứng, biết thu phục những thằng bạt mạng không sợ chết và không sợ đi tù . Những thằng ấy chính là những thằng được việc. Khi cần đến, chỉ cho nó dăm hào uống rượu, là có thể sai nó đến tác hại bất cứ anh nào không nghe mình. Gặp người bướng bỉnh, đanh thép thì nó lừa đốt nhà hay cho mấy lát dao; gặp người non mặt, thì nó quăng chai rượu lậu, hay gây sự rồi lăn ra kêu làng. Có chúng nó sinh chuyện thì mới có dịp mà ăn, nếu không thì giữa đám dân hiền lành và yên phận này, khéo lắm chỉ bóp nặn được vào vụ thuế . Thuế một năm có một lần nếu chỉ trông vào đấy thì bán cha đi cũng không đủ để bù vào chỗ ba, bốn nghìn bạc chạy chọt để tranh triện đồng.

Vì thế, đêm hôm ấy, ở nhà bá Kiến ra về, Chí Phèo vô cùng hả hê ! Bá Kiến đã không vu vạ gì cho hắn, lại còn giết gà mua rượu cho hắn uống, xong lại đãi thêm đồng bạc để về uống thuốc. Đồng bạc, làm gì đến thế ? Hắn loạng choạng vừa đi vừa cười; hắn chẳng cần đến ba xu . Lúc ngồi tù, hắn có học mót được mấy bài thuốc giấu: chỉ vài nắm lá, là mặt hắn lại đâu vào đấy ngay . Còn đồng bạc lại để đi uống rượu ...

***

Hắn uống được có vừa ba hôm, hôm thứ tư thì hắn trợn mắt lên, bảo con mẹ hàng rượu rằng:

- Hôm nay ông không có tiền; nhà mày bán chịu cho ông một chai . Tối ông mang tiền đến trả .

Mụ hàng rượu hơi ngần ngừ . Thế là hắn rút bao diêm đánh cái xòe, châm lên mái lều của mụ . Mụ hoảng hốt kêu la om xòm vội dập tắt được ngọn lửa vừa mới cháy . Rồi khóc khóc mếu mếu, mụ đưa chai rượu . Hắn hầm hầm, chĩa vào mặt mụ bảo rằng:

- Cái giống nhà mày không ưa nhẹ! Ông mua chứ ông có xin nhà mày đâu! Mày tưởng ông quỵt hở ? Mày thử hỏi cả làng xem ông có quỵt của đứa nào bao giờ không? Ông không thiếu tiền! Ông còn gửi đằng cụ bá, chiều này ông đi lấy về ông trả .

Mụ vừa kéo vạt áo lên quệt nước mũi, vừa bảo:

- Chúng cháu không dám chắc lép, nhưng quả là ít vốn.

Hắn quát lên:

- Ít vốn chỉ tối nay ông trả . Nhà mày đã chết ngay bây giờ hay sao ?

Rồi hắn xách chai ra về . Hắn về cái miếu con ở bờ sông, vì vốn từ trước đến nay không có nhà . Lúc đi đường hắn đã vặn được ở nhà nào đó bốn quả chuối xanh, và bốc của một cô hàng xén một rúm con muối trắng. Bây giờ hắn uống rượu với chuối xanh chấm muối trắng và thấy rằng cũng ngon. Hắn uống rượu với cái gì cũng ngon.

Uống xong hắn chùi miệng, rồi ngật ngà ngật ngưỡng đến nhà bá Kiến. Gặp ai hắn cũng bảo: hắn đến nhà bá Kiến đòi nợ đây! Mới trông thấy hắn vào đến sân, bá Kiến đã biết hắn đến sinh sự rồi . Cái mắt thì ngầu lên, hai chân thì đi lảo đảo, cái môi bầm lại mà run bần bật. Cũng may, hắn không cầm vỏ chai, bá Kiến cũng dõng dạc hỏi:

- Anh Chí đi đâu đấy ?

Hắn chào to:

- Lạy cụ ạ . Bẩm cụ ... Con đến cửa cụ để kêu cụ một việc ạ ! Giọng hắn lè nhè và tiếng đã gần như méo mó . Nhưng bộ điệu thì lại như hiền lành; hắn vừa gãi đầu gãi tai, vừa lải nhải:

- Bẩm cụ từ ngày cụ bắt đi ở tù, con lại sinh ra thích đi ở tù, bẩm có thế, con có nói gian thì trời tru đất diệt, bẩm quả đi ở tù sướng quá! Đi ở tù còn cơm để mà ăn, bây giờ về làng về nước, một thước cắm dùi không có, chả làm gì nên ăn. Bẩm cụ, con lại đến kêu cụ, cụ lại cho con đi ở tù ...

Cụ bá quát, bắt đầu bao giờ cụ cũng quát để thử dây thần kinh của người .

- Anh này lại say khướt rồi .

Hắn xông lại gần, đảo ngược mắt giơ tay lên nửa chừng:

- Bẩm không ạ, bẩm thật là không say . Con đến xin cụ cho con đi ở tù mà nếu không được thì ... thì ... thưa cụ ...

Hắn móc đủ mọi túi, để tìm một cái gì, hắn giơ ra: đó là một con dao nhỏ, nhưng rất sắc. Hắn nghiến răng nói tiếp:

- Vâng, bẩm cụ không được thì con phải đâm chết dăm ba thằng, rồi cụ bắt con giải huyện.

Rồi hắn cúi xuống, tần mần gọt cạnh cái bàn lim. Cụ bá cười khanh khách - cụ vẫn tự phụ hơn đời cái cười Tào Tháo ấy - cụ đứng lên vỗ vai hắn mà bảo rằng:

- Anh bứa lắm. Nhưng này, anh Chí ạ, anh muốn đâm người cũng không khó gì . Đội Tảo nó còn nợ tôi năm mươi đồng đấy, anh chịu khó đến đòi cho tôi, đòi được tự nhiên có vườn.

Đội Tảo là một tay vai vế trong làng. Vây cánh ông ta mạnh, vẫn kình nhau với cánh nhà cụ bá mà cụ bá thường phải chịu bởi hắn là cựu binh, lương hưu trí nhiều, quen thuộc nhiều, lại ăn nói giỏi . Hắn vay cụ bá năm mươi đồng đã từ lâu, bây giờ đột nhiên trở mặt vỗ tuột, lấy cớ rằng số tiền ấy tính vào món tiền chè lý Cường ra làm lý trưởng, chưa tạ hắn. Cụ bá tức như chọc họng, nhưng chưa biết làm thế nào, bởi vì thằng binh Chức, đầy tớ chân tay của cụ, khả dĩ đương đầu với hắn được, chết năm ngoái rồi . Bây giờ cụ mới lại gặp được Chí Phèo, có thể thay cho binh Chức. Cụ thử nói khích xem sao . Nếu nó trị được đội Tảo thì tốt lắm. Nếu nó bị đội Tảo trị thì cụ cũng chẳng thiệt gì, đằng nào cũng có lợi cho cụ cả .

Chí Phèo nhận ngay ! Hắn tức khắc đến nhà đội Tảo, và cất tiếng chửi ngay từ đầu ngõ . Giá gặp phải hôm khác, thì có án mạng rồi : đội Tảo cũng có thể đâm chém được, chưa bao giờ chịu hàng trước cuộc giao tranh. Nhưng phúc đời cho hắn, hay là cho Chí Phèo, hôm ấy hắn ốm liệt giường, không sao nhấc mình dậy được, có lẽ hắn cũng không biết Chí Phèo chửi hắn. Vợ hắn, thấy Chí Phèo thở ra mùi rượu, và biết rõ đầu đuôi món nợ, lấy năm mươi đồng giấu chồng đưa cho người nhà đi theo Chí Phèo . Đàn bà vốn chuộng hoà bình ; họ muốn yên chuyện thì thôi, gai ngạnh làm gì cho sinh sự . Vả lại, bà đội cũng nghĩ rằng chồng mình đang ốm ... chồng mình có nợ người ta hẳn hoi ... Và năm chục đồng bạc đối với nhà mình là mấy, lôi thôi lại chả tốn đến ba lần năm chục đồng!

Vì thế, Chí Phèo mới được vênh vênh ra về: hắn thấy hắn oai thêm bậc nữa . Hắn tự đắc: "anh hùng làng này cóc có thằng nào bằng ta !" Cụ bá thấy mình thắng bên địch mà không cần đến hội đồng làm biên bản xem chừng thích chí . Cụ đưa luôn cho anh đầy tớ chân tay mới luôn năm đồng.

- Cả năm chục đồng này phần anh, nhưng nếu anh lấy cả thì chỉ ba hôm là tan hết. Vậy anh cầm lấy chỗ này uống rượu còn để tôi bán cho anh mảnh vườn; không có vườn đất thì làm ăn gì ?

Chí Phèo "vâng dạ" ra về . Mấy hôm sau, cụ bá bảo lý Cường cho hắn năm sào vườn ở bãi sông cắm thuế của một người làng hôm nọ . Chí Phèo bỗng thành ra có nhà . Hồi ấy hắn mới đâu hăm bảy hay hăm tám tuổi ...

***

Bây giờ thì hắn đã thành người không tuổi rồi . Ba mươi tám hay ba mươi chín? Bốn mươi hay là ngoài bốn mươi ? Cái mặt hắn không trẻ cũng không già: nó không còn phải là mặt người: nó là mặt của một con vật lạ, nhìn mặt những con vật có bao giờ biết tuổi ? Cái mặt hắn vàng vàng mà lại muốn xạm màu gio; nó vằn dọc vằn ngang, không thứ tự, biết bao nhiêu là vết sẹo . Vết những mảnh chai của bao nhiêu lần ăn vạ kêu làng, bao nhiêu lần, hắn nhớ làm sao nổi ? Bao nhiêu việc ức hiếp, phá phách, đâm chém, mưu hại người ta giao cho hắn làm! Những việc ấy chính là cuộc đời của hắn; cuộc đời mà hắn cũng chả biết đã dài bao nhiêu năm rồi . Bởi vì ngay đến cái thẻ có biên tuổi hắn cũng không có, trong sổ làng người ta vẫn khai hắn vào hạng dân lưu tán, lâu năm không về làng. Hắn nhớ mang máng rằng có lần hắn hai mươi tuổi, rồi hắn đi ở tù, rồi hình như hắn hăm nhăm không biết có đúng không? Bởi từ đấy thì đối với hắn không còn ngày tháng nữa . Bởi vì từ đấy hắn bao giờ cũng say . Nhưng cơn say của hắn tràn cơn này qua cơn khác, thành một cơn dài, mênh mông, hắn ăn trong lúc say, thức dậy vẫn còn say, đập đầu rạch mặt chửi bới, dọa nạt trong lúc say, uống rượu trong lúc say, để rồi say nữa, say vô tận. Chưa bao

giờ hắn tỉnh và có lẽ hắn chưa bao giờ tỉnh táo, để nhớ rằng có hắn ở đời . Có lẽ hắn cũng không biết rằng hắn là con quỷ dữ của làng Vũ-đại, để tác quái cho bao nhiêu dân làng. Hắn biết đâu hắn đã phá bao nhiêu cơ nghiệp, đập nát bao nhiêu cảnh yên vui, đạp đổ bao nhiêu hạnh phúc, làm chảy máu và nước mắt của bao nhiêu người lương thiện. Hắn biết đâu vì hắn làm tất cả những việc ấy trong khi người hắn say; hắn say thì hắn làm bất cứ cái gì người ta sai hắn làm. Tất cả dân làng đều sợ hắn và tránh mặt hắn mỗi lần hắn qua .

Vì thế cho nên hắn chửi hay là chẳng vì cái gì hắn cũng chửi, cứ rượu xong là hắn chửi . Hắn chửi như những người say rượu hát. Giá hắn biết hát thì có lẽ hắn không cần chửi . Khổ cho hắn và cho người hắn lại không biết hát. Thì hắn chửi, cũng như chiều nay hắn chửi ...

Hắn chửi trời và đời . Hắn chửi cả làng Vũ-đại . Hắn chửi tất cả những đứa nào không chửi nhau với hắn. Nhưng cũng mặc, ai mà hoài hơi, tức mình hắn chửi đứa nào đẻ ra chính hắn, lại càng không ai cần! Và hắn lấy thế làm ức lắm; bởi vì người ta không thể chửi nhau một mình; chửi nhau một mình thì còn văn vẻ gì! Thế là chắc chắn dã có một cớ để tức tối, một cớ rất chính đáng để hắn có thể hùng hổ đi báo thù . Phải, hắn phải báo thù, báo thù vào bất cứ ai . Hắn phải vào nhà nào mới được, bất cứ nhà nào . Hắn sẽ rẽ vào bất cứ ngõ nào hắn gặp để đập phá đốt nhà hay lăn ra kêu làng nước. Phải đấy, hắn sẽ rẽ vào bất cứ ngõ nào hắn gặp... Á, đây kia rồi, mau mau ...

Nhưng mà mặt trăng lên, mặt trăng rằm vành vành. Và ánh trăng chảy trên đường trắng tinh. Ồ, cái gì đây, đen và méo mó trên đường trăng nhễ nhại ? Nó xệch xạc về bên trái, thu gọn vào rồi lại dài loang ra, xé rách ra vài chỗ . Nó cứ quần quật dưới chân Chí Phèo . Chí Phèo đứng lại và nhìn nó và hắn bỗng nghiêng ngả cười . Hắn cười ngặt nghẽo, cười rũ rượi . Giá hắn cứ chửi lại còn dễ nghe! Cái vật xệch xạc trên đường là bóng hắn. Thế là hắn cười, và hắn quên báo thù: hắn đi qua ngõ đầu tiên rồi . Bây giờ thì đến ngõ nhà tự Lãng, một anh thầy cúng có một bộ râu lờ phờ . Chí phèo bỗng nảy ra một ý: tạt vào đây và đập cái bàn chầu văn của lão tự nửa mùa này ra . Bởi vì lão tự này vừa làm thầy cúng lại vừa làm nghề hoạn lợn. Cái đàn của lão lừng phừng, nghe còn chối tai hơn là lợn kêu . Nhưng lúc vào thì lão tự lại đang uống rượu; lão uống rượu ngay ở sân, vừa uống vừa vuốt râu, vừa rung rung cái đầu . Chí Phèo đứng lại nhìn, thấy lão cũng hay hay . Rồi đột nhiên hắn khát, trời ơi sao mà khát! Khát đến như cháy họng... Không do dự, hắn lại bên lão tự, nhắc lấy chai rượu ngửa cổ dốc vào mồm tu . Lão tự duỗi cái cổ gà vặt lông ra, trố mắt lên, nhưng không nói gì . Lưỡi lão ríu lại rồi, còn nói làm sao được? Lão đã uống hết hai phần chai . Còn một phần thì Chí Phèo tu nốt. Hắn tu có một hơi, rồi khà một cái, chép cái miệng như còn thèm. Rồi hắn nắm lấy mấy cái râu lờ phờ của lão tự, nâng soi lên trăng mà cười . Lão tự cũng cười . Hai thằng say rượu ngả vào nhau mà cười, như một đôi tri kỷ cuồng. Rồi tự Lãng vào nhà xách hai chai rượu nữa; lão còn đúng hai chai nữa, lão mời Chí Phèo uống nữa, uống thật say, không cần gì . Cứ việc uống, đừng có lo ngại gì đấy! Vợ lão chết đến bảy tám năm nay rồi, con gái lão chửa hoang bỏ lão đi, lão chỉ có một mình, không còn vợ con nào mè nheo cả, lão muốn uống đến bao giờ thì uống. Cứ uống! Cứ uống, cứ uống đi ông bạn lạc đường ở cung trăng xuống ạ! Uống thật tợn, uống đến đái ra rượu thì mới thích. Nhịn uống để làm gì ? Có giàu có sang, có làm nên ông cả bà lớn nữa, chết cũng không ai gọi là "cụ lớn mả" ! Lão sống có đến hơn năm mươi rồi mà chưa thấy một cụ lớn mả nào sống sót! Chỉ có cái mả, cái mả đất. Ai chết cũng thành cái mả, say sưa chết cũng thành cái mả, lo gì ? Cứ say !

Chưa bao giờ Chí Phèo được thỏa thuê đến thế! Hắn lấy làm lạ sao mãi đến hôm nay mới ngồi uống rượu với thằng cha tự này . Chúng uống với nhau rất là nhiều . Và rất là nhiều . Người ta tưởng như cả làng Vũ-đại phải nhịn uống để đủ rượu cho chúng uống.

Đến lúc hết cả hai chai thì tự Lãng đã bò ra sân. Lão bò như cua và hỏi Chí Phèo rằng: người ta đứng lên bằng cái gì ? Chí Phèo vần ngửa lão ra, vuốt cái râu lờ phờ của lão mấy cái, rồi để mặc lão thế, hắn lảo đảo ra về . Hắn vừa đi vừa phanh ngực ra mà gãi . Hắn gãi ngực rồi gãi cổ, gãi mang tai và gãi lên cả đầu . Có lúc hắn phải đứng lại giữa đường mà gãi, ghệch chân lên mà gãi, hắn bứt rứt quá, ngứa ngáy quá, và chợt nghĩ đến cái bờ sông gần nhà . Bởi vì cái vườn của hắn ở gần một con sông con, nước lặng và trong, khắp bãi trồng toàn dâu, gió đưa đẩy những thân mềm oặt ẹo, cuộn theo nhau thành làn. Duy có vườn nhà hắn trồng toàn chuối, ở một góc vườn có túp lều con. Những đêm trăng như đêm nay, cái vườn phẳng

ngổn ngang những bóng chuối đen đen như những cái áo nhuộm vắt tung trên bãi . Và những tàu chuối nằm ngửa, ưỡn cong cong lên hứng lấy trăng xanh rời rợi như là ướt nước, thỉnh thoảng bị gió lay lại giẫy lên đành đạch như là hứng tình.

Chí Phèo vừa tò mò nhìn những tàu chuối vừa đi xuống vườn. Nhưng hắn không vào cái túp lều úp xúp mà ra thẳng bờ sông. Hắn định sẽ nhảy xuống tắm cho khỏi ngứa rồi lăn ngay ra vườn mà ngủ . Tội gì chui vào lều, bức đến không còn mà thở được. Một thằng như hắn, đập đầu không chết, huống hồ là gió sương... Đến bờ sông hắn dừng lại, vì hình như có người . Có người thật, và hắn ngây ra nhìn.

Hắn nhìn giữa hai lọ nước và tựa lưng vào gốc chuối, một người đàn bà ngồi tênh hênh. Chính là người đàn bà, hắn biết vậy là nhờ mái tóc dài buông xõa xuống vai trần và ngực... Hai tay trần của mụ buông xuôi, cái mồm mụ há hốc lên trăng mà ngủ hay là chết. Đôi chân thì duỗi thẳng ra trước mặt, cái váy đen xộc xệch... Bên kia, có lẽ vì mụ giẫy cái yếm xẹo xọ để trật ra cái sườn nây nây . Tất cả những cái ấy phơi ra trăng, rười rượi những trăng làm trắng những cái đó có lẽ ban ngày không trắng; trăng làm đẹp lên. Chí Phèo tự nhiên thấy ứ đầy miệng bao nhiêu là nước dãi, mà cổ thì lại khô, hắn nuốt ừng ực, hắn thấy cái gì rộn rạo ran khắp người . Bỗng nhiên hắn run run. Ồ tại sao lại như thế được? Đáng nhẽ chính người đàn bà khốn nạn kia phải run mới phải, cái người đàn bà dại dột đã nằm ềnh ệch mà ngủ ngay gần nhà hắn này .

Nhưng người đàn bà ấy là thị Nở, một người ngẩn ngơ như những người đần trong cổ tích và xấu ma chê quỷ hờn. Cái mặt của thị thực là một sự mỉa mai của hóa công: nó ngắn đến nỗi người ta có thể tưởng bề ngang lớn hơn bề dài, thế mà hai má nó lại hóp vào mới thật là tai hại, nếu má nó phinh phính thì mặt thị lại còn được hao hao như mặt lợn, là thứ mặt vốn nhiều hơn người ta tưởng, trên cổ người . Cái mũi thì vừa ngắn, vừa to, vừa đỏ, vừa sần sùi như vỏ cam sành, bành bạnh muốn chen lẫn nhau với những cái môi cũng cố to cho không thua cái mũi: có lẽ vì cố quá cho nên chúng nứt nở như rạn ra . Đã thế thị lại ăn trầu thuốc, hai môi dày được bồi cho dày thêm một lần, cũng may quết trầu sánh lại, che được cái màu thịt trâu xám ngoách. Đã thế những cái răng rất to lại chìa ra: ý hẳn chúng nghĩ sự cân đối chữa được một vài phần cho sự xấu . Đã thế thị lại dở hơi, đó là một ân huệ đặc biệt của Thượng đế chí công: nếu sáng suốt thì người đàn bà ấy sẽ khổ sở ngay từ khi mua cái gương thứ nhứt. Và thị lại nghèo, nếu trái lại, ít nhất đã có một đàn ông khổ sở . Và thị lại là dòng giống của một nhà có mả hủi : cái này khiến không một chàng trai nào phải phân vân. Người ta tránh thị như tránh con vật nào rất tởm. Ngoài ba mươi tuổi, thị vẫn chưa có chồng. Ở cái làng Vũ-đại này người ta kết bạn từ khi lên tám, và có khi có con từ lúc mười lăm; không ai đợi đến năm hai mươi đẻ đứa con thứ nhất. Cứ nhìn tình hình ấy thì ta nói quách: thị Nở không có chồng. Mà thị cũng không còn ai thân thích, trừ một người cô đã có thể gọi được là già, và đã không chồng như thị . Số trời định thế, để không ai phải trơ trọi trên đời này . Người cô làm thuê cho người đàn bà buôn chuối và trầu không xếp tàu đi Hải Phòng, có khi đi tận Hòn Gai, Cẩm Phả . Còn thị sống bằng những nghề lặt vặt ở làng. Hai cô cháu ở trong một cái nhà tre cách vườn của Chí Phèo bởi một con đê; hắn ở ngoài bãi, hai người ở trong xóm. Có lẽ chính vì thế mà thị Nở không sợ cái thằng mà cả làng sợ hắn. Gần gũi lâu cũng sinh quen, mà quen thì ít khi còn sợ . Những người trông coi vườn bách thú thường bảo rằng hổ báo hiền y như mèo . Vả lại có lý nào để thị sợ hắn đâu ? Người ta không ai sợ kẻ khác phạm đến cái xấu, cái nghèo, cái ngẩn ngơ của mình, mà thị lại chỉ có ba cái ấy ... Một phần nữa cũng bởi Chí Phèo ít khi ở nhà, mà hắn ở nhà lại hiền lành, ai có thể ác trong khi ngủ ? Hắn chỉ về nhà để ngủ .

Ngày nào thị Nở cũng phải qua vườn nhà hắn hai ba lần, là vì qua vườn nhà hắn có một lối đi nhỏ ra sông; trước kia, cả xóm vẫn dùng cái ngõ ấy để ra sông tắm, giặt hay kín nước. Nhưng từ khi hắn đến người ta thôi dần, tìm một lối khác đi xa hơn. Trừ thị Nở, thì đã bảo thị là người dở hơi, thị không thích làm như kẻ khác. Quá tin ở người, quá tin ở mình liều lĩnh, bướng bỉnh hay có lẽ chỉ không chịu rời thói quen. Nhưng hãy biết thị cứ đi ngõ ấy và vẫn chẳng làm sao cả . Thế rồi quen đi . Có lần trong lúc Chí Phèo ngủ, thị lại vào cả nhà hắn để rọi nhờ lửa nữa, có lần thị xin của hắn một ít rượu về để bóp chân; hắn mải ngủ càu nhàu bảo thị rằng: ở xó nhà ấy, muốn rót bao nhiêu thì rót, để yên cho hắn ngủ . Và lắm lúc thị ngạc nhiên: sao người ta ghê hắn thế ?

Chiều hôm ấy thị Nở cũng ra sông kín nước như mọi chiều . Nhưng chiều hôm ấy, trăng lại sáng hơn mọi chiều, trăng tỏa trên sông và sông gợn biết bao nhiêu gợn vàng. Những vàng ấy rung rinh mới trông thì đẹp, nhưng trông lâu mỏi mắt. Gió lại mát như quạt hầu, thị Nở thấy muốn ngáp mà mí mắt thì nặng dần, toan díp lại . Thị vốn có một cái tật không sao chữa được, có lúc đột nhiên muốn ngủ, bất cứ ở đâu hay đang làm gì . Bà cô thị bảo thị là một người vô tâm. Ngáp một cái, thị nghĩ bụng: hãy khoan kín nước, hãy để lọ xuống ngồi nghỉ đây . Bởi vì thị đã luật quật đập đất từ trưa tới giờ . Mà mấy khi được một nơi mát thế, mát rợn da rợn thịt, sung sướng quá! Mát y như quạt hầu . Thị cởi áo ra ngồi tựa vào gốc chuối, dáng ngồi không kín đáo, nhưng không bao giờ thị biết thế nào là lả lơi . Con người vô tâm, không hay nghĩ xa xôi mà . Vả lại ở đây chẳng có ai . Chí Phèo đã về đâu, mà hắn có về thì cũng say khướt đã ngủ từ nửa đường và tới nhà tức khắc chúi đầu vào ngủ nốt. Hắn ra làm gì đây, cho có ra nữa thì đã sao ? Thị không thể sợ hắn có thể phạm đến thị bởi lẽ rất giản dị là thị chưa thấy ai phạm đến thị bao giờ . Thật ra thì thị cũng chẳng nghĩ ngợi nhiều đến thế . Trong óc thị đã có một bóng đen lan rồi . Thị không ngồi thì không chịu được.

Ngồi một lúc thị thấy rằng: nếu cứ ngồi mãi thì ngủ mất. Nhưng thị đã ngủ đến hai phần rồi . Và thị nghĩ : thì ngủ, ngủ thì đã làm sao! Về nhà thì cũng chỉ ngủ, ngủ ngay đây cũng vậy . Bà cô đi theo hàng ít ra cũng dăm hôm mới về . Thị cứ ngồi đây cho mát. Và thị ngủ . Thị ngủ ngon lành và say sưa .

Chí Phèo vẫn say say nhìn và run run. Bỗng nhiên hắn rón rén lại gần thị Nở: lần đầu tiên hắn rón rén, từ khi về làng. Thoạt tiên, hắn hãy xách cái lọ để xa xa, rồi hắn lẳng lặng ngồi xuống bên sườn thị

Và thị Nở giật mình. Thị Nở mới kịp giật mình thì thằng đàn ông đã bám bíu lấy thị ... Thị vùng vẫy đẩy ra, thị mở mắt, thị tỉnh hẳn, thị nhận ra Chí Phèo . Thị vừa thở, vừa vật nhau với hắn vừa hổn hển: "Ô hay ... Buông ra ... Tôi kêu ... Tôi kêu làng... Buông ra . Tôi kêu làng lên bây giờ!" Thằng đàn ông lại phì cười . Sao thị lại kêu làng nhỉ ? Hắn vẫn tưởng chỉ có hắn mới kêu làng thôi, người ta lại kêu tranh của hắn, bỗng nhiên hắn la lên, kêu làng. Hắn kêu như một kẻ bị đâm vừa kêu vừa dẫn người đàn bà xuống. Thị Nở trố hai mắt ngây ra nhìn. Thị Nở kinh ngạc: sao hắn lại kêu làng nhỉ ? Mà hắn vẫn chưa chịu thôi kêu làng. Cũng may người quanh đây không có ai lạ gì tiếng hắn, mà khi hắn kêu làng thì không ai cần động dạng, họ lạu bạu chửi rồi lại ngủ, hắn kêu làng cũng như người khác buồn, hát ngao . Đáp lại hắn chỉ có lũ chó cắn xao lên trong xóm.

Thị Nở bỗng nhiên bật cười . Thị Nở vừa rủa vừa đập tay lên lưng hắn. Nhưng cái đó là cái đập yêu, bởi vì đập xong, cái tay ấy lại giúi lưng hắn xuống.... Và chúng cười với nhau ...

Bây giờ thì chúng ngủ bên nhau ... đứa bé bú no thì ngủ . Người ta ngủ say sau khi làm việc yêu . Chúng ngủ như chưa bao giờ được ngủ ... Trăng vẫn thức vẫn trong trẻo ... Trăng rắc bụi trên sông, và sông gợi biết bao nhiêu vàng. Nhưng gần đến sáng, bỗng nhiên Chí Phèo chống một tay xuống đất, ngồi lên một nửa . Hắn thấy nôn nao, chân tay bủn rủn, như đến ba ngày nhịn đói . Thế mà bụng lại phình phính đầy, hình như bụng hơi đau . Còn hình như gì nữa, thôi đúng đau bụng rồi . Đau thật, đau mỗi lúc một dữ! Nó cứ cuồn cuộn lên. À mà trời lành lạnh. Hễ có gió thì kinh kinh. Mỗi lần gió, hắn rươn rướn người . Hắn muốn đứng lên. Sao đầu nặng quá mà chân thì bẩy rẩy . Mắt hắn hoa lên. Bụng quặn lại, đau gò người . Hắn oẹ . Hắn oẹ ba bốn cái . Oẹ mãi . Giá mửa ra được thì dễ chịu . Hắn cho một ngón tay vào móc họng. Hắn oẹ ra một cái to hơn, ruột hình như lộn lên. Nhưng cũng chỉ nhổ ra toàn nước dãi . Hắn nghỉ một tí rồi lại cho tay vào mồm. Lần này thì mửa được. Trời ơi! Mửa thốc, mửa tháo, mửa ồng ộc, mửa đến cả ruột. Đến nỗi người đàn bà phải dậy . Thị ngồi nhổm dậy và ngơ ngác nhìn. Cái óc nặng nề ấy phải lâu mới nhớ ra và lâu mới hiểu .

Bây giờ thì Chí Phèo đã mửa xong. Hắn mệt quá, lại vật người ra đất. Hắn đờ hai mắt ra khẽ rên; hắn chỉ còn đủ sức để rên khe khẽ . Từ đống mửa bay lại một mùi gì thoảng như mùi rượu, hắn bỗng nhiên rùng mình.

Thị Nở lại đặt một tay lên ngực hắn (thị suy nghĩ đến bây giờ mới xong). Thị hỏi hắn:

- Vừa thổ hả ?

Mắt hắn đảo lên nhìn thị, nhìn một loáng rồi lại đờ ra ngay .

- Đi vào nhà nhé ?

Hắn làm như gật đầu . Nhưng cái đầu không động đậy, chỉ có cái mí mắt là nhích thôi .

- Thì đứng lên.

Nhưng hắn đứng lên sao được. Thị quàng tay vào nách hắn, đỡ cho hắn gượng ngồi . Rồi thị kéo hắn đứng lên. Hắn đu vào cổ thị, hai người lảo đảo rồi đi về lều .

Không có giường, chỉ có một cái chõng tre . Thị để hắn nằm lên và đi nhặt nhạnh tất cả những manh chiếu rách đắp lên cho hắn. Hắn hết rên. Hình như hắn ngủ . Thị cũng lim dim chực ngủ . Nhưng trong nhà nhiều muỗi quá. Muỗi nhắc cho thị cái áo quên ngoài vườn. Thị ra vườn. Đôi lọ nhắc cho thị việc đi kín nước, thị mải mốt mặc áo, kín nước, rồi xách đôi lọ nước đi về nhà .

Trăng chưa lặn, không chừng trời còn khuya . Thị lên giường định ngủ . Nhưng lại nhớ việc lạ lùng tối qua . Thị cười . Thị thấy không buồn ngủ, và thị cứ lăn ra lăn vào .

Khi Chí Phèo mở mắt thì trời đã sáng lâu . Mặt trời đã cao, và nắng bên ngoài chắc là rực rỡ . Cứ nghe chim ríu rít bên ngoài đủ biết. Nhưng trong cái lều ẩm thấp vẫn chỉ hơi tờ mờ . Ở đây người ta thấy chiều lúc xế trưa và gặp đêm thì bên ngoài vẫn sáng. Chưa bao giờ Chí Phèo nhận thấy thế bởi chưa bao giờ hết say .

Nhưng bây giờ thì hắn tỉnh. Hắn bâng khuâng như tỉnh dậy, hắn thấy miệng hắn đắng, lòng mơ hồ buồn. Người thì bủn rủn, chân tay không buồn nhấc, hay là đói rượu, hắn hơi rùng mình. Ruột gan lại nôn nao lên một tý . Hắn sợ rượu cũng như người ốm thường sợ cơm. Tiếng chim hót ngoài kia vui vẻ quá! Có tiếng nói của những người đi chợ . Anh thuyền chài gõ mái chèo đuổi cá . Những tiếng quen thuộc ấy hôm nào chả có . Nhưng hôm nay hắn mới nghe thấy ... Chao ôi là buồn!

- Vải hôm nay bán mấy ?

- Kém ba xu dì ạ!

- Thế thì còn ăn thua gì!

- Cố kéo co mới được một tấm năm xu .

- Thật thế đấy . Nhưng chẳng lẽ rằng lại chơi .

Chí Phèo đoán chắc rằng một người đàn bà hỏi một người đàn bà khác đi bán vải ở Nam Định về . Hắn nao nao buồn, là vì mẩu chuyện ấy nhắc cho hắn một cái gì rất xa xôi . Hình như có một thời hắn đã ao ước có một gia đình nho nhỏ . Chồng cuốc mướn cầy thuê, vợ dệt vải, chúng bỏ lại một con lợn nuôi để làm vốn liếng. Khá giả thì mua dăm ba sào ruộng làm.

Tỉnh dậy hắn thấy già mà còn cô độc. Buồn thay cho đời! Có lý nào như thế được? Hắn đã già rồi hay sao ? Ngoài bốn mươi tuổi đầu ... Dẫu sao, đó không phải tuổi mà người ta mới bắt đầu sửa soạn. Hắn đã tới cái dốc bên kia của đời . Ở những người như hắn, chịu đựng biết bao nhiêu là chất độc, đầy đọa cực nhọc mà chưa bao giờ ốm, một trận ốm có thể gọi là dấu hiệu báo rằng cơ thể đã hư hỏng nhiều; nó là một cơn

mưa gió cuối thu cho biết trời gió rét, nay mùa đông đã đến. Chí Phèo hình như đã trông trước thấy tuổi già của hắn, đói rét ốm đau, và cô độc, cái này còn đáng sợ hơn đói rét và ốm đau .

Cũng may thị Nở vào . Nếu thị không vào, cứ để hắn vẩn vơ suy nghĩ mãi, thì đến khóc được mất. Thị vào cắp một cái rổ, trong có một nồi gì đậy vung. đó là một nồi cháo hành còn nóng nguyên. Là vì lúc còn đêm, thị trằn trọc một lát, thị bỗng nhiên nghĩ rằng: cái thằng liều lĩnh ấy kể ra thì đáng thương, còn gì đáng thương bằng đau ốm mà năm còng queo một mình. Giá thử đêm qua không có thị thì hắn chết. Thị kiêu ngạo vì đã cứu sống một người . Thị thấy như yêu hắn: đó là một cái lòng yêu của một người làm ơn. Nhưng cũng có cả lòng yêu của một người chịu ơn. Một người như thị Nở càng không quên được. Cho nên thị nghĩ: mình bỏ hắn lúc này thì cũng bạc. Dẫu sao cũng đã ăn nằm với nhau ! Ăn nằm với nhau như "vợ chồng". Tiếng "vợ chồng", thấy ngường ngượng mà thinh thích. Đó vẫn là điều mong muốn âm thầm của con người khốn nạn ấy chăng ! Hay sự khoái lạc của xác thịt đã làm nổi dậy những tính tình mà thị chưa bao giờ biết ?

Chỉ biết rằng thị muốn gặp Chí Phèo, gặp hắn mà nhắc lại chuyện đêm qua thì chắc buồn cười lắm. Gớm ! Sao lại có thứ người đâu mà lì quá thế ! Người ta ngồi đấy mà dám xán lăn ngay vào, nó chả ngang ngược mà người ta kêu bé, nó lại làm to hơn. Mà kể thì cũng ngù ngờ . Cái thằng trời đánh không chết ấy, nó còn sợ ai mà hòng kêu . Nhưng mà đáng kiếp. Thổ trận ấy thật là phải biết. Cứ gọi hôm nay nhọc đừ . Phải cho hắn ăn tí gì mới được. Đang ốm thế thì chỉ ăn cháo hành. Ra được mồ hôi thì là nhẹ nhõm người ngay đó mà ... Thế là vừa sáng thì đã chạy đi tìm gạo . Hành thì nhà thị may lại còn. Thị nấu bỏ vào cái rổ, mang ra cho Chí Phèo .

Thằng này rất ngạc nhiên. Hết ngạc nhiên thì hắn thấy mắt mình ươn ướt. Bởi vì lần này là lần thứ nhất hắn được một người đàn bà cho . Xưa nay, nào hắn có thấy ai tự nhiên cho cái gì . Hắn vẫn phải doạ nạt hay là giật cướp. Hắn phải làm gì cho người ta sợ . Hắn nhìn bát cháo bốc khói mà bâng khuâng. Thị Nở thì chỉ nhìn trộm hắn, rồi lại toe toét cười . Trông thị thế mà có duyên. Tình yêu làm cho có duyên. Hắn thấy vừa vui vừa buồn. Và một cái gì nữa, giống như ăn năn. Cũng có thể như thế lắm. Người ta hay hối hận về tội ác khi không đủ sức mà ác nữa . Thị Nở giục hắn ăn nóng. Hắn cầm lấy bát cháo đưa lên mồm. Trời ơi cháo mới thơm làm sao! Chỉ khói xông vào mũi cũng đủ làm người nhẹ nhõm. Hắn húp một húp và nhận ra rằng: những người suốt đời không ăn cháo hành không biết rằng cháo ăn rất ngon. Nhưng tại sao lại mãi đến bây giờ hắn mới nếm vị mùi cháo .

Hắn tự hỏi rồi lại tự trả lời: vì có ai nấu cháo cho ăn đâu ? Mà còn ai nấu cho mà ăn nữa! Đời hắn chưa bao giờ được săn sóc bởi một tay "đàn bà". Hắn nhớ đến "bà ba", cái con quỷ cái hay bắt hắn bóp chân mà lại bóp lên trên, trên nữa, nó chỉ nghĩ đến sao cho thỏa nó chứ có yêu hắn đâu . Hồi ấy hắn hai mươi . Hai mươi tuổi, người ta không là đá, nhưng cũng không toàn là xác thịt. Người ta không thích cái gì người ta khinh. Vả lại bị một con đàn bà gọi đến nhà mà bóp chân! Hắn thấy nhục hơn là thích, huống hồ lại sợ . Quả thật, từ khi biết rằng con vợ chủ sai hắn làm một việc không chính đáng, hắn vừa làm vừa run. Không làm thì không được: mọi việc trong nhà, quyền đàn bà . Chứ hắn, hắn có lòng nào đâu . Đến nỗi người đàn bà phát cáu . Bà thấy xa xôi không được, phải làm đến nơi . Bà bảo hắn rằng: "Mày thực thà quá! Con trai gì hai mươi tuổi mà đã như ông già". Hắn vẫn giả vờ không hiểu . Bà lẳng lơ bảo: "Chả nhẽ tao gọi mày vào chỉ để bóp chân thế này thôi ư ?..." và thấy hắn giùng giằng bà mắng xơi xơi vào mặt. Hắn chỉ thấy nhục, chứ yêu đương gì . Không, hắn chưa được một người đàn bà nào yêu cả . Vì thế mà bát cháo hành của thị Nở làm hắn suy nghĩ nhiều . Hắn có thể tìm bạn được, sao lại chỉ gây kẻ thù ?

Bát cháo húp xong rồi, thị Nở đỡ lấy bát cháo và múc thêm bát nữa. Hắn thấy mình đẫm bao nhiêu mồ hôi . Mồ hôi chảy ra trên đầu, trên mặt, những giọt to như giọt nước. Hắn đưa tay áo quệt ngang một cái, quệt mũi, cười rồi lại ăn. Hắn càng ăn, mồ hôi lại càng nhiều . Thị Nở nhìn hắn, lắc đầu thương hại . Hắn thấy lòng thành trẻ con. Hắn muốn làm nũng với thị như với mẹ . Ôi sao mà hắn hiền, ai dám bảo đó là thằng Chí Phèo vẫn đập đầu, rạch mặt mà đâm chém người ? Đó là cái bản tính của hắn, ngày thường bị lấp đi . Hay trận ốm thay đổi hẳn về sinh lý, cũng thay đổi cả tâm lý nữa . Những người yếu đuối vẫn hay hiền lành. Muốn ác, phải là kẻ mạnh. Hắn đâu còn mạnh nữa . Và có lúc hắn ngẫm mình mà lo . Xưa nay hắn chỉ sống bằng giật cướp và dọa nạt. Nếu không còn sức mà giật cướp, dọa nạt nữa thì sao ? Đã đành,

hắn chỉ mạnh vì liều . Nhưng hắn mơ hồ thấy rằng sẽ có một lúc mà người ta không thể liều được nữa . Bấy giờ mới nguy! Trời ơi! Hắn thèm lương thiện, hắn muốn làm hòa với mọi người biết bao! Thị Nở sẽ mở đường cho hắn. Thị có thể sống yên ổn với hắn thì sao người khác lại không thể được. Họ sẽ lại nhận hắn vào cái xã hội bằng phẳng, thân thiện của những người lương thiện... Hắn băn khoăn nhìn thị Nở, như thăm dò . Thị vẫn im lặng, cười tin cẩn, hắn thấy tự nhiên nhẹ người . Hắn bảo thị:

- Giá cứ thế này mãi thì thích nhỉ ?

Thị không đáp, nhưng cái mũi đỏ của thị như càng bạnh ra . Hắn thấy thế cũng không có gì là xấu . Bằng một cái giọng nói và một vẻ mặt rất phong tình theo ý hắn, hắn bảo thị:

- Hay là mình sang đây ở với tớ một nhà cho vui .

Thị lườm hắn. Một người thật xấu khi yêu cũng lườm. Hắn thích chí khanh khách cười . Lúc tỉnh táo, hắn cười nghe thật hiền. Thị Nở lấy làm bằng lòng lắm. Bấy giờ thì mấy bát cháo ý chừng đã ngấm. Hắn thấy lòng rất vui. Hắn bẹo thị Nở một cái làm thị giẫy nẩy người lên. Và hắn cười, hắn lại bảo:

- Đằng ấy còn nhớ gì hôm qua không ?

Thị phát khẽ hắn một cái, làm cái vẻ không ưa đùa . Sao mà e lệ thế . Xấu mà e lệ thì cũng đáng yêu . Hắn cười ngất, và muốn làm thị thẹn thùng hơn nữa, hắn véo thị một cái thật đau vào đùi . Lần này thì không những thị nẩy người . Thị kêu lên choe choé . Thị nắm cổ hắn mà giúi xuống. Chúng tỏ tình với nhau, không cần đến những cái hôn. Ai lại hôn, khi có những cái môi nức nẻ như bờ ruộng vào kỳ đại hạn và cái mặt rạch ngang dọc như mặt thớt. Vả lại, có những cách âu yếm bình dân hơn, chúng cấu véo hoặc phát nhau ... thiết thực biết mấy ...

Chúng sẽ làm thành một cặp rất xứng đôi . Chúng cũng nhận thấy thế, và nhất định lấy nhau . Như thế năm ngày chẵn, thị ở nhà hắn cả ngày lẫn đêm, trừ những lúc đi kiếm tiền. Hắn không còn kinh rượu nhưng cố uống cho thật ít. Để cho khỏi tốn tiền, nhưng nhất là để tỉnh táo mà yêu nhau . Đàn bà không có men như rượu, nhưng cũng làm người say . Và hắn say thị lắm. Nhưng thị lại là người dở hơi . Đến hôm thứ sáu, thì thị bỗng nhớ rằng thị có một người cô ở đời . Người cô ấy nội ngày nay sẽ về . Thị nghĩ bụng: hãy đừng yêu, để hỏi cô thị đã .

Thấy thị hỏi, bà già kia bật cười . Bà tưởng cháu bà nói đùa . Nhưng chợt nhớ ra rằng cháu bà vốn dở hơi . Bà bỗng trở nên hoảng hốt. Bà nhục cho ông cha nhà bà . Cũng có lẽ bà tủi thân bà . Bà nghĩ đến cái đời dài dằng dặc của bà, không có chồng. Bà thấy chua xót lắm. Bà uất ức, uất ức với ai không biết. Nhưng rồi đổ cái uất ức ngay lên cháu bà ! Người đàn bà đức hạnh thấy cháu bà sao mà đĩ thế ! Thật đốn mạt. Ngoài ba mươi tuổi mà chưa trót đời . Ngoài ba mươi tuổi ... ai lại còn đi lấy chồng. Ai đời lại còn đi lấy chồng ! Ừ ! mà có lấy thì lấy ai chứ ?... Đàn ông đã chết hết cả rồi hay sao, mà lại đâm đầu đi lấy một thằng không cha . Ai lại đi lấy thằng chỉ có mộ t nghề là rạch mặt ra ăn vạ . Trời ơi ! Nhục nhã ơi là nhục nhã ! Hỡi ông cha nhà bà ! Bà gào lên như con mẹ dại . Bà xỉa xói vào mặt cái con cháu gái ba mươi tuổi mà chưa trót đời . Bà bảo phắt nó:

- Đã nhịn được đến bằng này tuổi thì nhịn hẳn, ai lại đi lấy thằng Chí Phèo !

Thị nghe thấy thế mà lộn ruột. Nhưng thị biết cãi bà làm sao . Con người ấy có quyền nói thế, bởi con người ấy năm mươi tuổi rồi còn ai lấy chồng. Thị biết cãi làm sao . Mà không cãi được thì giận dữ nổi lên đùng đùng. Thị tức lắm ! Thị tức lắm ! Thị cần đổ cái tức ấy lên một người . Thị lon ton chạy sang nhà nhân ngãi . Thị thấy hắn đương uống rượu, và vừa uống vừa lầm bầm chửi thị về nhà lâu . Hắn không quen đợi; bởi phải đợi, hắn lại lôi rượu và uống cho đỡ buồn. Uống vào thì phải chửi, quen mồm rồi ! Nhưng chửi thị ? Ồ, thị điên lên mất ! Thị giẫm chân xuống đất, rồi lại nhảy cẫng lên như thượng đồng. Hắn thú vị quá, lắc lư cái đầu cười . Lại còn cười ! Nó nhạo thị, trời ơi ! Thị điên lên mất. Trời ơi là trời ! Thị chống hai tay vào háng, vênh vênh cái mặt, và đớn cái môi vĩ đại lên, trút vào mặt hắn tất cả lời bà cô

. Hắn nghĩ ngợi một tí rồi hình như hiểu . Hắn bỗng nhiên ngẩn người . Thoáng một cái, hắn lại như hít hít thấy nồi cháo hành. Hắn cứ ngồi ngẩn mặt, không nói gì . Thị trút xong giận rồi . Cái mũi đỏ của thị dị xuống rồi lại bạnh ra . Thị hả hê lắm. Thị ngoay ngoáy cái mông đít ra về . Hắn sửng sốt, đứng lên gọi lại . Ai mà thèm lại ! Còn muốn lôi thôi gì ? Hắn đuổi theo thị nắm lấy tay . Thị gạt ra, lại giúi thêm cho một cái . Hắn lăn khèo xuống sân. Đã lăn ra thì hắn phải kêu: bao giờ chả thế . Hắn nhặt một hòn gạch vỡ, toan đập đầu . Nhưng hình như hắn chưa thật say . Vì hắn nghĩ đập đầu ở đây chỉ thiệt: đập đầu ở đây để mà nằm ăn vạ ai ? Hắn tự phải đến cái nhà con đĩ Nở kia . Đến để đâm chết cả nhà nó, đâm chết cái con khọm già nhà nó . Nếu không đâm được, lúc ấy hãy đập đầu kêu làng. Muốn đập đầu, phải uống thật say . Không có rượu, lấy gì làm cho máu nó chảy ? Phải uống thêm chai nữa . Và hắn uống. Nhưng tức quá, càng uống càng tỉnh ra . Tỉnh ra, chao ơi buồn! Hơi rượu không sặc sụa . Hắn cứ thoang thoảng thấy hơi cháo hành. Hắn ôm mặt khóc rưng rức. Rồi lại uống. Hắn ra đi với một con dao ở thắt lưng. Hắn lảm nhảm: "Tao phải đâm chết nó!" Nhưng hắn lại cứ thẳng đường mà đi . Cái gì đã làm hắn quên rẽ vào nhà thị Nở ? Những thằng điên và những thằng say rượu không bao giờ làm những cái mà lúc đi chúng định làm.

Trời nắng lắm, nên đường vắng. Hắn cứ đi, cứ chửi và dọa giết "nó", và cứ đi . Bây giờ đến ngõ nhà cụ Bá . Hắn xông xông đi vào . Cả nhà đi làm đồng vắng, chỉ có mình cụ Bá đang nằm nghỉ trưa ? Nghe hắn, cụ thấy bực mình quá ! Chính thật thì cụ đã đang bực mình. Bởi cụ thấy đầu hơi nhức. Cụ đang muốn có một bàn tay man mát xoa cái đầu . Cũng có lẽ, cụ chỉ muốn bà Tư đừng đi lâu quá thế, không biết rằng đi đâu ? Sao bà ấy còn trẻ quá! Gần bốn mươi rồi mà trông còn phây phây . Còn phây phây quá đi nữa! Cụ năm nay đã ngoài sáu mươi . Già yếu quá, nghĩ mà chua xót. Già thế thì bà ấy chỉ cũng già cho xong. Bà ấy lại cứ trẻ, cứ phây phây, cứ đẹp như mới ngoài hai mươi tuổi, mà sao đa tình. Nhìn thì thích nhưng mà tưng tức lạ . Khác gì nhai miếng thịt bò lựt xựt khi rụng gần hết răng. Mắt bà, miệng bà có duyên, nhưng trông đĩ lắm. Hơi một tí là cười toe toét, tít cả mắt lại, cái má thì hây hây . Mà thấy ghét những thằng trai trẻ, giá làm con bà không đáng, mà thấy đâu cũng đùa . Chúng đùa nhạt như nước ốc, chỉ được cái thô tục, mà gặp ai đâu cũng cười! Chẳng nghĩ đến địa vị cả, người đâu mà vô tâm ! Tức lạ ! Cụ chỉ muốn cho tất cả những thằng trai trẻ đi ở tù ... Những lúc như thế, thì một người dẫu khôn ngoan cũng không bình tĩnh được. Nhất là khi trông thấy một thằng chỉ đến vòi tiền uống rượu như Chí Phèo . Tuy vậy, cụ cũng móc sẵn năm hào . Thà móc sẵn để tống nó đi cho chóng. Nhưng móc rồi, cụ cũng phải quát một câu cho nhẹ người:

- Chí Phèo đấy hở ? Lè bè vừa chứ tôi không phải là cái kho .

Rồi ném bẹt năm hào xuống đất, cụ bảo hắn:

- Cầm lấy mà cút đi cho rảnh. Rồi làm mà ăn chứ cứ báo người ta mãi à ?

Hắn trợn mắt chỉ tay vào mặt cụ:

- Tao không đến đây xin năm hào !

Thấy hắn toan làm dữ cụ đành dịu giọng:

- Thôi cầm lấy vậy, tôi không còn hơn.

Hắn vênh cái mặt lên, rất kiêu ngạo:

- Tao đã bảo không đòi tiền.

- Giỏi! Hôm nay mới thấy anh không đòi tiền. Thế anh cần gì ?

Hắn dõng dạc:

- Tao muốn làm người lương thiện !

Bá Kiến cười ha hả:

- Ồ tưởng gì! Tôi chỉ cần anh lương thiện cho thiên hạ nhờ .

Hắn lắc đầu:

- Không được! Ai cho tao lương thiện? Làm thế nào cho mất được những vết mảnh chai trên mặt này ? Tao không thể là người lương thiện nữa . Biết không! Chỉ có một cách... biết không ! Chỉ có một cách là ... cái này biết không !

Hắn rút dao ra, xông vào . Bá Kiến ngồi nhỏm dậy, Chí Phèo đã văng dao tới rồi . Bá Kiến chỉ kịp kêu một tiếng. Chí Phèo vừa chém túi bụi vừa kêu làng thật to . Hắn kêu làng, không bao giờ người ta vội đến. Bởi thế khi người ta đến thì hắn cũng đang giẫy đành đạch ở giữa bao nhiêu là máu tươi . Mắt hắn trợn ngược. Mồm hắn ngáp ngáp, muốn nói nhưng không ra tiếng. Ở cổ hắn, thỉnh thoảng máu vẫn còn ứ ra .

***

Cả làng Vũ-đại nhao lên. Họ bàn tán rất nhiều về vụ án không ngờ ấy . Có nhiều kẻ mừng thầm, không thiếu kẻ mừng ra mặt! Có người nói xa xôi: "Trời có mắt đấy, anh em ạ!" Người khác thì nói toạc: "Thằng nào chứ hai thằng ấy chết thì không ai tiếc! Rõ thật bọn chúng nó giết nhau, nào có cần phải đến tay người khác đâu". Mừng nhất là bọn kỳ hào ở trong làng. Họ tuôn đến để hỏi thăm, nhưng chính là để nhìn lý Cường bằng những con mắt thỏa mãn và khiêu khích. Đội Tảo, không cần kín đáo, nói toang toang ngay ngoài chợ, trước mặt bao người: "Thằng bố chết, thằng con lớp này không khỏi người ta cho ăn bùn". Ai chả hiểu "người ta" đó là chính ông. Bọn đàn em thì bàn nhỏ: "Thằng mọt già ấy chết, anh mình nên ăn mừng". Những người biết điều thì hay ngờ vực, họ chép miệng nói: "Tre già măng mọc, thằng ấy chết, còn thằng khác, chúng mình cũng chẳng lợi tí gì đâu ..."

Bà cô thị Nở chỉ vào tận mặt cháu mà đay nghiến:

- Phúc đời nhà mày, con nhé! Chả ôm lấy ông Chí Phèo .

Thị cười và nói lảng:

- Hôm qua làm biên bản, lý Cường nghe đâu đã tốn gần một trăm. Thiệt người lại thiệt của .

Nhưng thị lại nghĩ thầm:

- Sao có lúc nó hiền như đất.

Và nhớ lại những lúc ăn nằm với hắn, thị nhìn trộm bà cô rồi nhìn nhanh xuống bụng:

- Nói dại, nếu mình chửa, bây giờ hắn chết rồi, thì làm ăn thế nào ?

Đột nhiên thị thấy thoáng hiện ra một cái lò gạch cũ bỏ không, xa nhà cửa và vắng người lại qua ...

Tháng 2-1941
Nam Cao

Bớ ... "Thằng giặc Tề"!

Nguyễn Dư

Trong bộ tranh dân gian Oger, phần nói về tục lệ tang ma, có một tấm vẽ một thầy phù thuỷ (còn gọi là pháp sư hay thầy pháp) đang làm phép lúc cải táng (bốc mộ). Chiếc quan tài đã được mở nắp, trên thành có con chim đậu, bên trong còn nguyên bộ xương người. Thầy phù thuỷ, một chân đạp thành quan tài, hai tay ôm súng chĩa về phía con chim. Đặc biệt ở đầu súng có mấy sợi giây rủ lòng thòng.

Thằng dặc tề (trai)

Tên tranh được ghi bằng ba chữ hán: *Thằng dặc tề*.

Vô tình tên tranh lại có vấn đề!

Người miền Bắc phát âm chữ *dặc* (hán) giống như chữ *giặc* (nôm), cho nên tên tranh còn có thể được đọc là *Thằng giặc Tề*.

Hai cách đọc này, đọc theo chữ hán hay đọc theo chữ nôm, sẽ đưa đến hai cách hiểu nội dung tranh khác nhau.

Hán hay nôm? *Thằng giặc Tề* là ai? *Thằng dặc tề* là gì?

Thằng giặc Tề được Nguyễn Mạnh Hùng (*Ký họa Việt Nam đầu thế kỷ 20*, Trẻ, 1990, tr. 126) giới thiệu:

Ngày trước, một bộ phận dân gian tin là có "thần trùng"- tức là thần hành hạ người chết vào ngày trùng hoặc bắt những người trong gia đình có người chết vào ngày trùng cứ chết nối theo - trừ phi tìm được pháp sư cao tay ấn đuổi đi thì mới chấm dứt.

Báo oán (thương tàn vật mệnh chi báo)

Trong hình, thần trùng xuất hiện dưới dạng một con chim- và cũng gọi là "thần nanh đỏ mỏ". Con chim đỏ mỏ này từ trên không đáp xuống mồ người chết mổ thật mạnh đến nảy lửa làm cho người chết dưới mồ phải rên la. Khi ấy vị pháp sư được âm binh trợ giúp đã dùng gậy tháp đánh đuổi con chim ấy đi không cho hành hạ người đã khuất nữa. Xong, vị pháp sư phải ếm đối một lá bùa vào miệng thây ma không cho thây ma hoá thành "thần trùng" để làm hại gia đình mình nữa.

Nhưng tại sao ở đây ký họa lại ghi là "Thằng giặc Tề" mà không đề là "Thần trùng"?

Tục truyền đời Hán (hai thế kỷ trước công nguyên), Hàn Tín được phong là Tề Vương vì có tham vọng muốn chiếm ngai vàng nên đã bị Lữ Hậu giết chết. Tín mang hận xuống suối vàng bèn cấu kết với 12 hung thần, giết chết Hán Anh - con Lữ Hậu - để trả thù. Bị thác oan, Hán Anh bèn tố cáo với Diêm Vương về tội ác ấy của Tề Vương nên được Diêm Vương cho trở

về với dương thế. "Thằng giặc Tề" đây phải chăng là Tề Vương tức Hàn Tín? (theo tư liệu của Ngô Quý Sơn)

Lời giải thích nghe thật lí thú, nhất là cho những ai thích truyện phong thần, kiếm hiệp Tàu. Thực thực, hư hư, chết đi sống lại, trả ân báo oán ...

Tuy thích nhưng tôi vẫn còn ngờ.

Sự tích thần trùng, thần nanh đỏ mỏ của tín ngưỡng dân gian chắc nhiều người trong chúng ta đã biết. Dùng hình ảnh con chim để gián tiếp cắt nghĩa thần trùng nghe ra cũng có lí, có thể chấp nhận được. Nhưng từ thần trùng nhảy qua Hàn Tín, một nhân vật lịch sử có thật, rồi từ Hàn Tín chạy sang thằng giặc Tề, thì lối giải thích có vẻ hơi khúc mắc, vòng vo khó hiểu.

Chẳng lẽ người vẽ và đặt tên tranh lại ra cho người xem tranh một câu đố hóc búa, khó hiểu như vậy?

Khó hiểu ở vài điểm:

1) Chữ *Thằng* của tiếng Việt thường được dùng với ý khinh bỉ, để chỉ những người ở bậc dưới mình, hoặc đôi khi dùng để hạ thấp người này, tâng bốc người kia:

Thằng bờm có cái quạt mo
Phú ông xin đổi ba bò chín trâu ... (Ca dao)
Thằng nghèo bị lép vế trước ông nhà giàu.

Khoảng đầu thế kỉ 20 trở về trước, thỉnh thoảng ta bắt gặp chữ *thằng* trong văn thơ:

Hỏi ra, sau mới biết rằng:
Phải tên xưng xuất tại thằng bán tơ (Nguyễn Du, *Kiều*)

Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm
Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà (Nguyễn Đình Chiểu, *Than đạo*)

Nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ, đạn to, xô cửa xông vào, liều mình như chẳng có (Nguyễn Đình Chiểu, *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*).

Chữ *thằng* chỉ chung đứa lưu manh, lũ phản quốc, bọn xâm lăng. Trong ngôn ngữ dân gian, *thằng* còn được dùng để chỉ chung trẻ con:
Thằng Cuội ngồi gốc cây đa
Để trâu ăn lúa, gọi cha ời ời ... (*Ca dao*)

Chàng hai má đỏ hồng
Kêu với thằng tiểu đồng
Mang túi thơ bầu rượu:
"Mai ta vào chùa trong" ... (Nguyễn Nhược Pháp, *Chùa Hương*)

Thằng cũng được dùng với ý miệt thị để gọi thằng mõ, một hạng người bị liệt vào hàng thấp nhất của xã hội.

Cho đến những năm 1930-1940, chưa bao giờ một nhân vật lịch sử, Tàu hay ta, bị sách vở gọi là thằng. Cổ nhân kín đáo, không chửi ai một cách thô lỗ chăng? Chữ thằng- chỉ một cá nhân- mới được dùng phổ biến và công khai từ khoảng sau 1945. Ngày nay chúng ta quen tai với những tiếng gọi thằng này, thằng kia. Xét cho cùng, điều này cũng dễ hiểu, chả có gì đáng ngạc nhiên. Người ta mạt sát thằng này thằng nọ vì người ta đang đứng ở vị trí có quyền ăn nói vô tội vạ, không sợ bị trả thù. Viết hồi kí, ai cũng có thể lôi

thằng này, thằng kia của quá khứ ra chửi bới tha hồ cho sướng miệng. Ở thời điểm đang xảy ra sự việc, lúc *cá nằm trên thớt*, có cho ăn kẹo chắc cũng chả có ai dại gì lại đi chơi trò vuốt râu hùm, khinh cụ tổng đốc này, coi thường thầy giáo kia, đùa giỡn ông tướng nọ một cách huỵch toẹt như vậy!

Đầu thế kỉ 20, người dân Việt Nam còn phải chịu cảnh một cổ hai tròng, bị thực dân và phong kiến cai trị. Trẻ con cắp sách đến trường đều được học câu *tiên học lễ, hậu học văn*. Trong một môi trường xã hội như thế thì thiết nghĩ các nghệ nhân vẽ và khắc tranh chả có lí do hay lợi lộc gì để tự dưng vô cớ lại lôi Hàn Tín ra gọi là thằng! Mấy ai đã biết mày ngang mũi dọc của nhân vật này ra sao? Trong bộ tranh dân gian Oger, trừ 2 tấm *"thằng phỗng đội nến"* và *"người Thổ xách đầu thằng giặc"*, tất cả các tranh khác từ trẻ con đến người tù, ăn trộm, ăn mày, kể cả mõ làng ... đều không thấy dùng chữ thằng! Dường như nghệ nhân tránh dùng chữ thằng thiếu trang nhã?

2) Chữ *giặc* (giặc giã, giặc đến nhà đàn bà phải đánh) là âm nôm của chữ hán *tặc*. Chữ giặc được dùng thông thường để chỉ những người từ nước khác đến trực tiếp gây chiến tranh với ta (giặc Ân, giặc Nguyên, giặc Minh, giặc Thanh, giặc Pháp, giặc Mĩ ...). *Được làm vua, thua làm giặc*, chữ giặc còn được thực dân, phong kiến dùng để chỉ những người, những tổ chức trong nước nổi lên chống đối họ.

Xảy nghe thế giặc đã tan
Sóng êm Phúc Kiến, lửa tàn Chiết Giang (*Kiều*)

Thành liền mong tiến bệ rồng
Thước gươm đã quyết chẳng dong giặc trời (*Chinh phụ ngâm*)

Nhà Nguyễn gọi quân Tây Sơn là giặc Tây Sơn. Triều đình phải cử người đi dẹp giặc Phan Bá Vành, giặc Lê Văn Khôi ... Nhà nước bảo hộ phải đương đầu với giặc Cờ Đen, giặc Bãi Sậy ...

Ngược lại, ta không gọi những người không đụng chạm đến ta là giặc. Trong văn chương, lịch sử Việt Nam không có giặc Đức, giặc Ấn Độ, giặc Công Gô... Nước Tề xa lắc xa lơ, mấy ai biết rõ nó nằm ở đâu, biên giới thế nào. Hàn Tín chưa bao giờ đặt chân đến nước ta, không trêu không ghẹo gì dân ta, tại sao bỗng dưng lại bị điểm mặt là *Thằng giặc Tề* ?

Thằng giặc Tề là cái gì khác chứ không thể là Hàn Tín được!

Nói cách khác, tên tranh không phải là được viết bằng chữ nôm.

Vậy chúng ta hãy thử đọc tên tranh bằng chữ hán.

a) Chữ *Thằng* (bộ mịch) nghĩa là sợi giây, sợi chỉ. Thí dụ: *Xích thằng* là sợi chỉ màu đỏ, cùng nghĩa như tơ hồng, chỉ hồng (điển tích Vi Cố, chỉ việc kết duyên vợ chồng). Ngày xưa, thầy phù thuỷ thường lấy chỉ ngũ sắc (năm màu) tết thành bùa, gọi là *bùa chỉ*, dùng để ếm trừ ma quỷ. Trong tranh, ở đầu chiếc súng có buộc mấy sợi giây, mấy sợi bùa chỉ. Chữ thằng có nghĩa là sợi bùa chỉ.

b) Chữ *Dặc* (bộ dặc) nghĩa là bắn. *Du dặc* là đem binh thuyền đi tuần nã trộm giặc (Thiều Chửu, *Hán Việt tự điển*, nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1993). Trong tranh, thầy phù thuỷ đang bắn tà ma. Suy rộng ra là thầy phù thuỷ đang điều khiển âm binh tuần nã tà ma.

Chữ dặc cũng được dùng để ghi âm chữ nôm:

Đưa chàng lòng dặc dặc buồn
Bộ khôn bằng ngựa, thuỷ khôn bằng thuyền (*Chinh phụ ngâm*)

Gọi là trả chút nghĩa người
Sầu này dằng dặc muôn đời chưa quên (*Kiều*)

Nguyễn Du và Đoàn Thị Điểm (hay Phan Huy Ích?), những người giỏi hán nôm, đã phân biệt *giặc* với *dặc*, viết bằng hai chữ hán khác nhau. Nghệ nhân dân gian thì vẫn còn nhầm giặc với dặc (tranh *Người Thổ xách đầu thằng giặc*, chữ giặc được viết bằng chữ dặc).

c) Chữ *Tề* (bộ tề) theo Thiều Chửu còn có âm đọc và nghĩa giống chữ *Trai* (bộ tề) (trai giới, trai tịnh, tiếng Việt là chay, ăn chay). *Trai tiếu* nghĩa là *sư làm đàn cầu cúng* (Thiều Chửu), *thầy tu lập đàn cầu đảo* (Đào Duy Anh, *Hán Việt từ điển*, Trường Thi, 1957). Giới bình dân gọi là làm đàn chay, làm chay.

Giã giò con cò biết bay
Xương sông lá lốt làm chay cho cò (*Ca dao*)

Chữ Tề của tên tranh có lẽ đã được nghệ nhân dân gian dùng với âm Trai và được hiểu là *thầy phù thuỷ làm đàn cầu cúng*.

Nói tóm lại, chúng ta phải đọc tên tranh là *Thằng dặc trai* thì mới rõ nghĩa là *thầy phù thuỷ làm đàn, dùng bùa chỉ bắn đuổi tà ma*. Tranh vẽ vừa diễn tả đầy đủ công việc chuyên môn của các thầy phù thuỷ, vừa trình bày được nội dung một tín ngưỡng dân gian.

Tên tranh có thể hiểu một cách ngắn gọn là Phù thuỷ hoặc Pháp sư trừ tà.

(Còn có thể giải thích tên tranh bằng một cách khác, cho rằng người viết chữ đã viết nhầm chữ Tề hay Tế (bộ thuỷ và chữ tề) thành chữ Tề. Chữ Tế hay Tế, có nghĩa là cứu giúp (Thiều Chửu). Thầy phù thuỷ dùng bùa trừ ma để cứu giúp người chết. Ý nghĩa cũng tương tự như trên nhưng lối giải thích này phải thừa nhận là người viết đã viết thiếu, viết sai).

Nhưng cái gì biểu hiện tà ma ở trong tranh?

Đó là con chim đậu trên thành quan tài. Tín ngưỡng dân gian tin rằng có ác giả ác báo. Những kẻ giết người, chết xuống âm phủ sẽ bị quỷ sứ giết. Những người hay giết súc vật, chim chóc chết xuống âm phủ sẽ bị súc vật, chim chóc báo oán, hành hạ (như cảnh trong tranh *Thương tàn vật mệnh chi báo*, Người giết hại súc vật bị báo oán). Thầy phù thuỷ dùng bùa bắn đuổi con chim để giải thoát người dưới âm phủ khỏi hình phạt bị chim mổ. Phải chăng hình ảnh bị chim mổ dưới âm phủ đã đẻ ra thành ngữ *đồ quạ mổ* hay *đồ quạ đánh*, một câu chửi rủa độc ác của các bà? Dần dần con quạ của đồng quê đã hoá kiếp thành *thần nanh đỏ mỏ* hung ác, huyền bí của mê tín dị đoan?

Chúng ta có thể suy đoán ra rằng con chim đậu thành quan tài chỉ là đồ nghề của thầy phù thuỷ chứ không phải một con chim thật, tình cờ bay đến.

Kinh nghiệm rút ra được từ tấm tranh *Thằng dặc trai (tề)* là: Nói chung, hoặc chính bản thân các nghệ nhân là dân quê, hoặc họ sống rất gần, hiểu rất rõ đời sống của dân quê, nên cách nói, cách viết của họ rất mộc mạc, đôi lúc rất ... nôm na. Chính vì thế mà từ nét vẽ đến cách đặt tên tranh, tất cả đều giản dị, bình dân, ăn khớp với nhau.

Các nghệ nhân không thích (hay không có khả năng?) nói bóng gió xa xôi, không dùng những điển tích cầu kì, khó hiểu của giới nho sĩ, văn nhân, để diễn tả các sinh hoạt, phong tục của xã hội Việt Nam hồi đầu thế kỉ 20.

Đó cũng là đặc điểm chung của tranh dân gian Việt Nam.

Nguyễn Du
(Lyon, 4/2003)

Cơm nắm

Băng Sơn

Vào khoảng trước năm lên mười tuổi, có lần tôi suýt chết đuối ở ao làng. May mà các anh tôi vớt kịp.

Tối hôm đó, mẹ dắt tôi đi cùng, đến cái ao ấy. Mẹ bưng một cái rá đựng bẩy nắm cơm chim chim và mấy nén nhang. Đến bờ ao, mẹ thắp nhang rồi chao rá cơm trên mặt nước và khấn khứa:

- Bớ ba hồn bẩy vía thằng Bốn (Bốn là tên tôi) ở đâu thì về với mẹ...

Rồi mẹ cầm nhang vái tứ phía.

Những nắm cơm chim chim ấy chắc là thiêng lắm nên tôi khỏe mạnh lớn khôn dần, và vẫn sống cho đến khi viết những dòng này. Tôi lớn lên bên chính cái ao làng ấy trong sự yêu thương của cha mẹ, sự dùm bọc của gia đình, sự thương mến chở che của làng xóm quê hương...

Từ những nắm cơm chim chim " chao vía " (nếu là con gái thì chín vía), hoặc để cho trẻ ăn cho vui, tôi đã bao lần được ăn những nắm cơm khác nhau trong những hoàn cảnh khác nhau.

Lần đầu tiên đi xa nhà: mẹ đã gửi tình thương yêu của mẹ, hơi hướng của mẹ, bóng dáng của mẹ... qua nắm cơm trong mo cau vườn nhà.

Đêm trở trời, nằm trong nhà bỗng nghe đánh " bộp " ngoài sân. Mẹ lụi cụi ra nhặt tầu cau vừa rụng, cắt bỏ phần lá để đun, còn cái mo cau giữ lại, cất đi. Ngày con đi xa mẹ lấy tấm mo cau đã khô, dấp nước, bới cho con nắm cơm vừa xới ở nồi ra, thơm ngát. Mẹ cũng gói theo một dúm muối vừng gói trong lá chuối tươi đã lau sạch. Mùi vừng thơm lựng, thơm khắp xóm, vừa bùi vừa ngậy, ăn với cơm nắm nó hợp nhau như cau với trầu, như cốm với hồng, như dưa hành với bánh chưng, như cô dâu với chú rể, như...

Trên chuyến tầu thủy chạy dọc dòng sông mênh mông và không biết chảy về tận vùng nào, tôi giở nắm cơm ra ăn và nghẹn ngào. Gạo mới thơm ngọt mùi cốm, hòa vào mùi thơm muối vừng, vừa ngọt đậm vừa dẻo mát khi đưa miếng cơm lên đầu lưỡi. Hình ảnh mẹ, hình ảnh xóm làng hiện lên trong khi tôi nhai thong thả miếng ngọc thực ấy giữa hơi ngòn ngọt của dòng sông đầy phù sa, giữa hơi mo cau đã mềm đi vì hơi cơm chín...

Mẹ thương con cả khi con đã đi xa, đã ra khỏi vòng tay mẹ. Con đi xa đến đâu vẫn là gần mẹ, gần quê hương đồng lúa, không xa được cái hồn những lời không nói của mẹ gửi theo. Nắm cơm đã thành hình bóng mẹ, thành hình bóng quê nhà...

Cùng khoang tàu với tôi cũng có người giở cơm nắm ra ăn. Có người gói cơm nắm trong tàu lá chuối, lá đã tái đi một mảng, hệt như miếng lá chuối trên miệng nồi nước lá xông giải cảm. Có người gói trong giấy báo giở cơm ra có cả những chữ in, được in ngược lại trên da thịt nắm cơm. Có người gói trong màng mỏng hiện đại.

Cách ăn khác nhau. Có người chỉ dùng tay bẻ ba bẻ tư nắm cơm rồi cầm lên mà cắn những miếng thật to. Có người dùng con dao thật sắc cắt nắm cơm thành từng thỏi nhỏ, vuông vức, trông như những thỏi giò lụa trắng tinh. Nhìn những thỏi cơm đặt thứ tự bên nhau, đều tăm tắp, cảm giác ngon, thèm ăn tăng lên đến mấy lần.

Thức ăn thật khác nhau. có người ăn với giò chả, có người có ruốc bông, có người có lạp xường, thịt gà rim... Chỉ giống nhau ở chỗ có những nắm cơm đều từ hạt gạo mà nên, đều ngon lành, chắc dạ, sạch sẽ, hẳn người ở nhà mong người đi thuận buồn xuôi gió, chắc dạ cứng chân.

Nắm cơm mà bẻ ra thì quả là mất ngon. Nó chỉ còn lại là những tảng những vừng cơm cạnh nồi, lại rắn chắc, nguội tanh. Phải nâng niu, nhẹ nhàng, phải gọt phải cắt, phải ăn thong thả, tay cầm miếng cơm đưa lên miệng vừa nhai vừa ngẫm nghĩ một điều gì... có thể ân tình của người ở nhà mới thấm sâu tận đáy lòng người đi, dù đường ngắn hay dặm dài...

Xôi đỗ xanh đỗ đen hoặc cơm nếp trắng bới vào mo cau hay lá chuối vẫn chỉ là cơm nếp, không thể giống cơm nắm gạo tẻ. Cơm tẻ là mẹ ruột. Cơm nắm chính cũng là mẹ ruột. Và muối vừng đậm vị dân dã đi đôi với cơm nắm quả là thần tình, sáng tạo.

Một lần khác tôi đi xa, ngồi nghỉ dưới bóng mát một cây cổ thụ ở lưng đèo. Giở cơm nắm ra ăn, gió đồng đưa hương lúa từ dưới thung lũng lên, đất đỏ thấm vào gan bàn chân, cây xanh toả bóng mát trên đầu... càng thấm thía vị cơm nắm mẹ cho mang theo dọc đường xa ngái.

Mẹ tôi không còn. Người bạn đời chung thủy của tôi lại học cách của mẹ truyền cho, thường gửi theo đường xa cho tôi những nắm cơm ân tình hệt như ngày cũ. Cái từ " truyền thống " dùng nhiều quá hóa nhàm, vậy nên gọi tâm tình ấy là gì nhỉ ? Hỡi những người thương mến của tôi?

Tiệc tùng chỉ là đôi khi và cũng không phải là của tất cả mọi người, nhất là những người bình thường chúng ta. Ai đã nói câu ấy hay lời nói của nắm cơm?

Sơn hào hải vị, nem công chả phượng, bào ngư yến sào... là món ăn cao quý. Và ai mà chẳng từng ít ra được một lần ăn bữa cỗ linh đình, nhiều người còn ăn thừa mứa kiểu hiện đại, quá nhiều tiền bất chính hoặc không bất chính.

Chắc, dù là ai, đang sống sang trọng, ngày nào cũng đặc sản phát ngấy cũng không thể nào thoát được những bữa cơm nắm dọc đường. Nắm cơm không hợp với khăn bàn trắng, không ưa cùi dìa phóng xét. Nó là đồng quê, là gian khó, là tiết kiệm, là phòng xa... Không hiểu có hay không người nào quá quen bơ sữa mà quên mất vị cơm nắm? Có không nhỉ?

Không riêng nắm cơm người thân gửi cho. Ở nhiều bến tàu bến xe, ở trên tàu nữa, có những hàng cơm nắm bán rao để thuận tiện cho khách đi đường, dù là lữ khách tha hương hay bà buôn chuyến... những con người kẻ vội vã, kẻ thiếu mái ấm một gia đình, thiếu bàn tay chăm sóc. Những nắm cơm như thế chỉ là đỡ đói lòng khi nhỡ độ đường, vỗ yên cái dạ dày tàm tạm. Nó chẳng ngon lành được.

Và có thể nào quên năm đau thương Ất Dậu, 1945, có hàng triệu người không có nổi một nắm cơm, trong khi có rất nhiều hàng cơm nắm ở mọi nơi mọi chỗ. Nắm cơm lúc ấy hình tròn hơi dẹt và lõm một chút ở giữa, có lẽ là chỗ để chút muối vừng hoặc chí đơn giản muối rang. Ăn cầm hơi mà sống qua ngày. Cái nắm cơm đơn sơ ấy nó có sức mạnh ghê gớm, có thể nặng bằng một đời người vì có thể cứu sinh mạng một con người nếu đúng lu&c. Bởi có ai cũng có nắm cơm như thế mà ăn đâu.

Cũng nghiệm ra bánh đúc riêu cua không thể bày trên bàn tiệc. Món nước vối không nên đựng vào cốc pha lê. Tương tự, cơm nắm làn dọc đường, không cần bát đũa, chẳng cần khăn bàn... Nó giống như tình yêu, chứa đựng sự chân thành là cốt yếu. Nó không cần hào nhoáng, cũng chẳng thích xa hoa. Nó là mảnh hồn chân chất của người Việt Nam chúng ta, người nào cũng mang trong con người mình, qua ngàn đời nghèo khó lam lũ, nhưng cũng ngàn đời chân tình chung thủy...

Băng Sơn

Văn học và điện ảnh

Từ CHÙA ĐÀN của NGUYỄN TUÂN đến MÊ THẢO của VIỆT LINH

Đặng Tiến

Báo Xuân năm nay - viết cho Tết năm dê Quý Mùi - tôi có nhắc câu hát ru em miền quê kiểng xa xưa :

" Ru em buồn ngủ buồn nghê
Con tằm chín đỏ, con dê chín mùi "

tôi đã cho là *'huyền bí, vô nghĩa, vô lý'*, vì mình không hiểu, thậm chí không mường tượng được hình ảnh trong câu hát.

Cho đến ngày *'yên ba tam nguyệt hạ Deauville'* để xem phim Mê Thảo của Việt Linh, phóng tác theo truyện *Chùa Đàn* của cố nhân Nguyễn Tuân. Đúng điệu nghề chơi, phải đọc lại nguyên tác, thì gặp câu : *" Lắm lứa (tằm) đang chín, bụng đỏ ửng và trong suốt như hổ phách "* (TT III,tr. 382), như cởi tấc lòng. Khi bắt gặp trên màn ảnh những nong tằm, từ những con tằm xanh non đến những thân tằm ửng đỏ. Lòng nao nao một mùi hương cũ. Một điệu hát xưa : *dâu bờ xanh thắm, nong tằm chín lứa tơ*. Và xưa hơn nữa, một ánh trăng xanh xao, trong điệu ca dao :

Anh chê thao, chuộng lụa tơ tằm
Anh xa em, sao không chọn tháng không rằm mà xa

Làm gì có tháng không rằm. Chỉ có những vầng trăng lẻ bóng.

* *
*

Như vậy, tôi phải cảm ơn Việt Linh, khi làm phim, đã tận độc *Chùa Đàn*. Phim đệm nhạc cổ truyền, tôi cảm động nghe những tác phẩm Tản Đà. Tiêu biểu cho ca trù thì phải *"hồng hồng tuyết tuyết, quạnh hơi thu "* chứ ? Sao lại *Hỏi Gió* và *Tống Biệt* ? Ấy vì tấm tình trần ai tri kỷ giữa tác giả *Chùa Đàn* với nhà thơ núi Tản sông Đà, mà Nguyễn Tuân gọi là *ẩm giả lưu kỳ danh*. Ngày Tản Đà quá cố, Nguyễn Tuân đã tống biệt bằng một ký sự lỗi lạc *Chén Rượu Vĩnh Biệt* trên tạp chí Tao Đàn, 1939. Như vậy nhà nữ đạo diễn, sinh năm 1952, và trưởng thành tại Nam Bộ, đã tra cứu chín chắn về lịch sử văn học đây.

Nhưng làm nghề văn học lâu năm chầy tháng, mình cũng nhiễm bệnh văn học nặng nề, nên vẫn thắc mắc : chuyện phim xảy ra 1920, vậy lúc ấy, Tản Đà đã sáng tác hai bài thơ nọ chưa ? Về nhà tra tư liệu, thì biết *Tống Biệt* làm 1917, *Hỏi Gió* làm 1920, khi Tản Đà đi chơi trên đê, dọc Sông Đà, gặp cơn gió lớn bèn nói chuyện với gió ! Ai thuộc văn Nguyễn Tuân đều biết câu *Gió đã lên* … thường xuất hiện. Ai quen ông ấy, đều nhớ giấy viết thư của ông, góc trên thường có cánh buồm và mấy chữ *" gió đã lên… "*, có lẽ dịch từ thơ Valéry : *Le vent se lève, il faut tenter de vivre,* trong bài *Cimetière marin*, rất hợp với tâm trạng các ông ấy. Ngoài ra, sinh thời Nguyễn Tuân vẫn tự cho rằng mình tả gió là hay nhất trần đời ; bạn mình, Nguyên Hồng tả nắng hay nhất. Cần thêm, Tô Hoài, bạn ông, tả mưa hay nhất. Các ngài ấy, cái gì cũng nhất. Cho ca sĩ Thanh Hoài hát *" gió hỡi gió phong trần nay đã chán "*, Việt Linh – Phạm Thùy Nhân, các tác giả kịch bản, đã chọn lựa tinh tế.

Dĩ nhiên là từ truyện đến phim phải có những thay đổi về ngôn ngữ. Trả lời ký giả nước ngoài, Việt Linh đã giải thích *" Từ một cuốn truyện rất mỏng, muốn làm thành phim truyện dài, kịch bản phải thêm biến cố và nhân vật. Cái khó là biến đổi mà vẫn trung thành với tư tưởng, tinh thần và không khí của nguyên tác văn học. Một trong sáng tạo rõ nét nhất của kịch bản là nữ nhân vật cô gái câm "*.

Âu cũng là chuyện thường tình, nguyên tác của Nguyễn Tuân chỉ 30 trang, nống thành phim truyện 108 phút, dĩ nhiên là phải thêm thắt, như trường hợp phim Pháp hiện nay " Effroyables Jardins – Vườn Kinh Hoàng " đạo diễn Jean Becker phóng tác truyện Michel Quint đã tuyên bố *" đi từ một truyện 60 trang đến một phim một giờ rưỡi thì đành không trung thành. Phải nống nhân vật, tạo đối thoại. Nhưng tôn trọng giọng văn của nguyên tác, cợt đùa với thảm họa. Và theo tác giả nguyên tác phim không trung thành nhưng không bội phản "* (1).

Trường hợp nổi danh hơn là phim Mỹ hiện nay *" The Hours – Giờ "*, giải Oscar 2003. Tác giả Stephan Daldry phỏng theo tiểu thuyết lừng danh của Michel Cunningham, giải thưởng văn chương Pulitzer năm 1999, dựa theo đời tư của nhà văn Anh Virginia Woolf (1941) và tác phẩm Bà Dalloway (1925). Bộ phim được hoan nghênh nhiệt liệt, diễn xuất tuyệt vời, nhưng vẫn bị nhiều lời chê trách là đã xuyên tạc đời tư nhà văn nữ, thậm chí những *" nụ hôn cũng sai lệch "* (2). Nhưng dù sao cũng là cơ hội đọc lại Virginia Woolf, bị nửa thế kỷ lãng quên – trường hợp *Chùa Đàn*.

Trong nhật ký một nhà văn, Virginia Woolf, ngày 30/8/1923, đã thổ lộ : *" tôi có nhiều điều muốn nói về truyện Giờ (The Hours) và sự khám phá riêng. Cách thức tôi đào những hang động đằng sau nhân vật. Tôi nghĩ điều này đã cung cấp những phẩm chất cần thiết : tính nhân đạo, tính hài hước và chiều sâu. Dụng tâm là giao thông giữa các hang động, mỗi hang động sẽ được rọi sáng, khi cần thiết "* (3).

Những tư liệu về thời sự điện ảnh này, vô hình chung, đến đúng lúc, rọi chiếu hoàn cảnh Việt Linh khi chị đào những hành lang đưa đến ấp Mê Thảo dưới ánh sáng tiền trường của dư luận, không phải lúc nào cũng ưu ái.

*
* *

Chùa Đàn xuất bản giữa năm 1946, trong một hoàn cảnh đặc biệt căng thẳng, giữa Hiệp Ước Sơ Bộ Việt Pháp, tháng Ba, và ngày toàn quốc kháng chiến, cháng Chạp. Sau này tái bản khó khăn nên ít người biết. Chuyên gia về Nguyễn Tuân là Nguyễn Đăng Mạnh, năm 1981, làm Tuyển Tập, cũng chỉ lướt qua, cho đến 1989 anh mới có bài viết nghiêm túc và chính xác. Hoàng Như Mai khi lý về dụng ý *'tự hủy để tái sinh'* chỉ lặp lại khuôn sáo một thời, và lý luận vớ vẩn " *cái luận đề triết lý của Chùa Đàn đã được giải mã thì giá trị của tác phẩm trở nên minh bạch "*(4). Ối !

Tổng luận về Nguyễn Tuân, Nguyễn Đăng Mạnh đã dùng chữ *"phức tạp"* nhiều nghĩa mà Nguyễn Tuân tâm đắc theo một nghĩa nào đó. Vì ở Nguyễn Tuân, những khái niệm thông dụng ngày nay như chính diện, phản diện, tích cực, tiêu cực, duy mỹ, vị nghệ thuật, không thể quy chiếu đơn giản.

Chùa Đàn gồm ba phần. Phần II là chính truyện, khoảng 30 trang, có tên riêng : *Tâm Sự của nước Độc*. Viết ở ngôi thứ ba, kể chuyện xảy ra hồi đầu thế kỷ, tại ấp Mê Thảo, một địa danh tưởng tượng, chuyên nghề nuôi tằm dệt tơ, miệt trung du. Chủ ấp, Lãnh Út, yêu một cô gái và chuẩn bị đám cưới thì cô dâu tử nạn vì xe lửa bị lật. Từ nỗi tuyệt vọng vì tình, Lãnh Út đâm ra căm thù văn minh cơ khí, chìm đắm vào men rượu, tách mình ra khỏi thực

tại, sống trong kỷ niệm, tuyệt vọng và hoang tưởng. Việc trang trại hoàn toàn giao phó cho quản gia là Bá Nhỡ, nguyên bị án tử hình, dù chỉ tòng phạm trong một án mạng. Bá Nhỡ được chủ ấp bao che, nên tận tụy lo cho sức khỏe của ân nhân và công việc trang trại. Bá Nhỡ là một tay đàn cự phách, đã từng đàn đệm cho Tơ, một đào hát lừng danh ; anh muốn mời cô Tơ lên ấp hát, may ra điệu nhạc lời ca giải khuây và đưa Lãnh Út trở về thực tại. Nhưng từ ngày chồng chết, cô Tơ đã giải nghệ, và phát nguyện chỉ hát theo cung bậc của cây đàn người chồng quá cố để lại. Nhưng đây lại là cây đàn thiêng : ai đụng vào là có nguy cơ mất mạng. Bá Nhỡ chấp nhận cơ nguy dùng cây đàn thiêng : một là để cứu mạng ân nhân, hai là để thử thách lòng mình, trong tâm trạng tuyệt vọng : *" ta còn đợi gì nữa ở cuộc đời ta ? Ta không chờ mong gì ai. Và tất cả các thứ tàu và chuyến tàu của cuộc đời này không chở một kẻ hành khách cô độc "* (TT I, tr. 396). Rồi Lãnh Út đánh trống, cô Tơ hát, Bá Nhỡ đàn, cho đến khi *bốn giây rỏ máu năm đầu ngón tay*, xuất huyết và chết trên cây đàn oan nghiệt.

Lãnh Út và đoàn tùy tùng đưa xác Bá Nhỡ về ấp. Rồi đốt cháy hết những vò rượu " vô cố nhân " và xây chùa tưởng niệm bạn xưa, gọi là *Chùa Đàn*. Cô Tơ xuất gia, giữ phần kinh kệ.

Cốt chuyện *Tâm Sự Nước Độc* – cốt lõi của *Chùa Đàn* - tác phẩm văn học chấm dứt ở đây.

Sau đó, là sinh mệnh chính trị của nó.
Tác phẩm được sáng tác năm 1945 tại Bần Yên Nhân, ngoại thành Hà Nội, tại nhà bà Chu thị Năm, chủ nhà hát cô đầu, là nhân tình Nguyễn Tuân lúc đó.Theo lời Tô Hoài kể trong *Cát Bụi Chân Ai*, Nguyễn Tuân đã tâm tình *" lôi thôi quá, tao định đưa bà Năm về làm bé đấy. Rồi cách mạng, thế là tung hê cả "* (5). Vũ Hoàng Chương, thường đi nghe hát với Nguyễn Tuân, cũng xác nhận : *" Nguyễn lúc ấy đang làm bác trai của nhà (hát) này…. Trong chiếc áo dài trắng như biểu lộ hết cái tinh thần của những kẻ đa tình mang lấy nghiệp bác trai "* (6).

Năm 1941, Nguyễn Tuân bị Pháp bắt, còng tay, đưa đi trại tập trung Vụ Bản, Hòa Bình, cũng tại nhà bà Chu thị Năm, theo lời kể của Tô Hoài.

Tâm Sự của Nước Độc, tức là toàn văn *Chùa Đàn*, viết năm 1945, nhưng Nguyễn Tuân xếp cùng với các truyện huyền ảo mà ông đặt tên chung là *Yêu Ngôn*, như *Xác Ngọc Lam, Lửa nến trong Tranh, Loạn Âm, Bố Ô (Rượu Bệnh)* viết trước đấy, khoảng 1943, cùng với những *trang ghi lại những cảm giác và cảm tưởng hoang mang, kinh loạn của suốt một thời kỳ khủng hoảng* (Tựa Am Sông Tô, trong Tùy Bút II, 1943).

Cũng năm 1945, Nguyễn Tuân xuất bản tập truyện *Nguyễn* với lời đề đầu sách *'Kính tặng Tôi'*, thì xảy ra cuộc cách mạng tháng Tám, với đường lối văn nghệ ghi trong *Đề Cương Văn Hóa 1943*. Những trước tác kiểu *Yêu Ngôn, Chùa Đàn* dĩ nhiên là được xem như lỗi thời, sa đọa, thần bí, ngược lại với ba tiêu chuẩn *dân tộc, khoa học, đại chúng* mà Đề Cương đã vạch ra.

Thời kỳ này, Nguyễn Tuân hăm hở tham dự những cuộc xuống đường, giữa những *'phố Hàng Cờ'*, nhưng *còn e ngại, ngủng nguẳng với cách mạng, chưa thật sự theo Việt Minh* (TT III, tr. 509), cho đến khi Tố Hữu yêu cầu gặp, đầu 1946. Nguyễn Tuân trái khoáy, hẹn gặp ở nhà Thủy Tạ, bờ Hồ, một địa điểm *'phức tạp'*, chốn ăn chơi, đi lại của nhiều phe phái. *Không ngờ anh Lành (Tố Hữu) lại nhận lời. Tôi thấy anh Lành có bản lĩnh, chịu chơi, tôi bắt đầu nể anh, từ chỗ có cảm tình với anh Lành, tôi có cảm tình và theo Cách Mạng* (TT III, tr. 510).

Trong bối cảnh chính trị và tâm lý như thế *'mùa xuân một năm tuổi'* tức năm 1946, Bính Tuất - Nguyễn Tuân sinh 1910, Canh Tuất – ông đã thêm một cái đầu Cách Mạng và một cái đuôi Mác Xít cho *Chùa Đàn*.

Phần I- *Dựng*, làm dẫn nhập, viết ở ngôi thứ nhất, biến Lãnh Út thành một cán bộ Cách Mạng cộng sản tên Lịnh, gặp trong trại tập trung Vụ Bản. Lịnh là một nhân vật gương mẫu dứt khoát không động đến rượu và không nghe hát ả đào, và cuối cùng giải thích lý do khiến mình đoạn tuyệt với hai món đó, trong một nhật ký riêng, *Tâm Sự của Nước Độc* – sau này sẽ là phần II của *Chùa Đàn* – viết 1932, trên con tàu biển, trên đường viễn dương truy tìm Cách Mệnh ở ngoài xứ.

Phần III - *Mưỡu Cuối*, cũng ở ngôi thứ nhất, chủ yếu kêu gọi cô Tơ - đã trở thành sư Tuệ Không - bỏ kiếp nâu sồng trở lại với đời sống dân dã, vì tu hành là *một chuyến đánh bạc gian, ăn cắp gạo và vải của cuộc đời*. Trở lại cuộc đời để cao giọng hát vì (câu kết) : " *cho tới ngày nay, chưa có cuộc Cách Mệnh nào của Con Người mà bỏ được tiếng hát* " (TT I, tr. 414).

Vá víu như vậy rõ là đầu Ngô mình Sở, không ra cái thống-chế pê-tanh đơ-gôn gì. Nguyễn đăng Mạnh đã ghi nhận *" sự vá víu khiêng cưỡng, chắp đầu chắp đuôi với những lời thuyết lý ồn ào "*, và còn thêm *" Bây giờ đọc lại những trang viết này chúng ta không khỏi bật cười : Nguyễn Tuân sao mà nông nổi đến vậy ! "* (7)

Hoàn cảnh trớ trêu : năm 1946, khi Nguyễn Tuân thêm phần I *Dựng* và phần III *Mưỡu Cuối*, là để cứu vãn phần II *Tâm Sự của Nước Độc* sáng tác trước đó, bị xem như là suy đồi, sa đọa. Nhưng bản án phần II có phần nhẹ : nó sa đọa trong một xã hội sa đọa, vì chưa được ánh sáng cách mạng rọi chiếu. Phần I và III, sáng tác dưới ánh sáng của *'trời thu tháng Tám'* bị cái án nặng hơn : là xuyên tạc cách mạng, hạ thấp lãnh đạo. Sau đợt chỉnh huấn 1953, vào tháng 7, Nguyễn Tuân phải viết bản kiểm điểm *" nhìn rõ sai lầm "* như sau :

" Tự kiêu và chưa tự giác cách mạng của tôi còn biểu hiện cụ thể trong việc in Chùa Đàn giữa năm 1946. Chùa Đàn nguyên là một chuyện thần bí quái dị, rút ở tập " Yêu Ngôn " phản khoa học, phản tiến bộ. Chuyện ấy là chuyện một địa chủ điên loạn trong hưởng lạc, muốn sống một cách dâm bạo, như cái kiểu của Musset " Máu, khoái cảm, và chết ". Tôi thêm vào truyện ấy một đoạn đầu và một đoạn cuối, đưa tên địa chủ đó vào hoạt động Cách mạng, sau khi nó đã đi tìm phiêu lưu trong mọi hưởng lạc. In " Chùa Đàn " năm 1946, tôi cũng tự cho là mình cũng hiểu Cách mạng, nói được cách mạng và dựng được chuyện những người làm cách mạng. Thực ra tôi ngu dốt, không hiểu Cách mạng là gì nên " Chùa Đàn " đã nói sai về thực chất của cách mạng, đã nói sai về chiến sĩ Cách mạng vô sản. " Chùa Đàn " đã xuyên tạc cách mạng Việt Nam giữa lúc Cách mạng tháng Tám đang có những khó khăn buổi đầu trong việc xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, giữa lúc một số địa chủ phản động đang chui vào các tổ chức đảng phái phản động để âm mưu phá hoại Cách mạng tháng Tám. Sáng tác vô chính trị " Chùa Đàn " là một tội lớn đối với Cách mạng tháng Tám " (8)

Tô Hoài và Nguyễn Đình Thi là bạn, bạn văn và đồng chí thân thiết với Nguyễn Tuân, có thành tích Cách Mạng dày hơn ông, đã tham gia Mặt Trận Bình Dân, Văn Hóa Cứu Quốc thời bí mật. Nhưng khi Tô Hoài viết truyện *Mười Năm* (1957), Nguyễn Đình Thi viết *Vỡ Bờ* 1962 và 1970 về thời kỳ chuẩn bị tổng khởi nghĩa 1945, họ đã bị hàng loạt bài phê phán nặng nề, là thiếu hiểu biết và vô hình chung xuyên tạc cách mạng. Huống hồ là Nguyễn Tuân đã dùng ngòi bút làm cây gậy thần, biến một lãnh chúa cuồng si của ấp Mê Thảo thành một lãnh tụ cách mệnh *" bỏ ấp, xuất dương làm bồi tàu sống cuộc đời công nhân và truy tùy Cách Mệnh ngoài xứ "* (TT I, tr. 406). Nguyễn Tuân lại còn tham chiếu vào *cuộc*

Cách Mệnh Thường Trực của cuộc đời chênh vênh (tr. 408) theo tên một tác phẩm… Trotsky !

Trong một bài Tự phê *" Nhìn rõ sai lầm "* khác, viết ngày 8/4/1958, ông thừa nhận chịu ảnh hưởng *" một số sách và tiểu thuyết của những tác giả tờ-rốt-skít hoặc có quan điểm tơ-rốt-skít về tư tưởng nghệ thuật (...) có thể nói rằng tôi vẫn còn kéo dài cuộc sống phiêu lưu ngay cả sau thời kỳ cách mạng tháng Tám đã thành công rồi, và sự cải tạo tư tưởng của tôi chỉ mới bắt đầu có từ ngày kháng chiến "*(9) nghĩa là 1947.

Tôi dài dòng để nhấn mạnh ở một điểm : phải dè dặt khi xử dụng chính trị, chính kiến để giải thích một tác phẩm văn học. Khi khẳng định Nguyễn Tuân viết *Tâm sự Của Nước Độc*, năm 1945, tôi đã phải khảo sát tư liệu và dò hỏi dư luận. Và đã bị khuyến cáo, răn đe : nói 1945 thì phải xác định trước hay sau cách mạng tháng Tám ! Làm như là ngày 19/8, hay bất cứ một ngày nào khác, có thể *" lột xác "* con người, tựa con bướm, con rắn, mặc dù năm 1945, Nguyễn Tuân đã ngông nghênh viết ra như thế.

(Khi làm phim Mê Thảo, tác giả kịch bản Việt Linh và Phạm Thùy Nhân loại bỏ phần I và III, chỉ giữ lại *Tâm Sự của Nước Độc*, là đã lấy một quyết định tận tình tận lý. Nhưng người làm phim và người kiểm duyệt phim, nếu biết rõ uẩn khúc của *Chùa Đàn* mà vẫn làm, vẫn duyệt thì quả là dũng cảm.
Những đóa lan rừng có khi nở tình cờ nhờ một sự lãng quên.
Có người không sợ súng đôi khi vì điếc).

* *
*

Tha thiết với Nguyễn Tuân như vậy, tôi rất mừng vui đi xem phim Mê Thảo và tâm đắc với Việt Linh và Phạm Thùy Nhân, khi họ dựng kịch bản trên phần *Tâm Sự của Nước Độc*, và nói chung họ tạo dựng được không khí *Chùa Đàn*, mà không phải nhất nhất sao chép lại câu chữ. Phim Bà Bovary, 1991, đạo diễn Claude Chabrol theo sát chữ nghĩa của Flaubert vẫn bị giới phê bình chê là không tạo được chiều sâu của văn phẩm, mà chỉ làm phim… minh họa !

Nguyễn Tuân là người suốt đời thiết tha với điện ảnh, là nhà văn đầu tiên tham gia nghệ thuật mới mẻ này. Cuối 1937 và đầu 1938, ông đã cùng Đàm quang Thiện, Nguyễn Doãn Vượng sang Hương Cảng dựng phim *Cánh Đồng Ma* và đóng vai y tá, như ông đã kể lại trong ký sự *Một Chuyến Đi* (đăng báo 1938, xuất bản 1941).

Nguyễn Tuân đóng vai Chánh Tổng trong phim Chị Dậu (1980) của Phạm văn Khoa, phóng tác theo truyện *Tắt Đèn c*ủa Ngô Tất Tố. Tên phim *Chị Dậu* thay cho *Tắt Đèn* là do Nguyễn Tuân đề nghị. Và ông thừa nhận ưu thế của điện ảnh : *" phải nhận rằng văn Tắt Đèn khi chuyển sang hình và ảnh của Chị Dậu thì nó kích động người xem cả người đọc nữa, thật là cụ thể đối với cảm quan và tư duy người ta "* (TT III, tr. 302).

Khi thân thiết và thắm thiết giới thiệu kịch bản phim Lũy Hoa của Nguyễn Huy Tưởng, lấy từ tiểu thuyết dở dang *Sống Mãi với Thủ Đô* của cùng tác giả, Nguyễn Tuân đã ước mơ đóng một vai phụ : *" Mình muốn đóng cái ông già Hoa Kiều bán lạc rang đó. Vai này hiện ra vài lần giữa đám đông, và chỉ có một lần là ông ta nói, mà chỉ nói có một câu, mà người xem vẫn còn nhớ được hình ảnh anh, đó mới là chỗ kích thích sự sáng tạo nghệ thuật "* (TT III, tr. 344).

Về tương quan giữa văn học và điện ảnh, Nguyễn Tuân đã có nhiều nhận xét quan trọng chung quanh tác phẩm *Vợ Chồng A Phủ*, truyện vừa của Tô Hoài, viết năm 1953 trong *"*

Truyện Tây Bắc " (1954), rồi tự tác giả biến thành kịch bản phim. Đọc kịch bản Tô Hoài, Nguyễn Tuân thích hơn là đọc truyện ngắn Tô Hoài, vì *" nó có những đoạn có chiều sâu hơn ở tiểu thuyết. Ai dám bảo văn chương điện ảnh tả nội tâm thua văn tiểu thuyết "* TT III, tr 312.

(Nhưng khi đi xem phim - do đạo diễn Mai Lộc và Hoàng Thái thực hiện, 1961 - thì Nguyễn Tuân lại không tâm đắc : *" Đọc A Phủ thú hơn là đi xem A Phủ. Đọc thì thấy được chất thơ, mà lúc đi xem thì thấy nó hơi quá nôm na. Chất văn xuôi là rất cần cho phim truyện, nhưng văn xuôi không có nghĩa là nôm tạp "* (TT III, tr. 344). Nguyễn Tuân loay hoay với mấy chữ văn xuôi, nôm na, nôm tạp, là ý muốn dịch chữ prosaïque trong tiếng Pháp).

Nhưng vấn đề không phải là kịch bản thêm cái này, bớt cái kia, so với nguyên tác. Chính bản thân Tô Hoài đã thêm đã bớt : *" anh làm nghệ thuật, có nghĩa là anh làm một thứ tạo hóa trong cái phạm vi nhất định của địa bàn sáng tác đó "* (TT III, tr. 372).

Và Nguyễn Tuân rất tâm đắc với một hình ảnh Tô Hoài đã thêm vào : ông lái đò người Xá trên Sông Đà.

" Tôi ngỡ rằng ở đây Tô Hoài định lồng vào phim một cái ý thơ của bài trường ca Tây Bắc. Ở khách quan núi sông Tây Bắc vẫn bàng bạc cái ý thơ ấy. Tôi xúc động với cái ý thơ kia, đang trôi lướt trong phim truyện. Một cái ý thơ đẹp, khỏe, lành, đem lại một sự cân đối nhịp nhàng vào cuộc sống. Cái hình ảnh chở đò ấy còn trả lại sự công bằng chí lý chí tình cho thực tế vĩ đại nhiều dân tộc của Tây Bắc " (TT III, tr. 373).

Tác dụng cao cả của nghệ thuật là trả lại công bằng cho đời người và người đời. Nguyễn Du đã trả lại cho Đạm Tiên, Thúy Kiều và bao nhiêu kiếp hồng nhan đa truân khác, chút tiết hạnh mà số mệnh đã cướp đi. Nguyễn Tuân đã nói lên chân lý cao xa ấy, qua một chi tiết nhỏ : bác lái đò người Xa,ù trên sông Đà mà Tô Hoài đã thêm vào kịch bản phim *Vợ Chồng A Phủ*.

Chúng ta có thể " đạo văn " Nguyễn Tuân để áp dụng vào trường hợp đạo diễn Đặng nhật Minh, khi anh thêm hình ảnh cô gái nghèo làm người mẫu vào kịch bản phim *Mùa Ổi*, (2000) không có trong nguyên tác truyện ngắn *Ngôi nhà Xưa* (1992) của chính mình.

Đối chiếu như vậy để lý giải hình ảnh cô gái câm mà Việt Linh đã thêm vào phim *Mê Thảo*.

Cô gái câm là một sáng tạo đẹp. Về kỹ thuật cô là người dẫn chuyện, về biểu tượng là người dân lành không có tiếng nói trong xã hội. Là thân phận mồ côi, được chủ nhà nuôi, mặc nhiên trở thành tôi tớ. Đã câm mà lại tên Cam. Câm là không có tiếng nói, Cam là không có khả năng lay chuyển được số phận. Không cha mẹ, không gia đình, không nhà cửa, không nghề nghiệp, nhưng cô vẫn có một căn cước, một nhân phẩm, qua trái tim yêu đương và cái nhìn phê phán. Cái nhìn của lứa tuổi thanh niên hôm nay, khi đọc lại *Chùa Đàn* ; nói là cái nhìn của đạo diễn Việt Linh cũng được thôi. Xa hơn nữa là cái nhìn của Nguyễn Tuân, không phải của một Nguyễn Tuân thời nọ thời kia, nhưng một Nguyễn Tuân tổng hợp, mực thước, ví dụ một Nguyễn Tuân *" có lần nhìn sông Đà như một cố nhân "* khác một Nguyễn Tuân những lúc quá đà quá bước. Cụ thể và văn học mà nói, thì cô Cam đã nhìn bằng những đôi mắt của những *" cô-xòe-con-đòi "* ở dinh lãnh chúa Đèo Văn Long miệt Lai Châu mà Nguyễn Tuân đã tả thân diễn phận trong Tùy Bút *Sông Đà*, 1960.

Bộ phim kết thúc bằng một đám cháy lớn, " hỏa thiêu tửu phần " mà Nguyễn Tuân có lần gọi là *" giấc mơ chung một cơn hỏa mộng "*, Tây Bắc, hè 1949 – và André Malraux ví von với những đám cháy của lịch sử.

Hình ảnh cuối cùng *Mê Thảo* để lại là đôi mắt, cái nhìn hoang sơ của Cam, và tuổi trẻ, đang hướng cả hy vọng về phía tương lai.

Đặc điểm thứ hai của Cam là tình yêu. Yêu thiết tha, sâu lắng và nhẫn nại một ông chủ nhà và chủ ấp cuồng điên. Yêu là yêu. Không thể luận có lý hay vô lý, mê muội hay sáng suốt ; đợi cho có lý mới yêu thì chẳng phải là yêu. Dĩ nhiên là cô Cam không thực tế, thậm chí không hiện thực. Nhưng mà thực, trong một địa bàn không thực là nghệ thuật.

Nghệ thuật đền bù nhân loại, tạo cho kiếp người những kích thước mà cuộc đời đã cưỡng đoạt. Nghệ thuật chuốc cho con người những đắm say mà cuộc sống không ngừng cấm cản. Nghệ thuật giải tỏa nơi con người *" cái tấm tức sinh lý của một giao hoan lưng chừng "* (TT I, tr. 398) như trong *Chùa Đàn*, Nguyễn Tuân đã ví von, và đã lập lại trong bài viết về Nguyễn huy Tưởng.

Cô Cam trong xã hội Mê Thảo là nhân vật vong căn thất cước, nhưng trong văn chương nghệ thuật cô có gia đình, gia phả hẳn hoi. Hình ảnh người câm trong cổ tích từ Phù Đổng đến truyền thuyết Nguyễn Trãi, đến những nhân vật câm tuyệt đẹp trong truyện ngắn, cô Thoa của Thế Lữ, cô Trâm của Nhất Linh. Cô gái nghèo yêu hoàng tử vẫn được truyền tụng từ cổ tích.

Giấc mơ tình yêu của Cam nhắc đến giấc mơ của Xoan, một cô gái nghèo ở thôn quê, phải đi ở đợ, trong tiểu thuyết *Vỡ Bờ* (1962) của Nguyễn đình Thi. Lúc rời nhà chủ về thăm Mẹ, *" đi như bay "*, thấy mình biết bay, rồi lại mơ thấy được gặp người yêu, hai bàn tay mình nắm vào nhau mà tưởng người yêu nắm tay dắt đi chơi trên cánh đồng quen thuộc…

Cô Cam nối dõi cô Tấm trong huyền thoại, làm chị làm em cùng những cô Thoa, cô Trâm, cô Xoan, cô-xòe-con-đòi, trong văn chương hiện đại, đã đến với quần chúng trong một nhan sắc văn học, lạ lẫm như một cố nhân, bất ngờ gặp lại – thoáng hương thầm sau một cơn mưa bất chợt - nơi một ngọn dốc, một bến đò.

* *
*

Say sưa viết về kịch bản *Vợ Chồng A Phủ* của Tô Hoài, Nguyễn Tuân giải thích : *" sự khấp khởi với tác giả xê-na-ri-ô chỉ là phụ thôi, mà cái chủ yếu là muốn đề cao môn văn học điện ảnh. Nhất là môn này còn rất mới đối với chúng ta "* (T.T. III, tr. 369).

Tôi viết bài này cũng trong thiện chí như vậy.
Trên thế giới ngày nay, điện ảnh là một nghệ thuật hiện đại có đông đảo quần chúng, và dần dần tạo ra một thẩm mỹ riêng, gây ảnh hưởng trên những ngành nghệ thuật khác.

Và nói chung trên thế giới, các ngành nghệ thuật quan hệ với nhau ngày một khắng khít và phát triển đồng bộ, hòa hợp. Nên người nước ngoài lý sự cũng dễ.

Ở Việt Nam, do hoàn cảnh kinh tế và xã hội, tác phẩm điện ảnh còn thưa thớt và non trẻ, nên từ đó, chưa có *" văn chương điện ảnh, văn học điện ảnh "* thực sự như Nguyễn Tuân đã muốn đề cao.

Bài này viết để đóng góp thêm về một địa hạt, một đề tài còn ít được quan tâm nghiên cứu cặn kẽ và sâu rộng.

Đặng Tiến
Orléans, 1 tháng năm, 2003

Ghi chú : Những trích dẫn trong bài lấy từ *"Tuyển Tập Nguyễn Tuân"*, gồm 3 tập, Lữ huy Nguyên tuyển chọn, nxb Văn học, 1994, Hà Nội.

(1) Ciné Obs. ngày 21/3/2003
(2) New York Times, ngày 15/3/2003
(3) Le Journal d□un écrivain, Michael Cunningham trích, Les Heures, Edition Belfond, 1999, tr. 9
(4) Hoàng như Mai, trong « Nguyễn Tuân Tác gia và Tác phẩm », tr. 268, nxb Giáo Dục, 2000, Hà Nội
(5) Tô Hoài, « Cát Bụi Chân Ai », tr. 170, nxb Hội Nhà Văn, 1992, Hà Nội
(6) Vũ Hoàng Chương « Ta Đã Làm Chi Đời Ta » tr. 185-186, nxb Hội Nhà Văn, tái bản 1993, Hà Nội
(7) Nguyễn đăng Mạnh, Tuyển Tập Nguyễn Tuân, tr. 40, nxb Văn Học, 1981, Hà Nội
(8) Nguyễn Tuân Toàn Tập, tập 5, tr. 443-444. nxb Văn học, 2000, Hà Nội
(9) Nguyễn Tuân, Báo Văn Nghệ, tr. 103, số 12, tháng 5 1958, Hà Nội

Nguyễn đình Thi và tiếng chim từ quy

Đặng Tiến

Nhà văn Nguyễn Đình Thi qua đời tại Hà nội chiều ngày 18/4/2003, hưởng thọ 79 tuổi.

Anh là một khuôn mặt quan trọng, đãê gắn liền tài năng và tên tuổi mình vào lịch sử văn học đất nước, từ những cuộc tranh đấu giành chủ quyền, đến hai cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước.

Tùy giai đoạn lịch sử và theo tuổi đời, Nguyễn đình Thi đã chứng tỏ tài hoa và tài năng qua nhiều bộ môn sáng tác : nhạc, thơ, tùy bút, bút ký, lý luận, truyện ngắn, tiểu thuyết và kịch. Đồng thời anh đảm nhiệm thường xuyên nhiều trách vụ chính trị. Ủy viên chấp hành Hội Văn Nghệ Việt Nam từ 1948, anh làm Tổng thư ký Hội Nhà Văn hơn ba mươi năm liền (1958-1989) rồi làm Chủ tịch Ủy Ban Liên Hiệp các hội Văn Học, Nghệ Thuật Việt Nam. Nguyễn đình Thi là nhân vật quyền chức, chức rõ ràng là nhiều, quyền đến đâu thì chúng tôi không rõ.

Có khi thừa nhiều quyền, mà lại thiếu cái quyền thực thi đôi điều tâm huyết.

Việc chính của nhà văn là làm văn, chứ không phải làm quan. Con thuyền chức tước Nguyễn đình Thi, suốt nửa thế kỷ thuận buồm, nhưng những trước tác tâm đắc của anh chưa bao giờ một lèo xuôi gió.

Nguyễn đình Thi quê quán Hà Nội, nhưng sinh tại Luang Prabang, Lào, ngày 20/12/1924. Từ 1931 theo gia đình về nước, học tại Hải Phòng, Hà Nội. Năm 1941 tham gia Thanh Niên Cứu Quốc, 1943 tham gia Văn Hóa Cứu Quốc, bị Pháp bắt nhiều lần. Năm 1945, tham dự Quốc Dân Đại Hội Tân Trào, vào Ủy Ban Giải Phóng Dân Tộc. Năm 1946, là đại biểu Quốc Hội trẻ nhất, làm Ủy viên Thường Trực Quốc Hội, khóa I.

Từ 1942, anh đã viết hàng loạt sách triết học. Triết học nhập môn, Siêu hình học, Triết học Aristote, Descartes, Kant, Nietzsche, Darwin, Einstein … trong khi giới văn nghệ Việt Nam thời ấy không mấy quan tâm đến triết học, ví dụ Xuân Diệu, Huy Cận, Hoàng Cầm, Vũ Ngọc Phan. Các lý thuyết gia như Đặng Thái Mai, Hoài Thanh cũng không mấy lưu tâm đến các khái niệm trừu tượng. Do đó, tư tưởng Nguyễn đình Thi có những nền nếp và đường nét riêng.

Thời kỳ này anh sáng tác nhạc, nổi tiếng nhất là bài *Diệt Phát Xít*, làm đua với Văn Cao, và anh làm xong trước bài *Chiến Sĩ Việt Nam*, sau đó là *Bài Hát Người Hà Nội*, về mặt trận Hà Nội đầu 1947.

Thời chống Pháp, anh tham dự hầu hết các chiến dịch lớn, Tây Bắc 1948, Biên Giới 1949, Trung Du 1951, Hòa Bình 1952. Ở mặt trận Điện Biên 1954, anh làm chính trị viên phó Tiểu Đoàn, đánh lên đồi A1, sau đó làm công tác tù binh.

Từ 1955, anh về làm việc tại Hội Văn Nghệ Việt Nam tại Hà Nội, làm Tổng Thư ký từ 1956, đúng vào thời kỳ Nhân văn giai phẩm, bị tai tiếng kể từ đó. Hội Văn Nghệ từ 1957 trở thành Hội Nhà Văn, Nguyễn đình Thi tiếp tục làm Tổng thư ký trong ba thập kỷ , đến 1989.

Vốn hiểu biết sâu rộng, cảm quan nghệ thuật sắc bén, tài hoa về nhiều mặt, Nguyễn đình Thi còn có một kiến thức và ý thức chính trị vững chãi. Sức khỏe dồi dào, anh là người xông pha và xông xáo, ham suy nghĩ, học hỏi và lao động nghệ thuật cật lực. Anh đủ các đức tính để hoàn tất một sự nghiệp văn hóa lớn, trong một xã hội bình thường. Nhưng hoàn cảnh lịch sử đã đòi hỏi anh phải phân tán tài năng và đặt các tiêu chuẩn xã hội, chính trị lên trên quan niệm thẩm mỹ. Sau đó là công tác hành chánh, quản lý một mặt chiếm thì giờ, mặt khác ràng buộc khả năng nghệ thuật. Anh đánh cuộc và phải trả giá. Trả giá để sống, sống để viết, viết chừng mực nào đó theo ý mình.

Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nhất Linh, Vũ Hoàng Chương đều phải trả giá. Đắt rẻ thế nào, là số phận của tác phẩm về sau.

Nguyễn đình Thi thường thường là người đi trước. Chưa dám nói là người dẫn đường, cũng phải nhận anh là người " nhận đường " với số phận chênh vênh của nó. Anh đi trước trong những phong trào, thể loại, chủ đề, rung cảm.

Ví dụ về thơ. Cuộc cánh mạng tháng 8/1945 chấm dứt phong trào Thơ Mới và tạo điều kiện cho một cách tân trong thi ca, mà *Nhớ Máu* cuả Trần Mai Ninh, *Đèo Cả* của Hữu Loan, *Ngoại Ô Mùa Đông 46* của Văn Cao là những ví dụ. Nhưng sau đó, các Hội Nghị Văn Nghệ 1948 và nhất là 1949 tại Việt Bắc đã dập tắt những ngọn lửa cách tân, nhân danh các tiêu chuẩn dân tộc, khoa học và đại chúng - nhất là đại chúng.

Và cái bung xung cho lời chỉ trích là thơ Nguyễn đình Thi, mà Xuân Diệu chê là đầu Ngô mình Sở, Lưu Trọng Lư đòi *" tống cổ ra khỏi nền văn học mới, nền văn học kháng chiến và cách mạng "* (1). Nhưng nặng nề, dứt khoát và thẩm quyền hơn ai hết là Tố Hữu – mặc dù và sau khi Nguyễn đình Thi đã nhận kiểm điểm : *" Nghe anh Thi tự phê bình thơ anh, anh chị em nghĩ : tại sao biết mình như vậy, mà cứ làm như vậy ...*
Lúc thấy cần làm việc, tôi thấy ghét những bài thơ ấy, và tôi thù ghét cái cá nhân chủ nghĩa nó lại trở về với tôi (...) Những bài thơ anh Thi, tôi cho là không hay vì chưa nói lên được nỗi niềm của quần chúng. Đó là nội dung.
Tôi đồng ý thái độ tự phê bình của anh Thi, một thái độ đúng đắn. Còn một điều cần thiết nữa là anh phải kiểm tra lại cái tư tưởng, cái rung cảm của mình trong quần chúng "(2).

Như vậy là tàn đời Nguyễn đình Thi.
Câu cuối của Tố Hữu, không dừng lại ở những bài thơ Nguyễn đình Thi làm khoảng 1947-1948, nó sẽ là bản án chung thân cho toàn bộ trước tác Nguyễn đình Thi về sau. Những bài diễn văn sau này của Tố Hữu, ví dụ những năm 1963-1964 sẽ hệ thống hóa quan điểm đánh giá nói trên, tràn sang phê phán *chủ nghĩa nhân đạo chung chung, miêu tả hạnh phúc cá nhân, ngợi ca cuộc sống bình thường* (3), những con người bình thường . Nhưng anh Thi vẫn làm thơ như cũ, có khi còn … tệ hơn trước !

Về văn xuôi, Nguyễn đình Thi cũng là người đi trước, trong hai chủ đề chiến tranh và cách mạng. Ngày nay, người ta đã ca ngợi những tác phẩm sau thời đổi mới, 1986 nói lên những mất mát, những thương tích của chiến tranh.

Nhưng từ thời chống Pháp, Nguyễn đình Thi và Bùi Hiển đã đề cập đến chủ đề này, và đã từng bị chê là bi quan, chủ bại. Do đó, những truyện ngắn viết rải rác từ 1948 đến 1954, mãi đến 1957 mới được xuất bản thành tập *Bên Bờ Sông Lô*. Chu Nga, không phải là ngòi bút giáo điều đã tự hỏi : *trong những truyện ngắn này của anh phảng phất một nỗi buồn man mác, khó tả làm cho người đọc không thể không suy nghĩ về những hậu quả đau thương của chiến tranh. Tất nhiên điều đó cũng là sự thực thôi, song có nên nhấn mạnh vào khía cạnh đó ?* (4) Ngược lại, tiểu thuyết *Xung Kích* phấn khởi, sôi nổi hơn, được in từ 1951 và được

ngay Giải Thưởng Văn Nghệ.

Trong đề tài chiến tranh, *Vào Lửa*, 1966, là tác phẩm đầu tiên về cuộc kháng chiến chống Mỹ trên miền Bắc, đồng thời cũng là tác phẩm đầu tiên nêu lên những va chạm giữa hai thế hệ, già và trẻ, chống Pháp và chống Mỹ, chủ đề sẽ được phát triển về sau *trong Mẫn và Tôi*, 1973, của Phan Tứ, hay *Dấu Chân Người Lính* 1972 của Nguyễn Minh Châu, *Mặt Trận Trên Cao* 1967 là tiểu thuyết đầu tiên nói về binh chủng không quân, về chiến tranh kỹ thuật, một đề tài hoàn toàn mới mà Hữu Mai sẽ khai thác triệt để hơn trong hai tập *Vùng Trời* 1971-1974.

Văn chương về chiến tranh Việt Nam thì nhiều, nhưng tác phẩm của Nguyễn đình Thi đã vạch lại hành trình người lính bộ đội Việt Nam, từ thuở *Chân không giầy đạp nát đồn Tây* (1950) đến khi sử dụng tên lửa, ra đa. Đồng thời anh cũng ghi lại tâm lý, tâm tư, hoài vọng của người lính thuộc nhiều thế hệ, hoàn cảnh, trong ba mươi năm cầm súng.

Trong đề tài cách mạng, hai tập *Vỡ Bờ I*, 1962 và *Vỡ Bờ II*, 1970, là tác phẩm quy mô đầu tiên dựng lên toàn cảnh cuộc vận động Cách Mạng 1945 – đề tài mà anh đã ấp ủ từ 1948, ước mơ học tập được nghệ thuật trong Chiến Tranh và Hòa Bình của Tolstoi. Anh đã dày công lao động trong hơn mười năm – thời gian này anh đã tranh thủ viết *Vào Lửa* và *Mặt Trận Trên Cao* để … dưỡng sức. Hai tập *Vỡ Bờ* là bức tranh hoành tráng về cuộc tổng khởi nghĩa đi từ mặt trận Việt Minh kháng Nhật chống Pháp đến Cách Mạng tháng 8/1945, từ khu mỏ than Đông Triều, qua thôn xóm ven sông Hồng đến hè phố Hà Nội, tầng tầng lớp lớp quần chúng đủ mọi gia cấp, ào ào " tức nước vỡ bờ, nao nức hướng về cách mạng. Vỡ Bờ là trước tác tâm huyết mà Nguyễn đình Thi ấp ủ với nhiều kỳ vọng và trau chuốt rất công phu, nhưng đã không được tiếp đón như anh mong ước. Trái lại đã bị phê phán gay gắt. Ví dụ bài Phong Lê trên Tạp Chí Văn Học, 1971, đã khiến anh nổi đóa, trả lời đại khái : tôi là người buôn ngựa, các anh là kẻ lái trâu, lại đi hỏi sao trâu tôi không có sừng. Về sau Phan Cự Đệ đã phê phán ôn hòa, chừng mực hơn :

" Nguyễn đình Thi nhìn một số nhân vật dưới góc độ của chủ nghĩa nhân đạo (ít nhiều mang màu sắc tiểu tư sản) của những vấn đề lương tâm, danh dự, nhân phẩm, đạo đức chung chung nhiều hơn là dưới ánh sáng của quan điểm giai cấp công nhân… Nguyễn đình Thi nhạy bén với những vấn đề của đất nước, dân tộc hơn là những vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp " (5).

Một cách nói rằng : anh là nhà văn giỏi, nhưng là một người cộng sản tồi. Nếu quả đúng như thế thì may cho anh Thi, may hơn mệnh đề ngược lại.

Phan Cự Đệ là bậc giáo điều, và là bậc thầy trong nghệ thuật giáo điều : suốt 30 trang bình luận về Nguyễn đình Thi lời lẽ ôn tồn, đằm thắm, nhưng tựu trung chỉ khai triển quan điểm của Tố Hữu năm 1964, đã trích dẫn ở đoạn trên.

Cuối cùng, về kịch, Nguyễn đình Thi cũng lại là người đi trước. Trong thể loại này, trước tác Nguyễn đình Thi gian nan hơn cả, không phải vì anh đưa tư tưởng đi xa hơn so với thơ và truyện. Nhưng vì kịch có một quần chúng đông đảo quy tụ cùng một lúc, khác với thơ và truyện mà người ta có thể trùm chăn đọc một mình. Thơ trường phái Nguyễn đình Thi khó có nhiều độc giả, mà độc giả phái ấy cũng khó bề là hậu thuẫn chính trị. Những độc giả thơ có khả năng làm " gió hôm nay là giông bão ngày mai " thì đã được rèn luyện trong lò Tố Hữu.

Do đó kịch bản *Con nai Đen*, 1962 bị phê phán và ngăn chặn từ trong trứng nước. Sau đó, Nguyễn đình Thi viết : *Hoa và Ngần*, 1974 ; *Giấc Mơ*, kịch thơ, 1977 ; *Rừng Trúc* 1978 ;

Nguyễn Trãi ở Đông Quan, 1979 ; *Tiếng Sóng*, 1980 ; và bốn vở kịch ngắn khoảng 20 trang : *Người Đàn Bà Hóa Đá*, 1980 ; *Cái Bóng Trên Tường*, 1982 ; *Trương Chi*, 1983 ; *Hòn Cuội*, 1986.

Vở *Nguyễn Trãi ở Đông Quan*, sáng tác cho kỷ niệm 400 năm Nguyễn Trãi, được trình diễn mấy đêm gì đó, rồi bị cấm, bị phê phán nghiệt ngã, là đã mỉa mai chế độ, cho rằng trí thức là tù nhân của chế độ. Tôi chưa được xem trên sâu khấu, nhưng anh Nguyễn đình Nghi đạo diễn đã kể lại niềm hào hứng khi dàn dựng vở kịch, mang nhiều truyền thống sân khấu cổ truyền lẫn tính cách hiện đại, và anh dựng tiếp *Rừng Trúc* trước khi mất.

Trong kỷ yếu Nhà Văn Việt Nam Hiện Đại, 1997, của Hội Nhà Văn – mà Nguyễn đình Thi đã trấn nhậm hơn 30 năm – ở thư mục Nguyễn đình Thi, trang 630, có đầy đủ tác phẩm theo trật tự thời gian, chỉ thiếu có ***Nguyễn Trãi Ở Đông Quan***.

Bi kịch Nguyễn Trãi là thân phận của một thế hệ trí thức Việt Nam, trong đó có nghịch cảnh và nghịch lý Nguyễn đình Thi. Những người dù thông cảm, hiểu rằng anh phải thỏa hiệp, cũng trách anh thỏa hiệp quá lâu. Không ai trách Thúy Kiều bán mình, nhưng trong 15 năm trôi dạt, Kiều đã nhiều lần phản kháng, còn anh, từ giai đoạn này sang giai đoạn khác, không nghe anh nói năng gì trước những phi lý, bất công, oan trái. Không lẽ anh chỉ *biết duyên mình biết phận mình thế thôi* ?

Nguyễn đình Thi là người tài, ai cũng biết, và tôi rất phục tài anh. Năm 1967, anh viết bài chào mừng đại hội 4 các nhà văn Liên Xô, là một loại văn ước lệ, chỉ cần làm chiếu lệ mà anh đã kể tâm tình :

" Ở miền rừng núi chúng tôi, có một giống chim gọi là từ quy. Các ông bà già bảo rằng có đôi người yêu ngày xưa bị kẻ gian ác ngăn cấm không lấy được nhau, đã hóa thành giống chim ấy. Cho nên đến tận bây giờ, cứ đêm đêm người ta nghe thấy những con chim từ quy gọi nhau từng đôi, một con ở đầu núi này, một con ở đầu núi khác, suốt đêm đôi chim tìm gọi nhau cho đến sáng thì mới gặp nhau. Tôi nghĩ rằng các dân tộc từ bao thế kỷ, cũng đã mò mẫm đi tìm nhau như thế. Và những tác phẩm của các nhà văn thơ lớn ở thời trước cũng khác nào những tiếng gọi tìm nhau của các dân tộc còn bị ngăn cách, chia rẽ trong bóng đêm dày. Chính Cách Mạng tháng Mười là buổi bình minh làm cho các dân tộc nhìn thấy nhau và gặp được nhau "(6).

Anh ngụy biện. Chim từ quy thì quan hệ gì đến văn học, và giao lưu văn học thì cần gì đến Cách Mạng tháng nọ tháng kia. Rõ là ngụy biện, thậm chí là ngụy tín. Nhưng tài quá : một là đúng đường lối " vô sản quốc tế ". Hai là đề cao văn học Việt Nam và các dân tộc nhược tiểu ngang tầm với các nền văn học bề thế hơn. Ba là anh mượn diễn đàn quốc tế để hồi âm một tiếng chim từ quy nghe được từ núi rừng Tây Bắc, suốt đời thao thức trong hồn anh.

Lòng ta vẫn ở trên Tây Bắc
Những đêm thao thức tiếng từ quy
(Quê Hương Việt Bắc, 1950)

Đôi chim từ quy là biểu tượng cho tình yêu xa cách – chủ đề chính yếu trong toàn bộ thơ anh :
Anh đứng đây thầm gọi tên em
Xa em anh ngơ ngác
Anh gọi em anh gọi mãi
Em có nghe thấy anh không
(Núi và Biển, trong *Tia Nắng*, 1983)

Có một lần, không rõ vì lý do gì, anh bảo rằng tôi hiểu thơ anh. Không biết anh nói thật hay nói đùa, cho vừa lòng tôi. Nhưng anh đã nói và tôi đã nghe.

Tưởng nợ nhau một lời nói. Hóa ra nợ nhau một tiếng từ quy.
Khỉ thật

" Người bạn thơ phương trời xa "
Đặng Tiến
26 tháng 4, năm 2003

(1) Cách mạng, Kháng chiến và đời sống văn học, Nxb Tác Phẩm Mới, tr. 206, 1985 Hà Nội
(2) Tố Hữu, Xây dựng một nền văn nghệ lớn, Nxb Văn Học, tr. 46, 1973, Hà Nội
(3) Tố Hữu, sđd, tr. 356
(4) Tác gia văn xuôi Việt Nam hiện đại, Nxb Khoa Học Xã Hội, tr. 160, 1977 Hà Nội
(5) Phan Cự Đệ và Hà Minh Đức, Nhà văn Việt Nam, Tập I, Nxb Đại Học và Trung Học chuyên nghiệp, tr. 735, 1979 Hà Nội
(6) Tạp chí Văn Học, số 11, 1967, tr. 74, Hà Nội

Hồ Hoàn Kiếm

Nguyễn Dư

Hồ Hoàn Kiếm, tháp Rùa và đền Ngọc Sơn là một cụm thắng cảnh nổi tiếng của Hà Nội mà có lẽ người Việt Nam nào cũng biết. Biết tận mắt hay biết qua sách báo, màn hình.

Sự tích hồ Hoàn Kiếm

Truyền thuyết kể rằng Lê Lợi được trời cho thanh bảo kiếm, đứng lên dẹp giặc Minh. Dẹp giặc xong, Lê Lợi lên làm vua. Một hôm, vua Lê Thái Tổ dạo thuyền trên hồ, bị một con Rùa Vàng lấy lại thanh kiếm. Từ đó hồ có tên là hồ Hoàn Kiếm.

Truyền thuyết đẹp và giản dị. Chỉ có ba nhân vật là Lê Lợi, thanh kiếm và con rùa. Thế mà các văn bản cũng không thống nhất.

Sách *Tang thương ngẫu lục* soạn từ đời Gia Long (1802-1819), kể chuyện *Hồ Hoàn Kiếm* như sau:

"Hồ Hoàn Kiếm ở bên cạnh phường Báo Thiên, thành Thăng Long, thông với nước ngoài sông, hình thể rất to rộng. Hồ này là nơi đức Thái Tổ Hoàng Đế (triều trước) đánh rơi thanh kiếm.

Hồi Thái Tổ khởi nghĩa, ngài bắt được một thanh gươm cổ. Khi làm vua, ngài thường vẫn đeo thanh gươm đó. Một hôm chơi thuyền ở trong hồ, chợt thấy một con ba-ba rất lớn nổi lên mặt nước, bắn nó không trúng. Ngài bèn lấy thanh gươm mà chỉ. Bắt đồ, thanh kiếm rơi xuống nước mất, con ba-ba cũng lặn theo. Ngài giận, sai lấp cửa hồ lại, đắp cái bờ ngang, tát hết nước để tìm, nhưng chẳng thấy đâu cả. Đời sau nhân cái vết bờ ấy chia hồ ra làm hai: tả vọng, hữu vọng. Cuối đời Cảnh Hưng, bỗng có một vệt sáng từ cái đảo trong hồ vọt lên cao, sáng rực tan ra rồi tắt, người ta cho là thanh bảo kiếm bay đi " (Phạm Đình Hổ, Nguyễn Án, *Tang thương ngẫu lục*, bản dịch của Đạm Nguyên, Đại Nam, tr. 181).

Năm 1873, Phạm Đình Bách vẽ *Bản đồ Hà Nội*. Đến năm 1916 nhà nước bảo hộ Pháp cho in tấm bản đồ này, kèm thêm một trang ghi chú bằng tiếng Pháp. Lời chú không nằm cùng với bản đồ, nên không biết có phải chính Phạm Đình Bách là tác giả không?

"Lorsqu'il était encore étudiant, le roi Lê Thái Tổ trouva un jour sur le bord du petit lac une épée et s'en empara. Plus tard, comme roi d'Annam, se promenant en barque sur ce même lac, une énorme tortue sacrée sortit de l'eau et vint à lui, saisi de crainte le roi voulut l'éloigner avec l'épée trouvée; la tortue la lui prit et disparut. C'était une tortue génie (de là le nom de Hồ Hoàn Kiếm)".

(Trong thời gian còn đi học, một hôm vua Lê Thái Tổ bắt được một thanh kiếm tại bờ hồ. Sau này, khi ngài đã lên làm vua, một hôm bơi thuyền dạo chơi trên hồ, có con rùa rất lớn nổi lên và bơi về phía ngài. Nhà vua sợ, rút kiếm đuổi rùa. Con rùa đớp thanh kiếm và lặn xuống nước. Đây là một con rùa thần. Từ đó đặt tên hồ là hồ Hoàn Kiếm) (*Hanoi*, Les cahiers de l' Ipraus, 2001, tr. 98-99).

Phạm Đình Bách (hoặc người nào khác) cho biết trước khi phất cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn, Lê Lợi có theo học tại Đông Đô (Hà Nội ngày nay) và đã bắt được thanh kiếm tại Bờ Hồ.

Hai chi tiết này không ăn khớp với chính sử.

Theo cả hai bản *Lam Sơn thực lục* hiện có, bản do chính Lê Thái Tổ viết (Nguyễn Diên Niên, Lê Văn Uông, *Lam Sơn thực lục*, Ty Văn Hoá Thanh Hoá, 1976, tr. 239) và bản đã bị Hồ Sĩ Dương sửa đổi (Viện Sử Học, *Nguyễn Trãi toàn tập*, Khoa Học Xã Hội, 1976, tr. 46-47), thì trước ngày khởi nghĩa Lê Lợi làm phụ đạo ở Khả Lam (Lam Sơn).

Lam Sơn thực lục kể chuyện Lê Thận ở Mục Sơn (Thanh Hóa), làm nghề đánh cá, một hôm quăng lưới kéo lên được một lưỡi kiếm. Lê Lợi đánh đổi được lưỡi kiếm này. Một hôm khác Lê Lợi bắt được một chuôi kiếm ở gốc cây đa. Lắp lưỡi kiếm vào chuôi thì thấy vừa khít. Lê Lợi nghĩ rằng trời đã trao cho mình thanh bảo kiếm, từ đó mới nuôi ý khởi nghĩa.

Chưa thấy văn bản nào khác của ta nói rằng Lê Lợi theo học hoặc có mặt tại Đông Đô trước ngày khởi nghĩa.

Chung quanh hồ Hoàn Kiếm còn nhiều truyền thuyết khác.

"Vua Lê Lợi khi mới khởi binh gặp được một ngọn gươm thần. Nhờ đó mà làm nên sự nghiệp. Sau ra chơi tại hồ đó, có con quái đón đầu thuyền. Vua lấy gươm đâm, con quái hả miệng nuốt mất ngọn kiếm. Vua Lê Lợi suy từ đó" (Diên Hương, *Thành ngữ điển tích*, Phương Lai, 1954).

Diên Hương không đả động tới rùa thần mà chỉ nói tới một con quái nuốt mất gươm thần.

Theo chính sử thì Lê Lợi làm vua được 6 năm (1428-1433), thanh thế đương thời rất lớn. Đến mấy đời vua sau Lê Lợi, nhà Lê mới bắt đầu suy.

"Un beau jour de 1418, une tortue d' or surgie du lac lui tendit une magnifique épée. Il y vit un signe du ciel et partit libérer le pays. Sa mission accomplie, il revint sur les lieux de son initiation pour offrir un sacrifice de gratitude à la divinité lacustre. Au moment où la cérémonie commençait, un puissant coup de tonnerre retentit; l' épée jaillit de son fourreau, tournoya en l'air et retomba dans le bec de la tortue d'or qui s'enfuit dans les profondeurs du lac, appelé depuis lors le lac de l'Épée restituée (Hoàn Kiếm)".

(Một ngày năm 1418, một con rùa vàng nổi lên trên mặt hồ và dâng (Lê Lợi) một thanh gươm báu. Ngài biết đây là mệnh trời bèn đứng lên giải phóng non sông. Khởi nghĩa thành công, ngài đến nơi được thần giúp để làm lễ tạ ơn. Đúng lúc cuộc lễ bắt đầu, một tiếng sét nổ vang trời; thanh kiếm của ngài tuột khỏi vỏ, quay vần vũ trên trời rồi rơi vào miệng một con rùa vàng. Rùa lặn sâu xuống đáy hồ. Từ đó hồ được gọi là Hồ Hoàn Kiếm)

(Philippe Papin, *Histoire de Hanoi*, Fayard, 2001, tr. 115).

Ý kiến của Papin tương tự như lời chú của tấm bản đồ Phạm Đình Bách.

Khởi nghĩa Lam Sơn bắt đầu năm 1418, Lê Lợi và các đồng chí của ông đang gặp nhiều khó khăn ở vùng Lam Sơn. Lê Lợi không thể có mặt ở bờ hồ để nhận kiếm thần được.

Trong một cuốn sách khác Philippe Papin lại kể rằng:

"Il (le lac de Hoàn Kiếm) doit son nom à la légende selon laquelle Lê Lợi y aurait pêché une épée magique; muni de cette arme, il chassa les Chinois Ming et fonda, sous le nom de règne de Lê Thái Tổ, la dynastie des Lê postérieurs (1428-1788). Au cours de la cérémonie qu'il offrit à l'occasion de sa victoire, l'épée miraculeuse jaillit d'elle-même du fourreau et se métamorphosa en un dragon de jade qui disparut dans le lac. D'autres versions attribuent à une tortue le soin d 'offrir et de reprendre l'épée".

(Tên (hồ Hoàn Kiếm) do truyền thuyết kể rằng Lê Lợi bắt được một thanh kiếm thần tại đây. Với thanh kiếm này Lê Lợi đã đánh đuổi được quân Minh và lên làm vua lấy hiệu là Lê Thái Tổ, lập ra nhà Hậu Lê (1428-1788). Trong buổi lễ mừng chiến thắng, thanh kiếm thần của vua Lê Thái Tổ bỗng tuột khỏi vỏ, hoá thành con rồng ngọc, rồi lặn biến trong hồ. Cũng có người cho rằng Lê Thái Tổ được một con rùa trao cho và lấy lại thanh kiếm thần) (Docteur Hocquard , *Une campagne au Tonkin*, Arléa, 1999, tr. 232).

Ở đoạn trên, Lê Thái Tổ trả kiếm cho Rùa vàng. Ở đoạn sau, thanh kiếm tự biến thành Rồng ngọc rồi lặn xuống hồ.

Trần Quốc Vượng và Vũ Tuấn Sán (Hà Nội nghìn xưa, Sở Văn Hóa Thông Tin Hà Nội, 1975, tr.39-40) tìm hiểu rất sâu xa ý nghĩa hồ Hoàn Kiếm:

"Sử Lý-Trần hầu như chẳng nói đến hồ Gươm (...).

"Chuyện "Trả gươm thần ", người Hà Nội nghe kể đã nhiều, song ý nghĩa câu chuyện thì chưa mấy ai đào sâu tìm hiểu. Trên đại thể, người ta cho truyền thuyết ấy kể việc Lê Lợi được gươm thần đề chữ "Thuận Thiên" từ nước : ý trời trao sứ mệnh cho người anh hùng đứng lên xướng nghĩa cứu dân, giúp nước, quét giặc ngoại xâm. Mười năm khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi, người anh hùng lên làm vua, đi thuyền trên hồ, trời sai Rùa Vàng hiện lên lấy lại thanh gươm. Chủ đề bất tuyệt : "Chiến tranh và Hòa bình"…

"Thực ra đấy là vang bóng của một mẫu đề thần thoại và một lễ tiết cổ xưa. Nếu về mặt chính trị-xã hội, thanh gươm là biểu tượng của quyền uy thì về mặt thần thoại-lễ thức, thanh gươm là biểu tượng của Tia chớp-Lửa. (...) Nhúng gươm xuống nước là nghi lễ biểu thị sự hòa hợp Nước-Lửa, một nghi lễ phồn thực. Lại vì gươm là tượng trưng của chớp lửa nên nghi lễ nhúng gươm xuống nước cũng là một nghi lễ chống lụt (...).

"Sự tích hồ Gươm-gắn liền với một vị anh hùng lịch sử Lê Lợi-là sự diễn tả về mặt thần thoại một lễ nghi cổ xưa chung cho cả vùng Đông Nam Á : nghi lễ chống lụt và cầu mong sự hài hòa của non nước …".

Đúng là thời Lý-Trần không có ai nói đến hồ Gươm vì nơi đây còn là vùng hồ ao đầm lầy. Hồ Gươm hay hồ Hoàn Kiếm theo truyền thuyết đến đời Lê Thái Tổ mới có.

Chủ đề *"chiến tranh và hòa bình"*, *"nghi lễ phồn thực"*, *"nghi lễ chống lụt"* của Trần Quốc Vượng và Vũ Tuấn Sán thật là đa dạng, phong phú. Tuy nhiên, một truyền thuyết dân gian mà có ba lối giải thích thuộc ba lĩnh vực khác nhau thì có nhiều quá không? Hay là qua biểu tượng Lê Lợi trả gươm thần, cũng như biểu tượng Thánh Gióng cưỡi ngựa sắt bay về trời sau khi dẹp giặc Ân, dân gian chỉ muốn ca tụng người anh hùng cầm gươm đánh giặc, giặc tan thì cất gươm đi?

Từ giữa thế kỉ 17, Trịnh Tạc xây phủ chúa Trịnh riêng, tách ra khỏi cung điện của vua Lê trong thành Thăng Long. Vì hồ Hoàn Kiếm nằm về bên trái phủ chúa nên gọi là hồ Tả Vọng (Bùi Thiết, *Từ điển Hà Nội-địa danh*, Văn Hóa Thông Tin, 1993, tr. 393).

Dưới thời các chúa Trịnh, thế kỉ 17-18, hồ Hoàn Kiếm có tên là hồ Thuỷ Quân vì các chúa Trịnh thường diễn tập quân thuỷ trong khu vực hồ (Bùi Thiết, sđd, tr. 435). Có thuyết nói rằng tên hồ Thuỷ Quân đã có từ đời Trần.

Nhưng, bản đồ của Phạm Đình Bách (1873, đời Tự Đức) lại cho thấy hồ Hoàn Kiếm và hồ Thuỷ Quân là hai hồ khác nhau:

-*Lac de Thuỷ Quân* sur lequel les marins du Roi s'exerçaient à la manoeuvre des armes (Hồ Thuỷ Quân là nơi lính thuỷ của nhà vua tập trận).

Một tấm bản đồ khác do Biệt Lam vẽ năm 1956, phỏng theo bản đồ năm 1866 và 1873, cũng cho thấy hồ Thuỷ Quân và hồ Hoàn Kiếm là hai hồ khác nhau, cách nhau khá xa (*Hanoi*, sđd, tr.80).

Điều này có thể được hiểu là:

Đời Trịnh, hồ Hoàn Kiếm được chia thành hồ Tả Vọng và Hữu Vọng. Đời Tự Đức (1847-1883), hồ Tả Vọng được gọi là hồ Hoàn Kiếm, hồ Hữu Vọng được gọi là hồ Thuỷ Quân

Bắt đầu từ năm 1884 nhà nước bảo hộ Pháp giữ lại hồ Hoàn Kiếm, lấp dần hồ Thuỷ Quân để xây dựng, mở mang thành phố Hà Nội.

Hồ Hoàn Kiếm ngày xưa còn có tên là Lục Thuỷ, Hàng Hương (Hoàng Đạo Thúy, *Đi thăm Đất Nước*, Văn Hóa, 1978, tr. 55).

Tháp Rùa

Bảng chú bản đồ Phạm Đình Bách cho biết:

- *Đình chúa Trịnh: Pagode élevée sous les Lê à la mémoire des Trịnh* (đình chúa Trịnh được xây dưới thời Lê để tưởng nhớ các chúa Trịnh).

Đình chúa Trịnh nằm tại địa điểm tháp Rùa.

Nguyễn Khắc Ngữ cũng đồng ý với Phạm Đình Bách: *"Một trong những kiểu kiến trúc thời Lê còn để lại là tháp Rùa hồ Hoàn Kiếm"* (Nguyễn Khắc Ngữ, *Mỹ thuật cổ truyền*, theo bài *Tháp Rùa có từ khi nào*? của Nguyên Thắng, *Đoàn Kết*, tháng tư, 1984).

Bùi Thiết cho biết:

"Tòa tháp tọa lạc trên gò Rùa xế về phía nam hồ Hoàn Kiếm, nên gọi là tháp Rùa. Nguyên là đình Tả Vọng do các chúa Trịnh dựng trên gò Rùa giữa hồ Tả Vọng, gọi là đình Tả Vọng. Cuối thế kỷ XVIII vì tin thuyết phong thuỷ, Bá hộ Kim nhận sửa lại đình Tả Vọng để nhân đó táng hài cốt cha mẹ xuống dưới; Việc không thành, nhưng đình Tả Vọng vẫn được sửa lại để có quy cách như hiện nay" (sđd, tr. 383).

"Ngôi đình do các chúa Trịnh sai xây trên gò Rùa giữa hồ Tả Vọng (tức hồ Hoàn Kiếm) để làm nơi hóng mát và duyệt quân thuỷ. Vì đình nằm trong hồ Tả Vọng nên có tên gọi. Cuối thế kỷ XIX Bá Kim xin được xây thêm một tầng trên tòa đình Tả Vọng để có quy mô như tháp Rùa ngày nay" (sđd, tr. 393-394).

Tiền thân của tháp Rùa là đình Tả Vọng.

"Cái đình này làm từ đời Trịnh Căn (chúa thứ tư trong dòng họ Trịnh) là một lầu hai tầng, tầng trên là một cái lầu vuông bốn mái cong có đắp bốn con rồng bò quay đầu lại…Lầu quay lưng hướng nam theo ý nghĩa làm vua quay mặt về phương nam, không chầu lại vua, không thần phục vua Lê, vì vậy bên trên cửa có để ba chữ Tả Vọng Đình". (Chu Thiên, *Bóng nước hồ Gươm*, theo Nguyên Thắng, sđd).

Nhưng, một bài *Hồ Hoàn Kiếm* khác của sách *Tang thương ngẫu lục* (sđd, tr. 32-33) kể rằng:

"Mùa hạ năm Bính Ngọ, niên hiệu Cảnh Hưng (1786), đương nửa đêm, giữa hồ Hoàn Kiếm, bỗng có những vật đỏ ối hiện ra trên đảo, tia sáng nhoáng tỏa ra bốn phía, bay về bờ phía nam rồi biến mất.

Sau đó sóng gió ầm ầm nổi lên? Sáng hôm sau, thấy xác tôm cá nổi trên mặt nước không biết bao nhiêu mà kể. Có người nói, ở trên nóc nhà Trung Hòa Đường trong phủ Chúa cũng hiện ra những vật tương tự, ánh sáng tỏa ra tứ phía, rồi tự nhiên tắt ngấm.

Sau đó ít lâu, nhà Lê mất nước".

Nguyễn Khắc Ngữ nói rằng Tháp Rùa ngày nay có từ thời Lê. Phạm Đình Bách cho biết tại đảo Rùa có đình chúa Trịnh được xây dưới thời Lê. Bùi Thiết và Chu Thiên cũng đồng ý rằng các chúa Trịnh đã cho xây đình Tả Vọng trên đảo. Chỉ có *Tang thương ngẫu lục* là không nói đến công trình xây cất nào trên cái đảo giữa hồ Hoàn Kiếm này. Khó có thể cho rằng các tác giả *Tang thương ngẫu lục* quên cái đình chúa Trịnh hay cái đình Tả Vọng bởi vì trong bài có nói tới cái nhà Trung Hòa Đường trong phủ chúa Trịnh (nằm gần hồ Hoàn Kiếm) thì không thể không nói tới cái đình do chúa Trịnh xây trên đảo Rùa, nơi đang xảy ra điềm lạ.

Hay là đình đã bị đổ nát, năm 1786 không còn dấu vết gì? Giả thuyết này cũng khó đứng vững bởi vì đình do chúa Trịnh xây thì không thể bị huỷ hoại ngay từ thời chúa Trịnh còn nắm quyền được.

Hay là đình Tả Vọng được xây sau năm 1786 ?

Sử chép rằng Nguyễn Huệ "phò Lê, diệt Trịnh", năm 1786 chấm dứt chế độ cai trị của họ Trịnh. Năm 1789 Nguyễn Huệ đại phá quân Thanh, lên làm vua, lập ra nhà Nguyễn Tây Sơn. Năm 1802, Nguyễn Ánh diệt nhà Tây Sơn, lập nên nhà Nguyễn.

Nhà Tây Sơn và nhà Nguyễn đều không quý mến gì các chúa Trịnh. Không thể có chuyện nhà Tây Sơn hay nhà Nguyễn (trong khoảng từ 1786 đến 1873) xây đình để tưởng nhớ chúa Trịnh.

Tóm lại, qua hai bài *Hồ Hoàn Kiếm* của *Tang thương ngẫu lục* thì phải thừa nhận rằng đến cuối đời Cảnh Hưng (1786, tức là năm Nguyễn Huệ chấm dứt sự nghiệp các chúa Trịnh) trên đảo Rùa không có đình chúa Trịnh hay đình Tả Vọng.

Nói cách khác, đình Tả Vọng hay đình chúa Trịnh không phải được xây tại đảo Rùa. Có thể tại một đảo khác, cũng nằm trong hồ Hoàn Kiếm.

Đảo Ngọc Sơn

"Hồ Tả Vọng tên cũ gọi Hoàn Kiếm là một danh thắng đất Kinh kỳ xưa. Phía bắc mặt hồ, một gò đất nổi lên rộng khoảng ba bốn sào, tương truyền là chỗ đài câu cá thời cuối Lê. Trước đây, ông Tín Trai làng Nhị Khê nhân có đền Quan Đế tại đấy bèn mở rộng sửa sang thêm gọi là chùa Ngọc Sơn (...)"

(*Bài ký Đền Ngọc Sơn đế quân* , soạn năm1843, *Tuyển tập văn bia Hà Nội*, quyển 2, Khoa Học Xã Hội,1978, tr. 68-69).

"Phía đông thành Hà Nội, ở thôn Hà Thanh, huyện Thọ Xương có một cái hồ, gọi là hồ Hoàn Kiếm, trong hồ có một cái đảo, gọi là Ngọc Sơn, trong đảo Ngọc Sơn, có một đền thờ gọi là đền thờ Văn Xương. Tôi làm Án sát ở Hưng Yên, vừa đổi về, gặp ông Phương Đình dắt nhau qua chơi, ông nói với tôi rằng : hồ Hoàn Kiếm này đời xưa rất lớn, từ đời Lê trung hưng về sau chở đất về lấp làm đường xe chạy cho suốt đến Long Lâu ở Nhĩ Hà, nửa hồ bên hữu gọi là Hữu Vọng, nửa hồ bên tả gọi là Tả Vọng, núi trong Tả Vọng là đài câu cá. Đầu niên hiệu Gia Long, mới có miếu thờ Quan Võ đế (...).

"Hiện nay đền thờ mới đã hoàn thành, phía trước kề bờ nước, làm đình Trấn Ba, ngụ ý là cột trụ đứng vững giữa làn sóng văn hóa. Bên tả, phía đông cầu Thê Húc, dựng Đài Nghiên. Lại về phía đông trên núi Độc Tôn, xây Tháp Bút, tượng trưng cho nền văn vật(...)" (*Bài ký Sửa lại miếu Văn Xương*, *Tuyển tập văn bia Hà Nội*, sđd, tr. 70-71).

Bài kí thứ nhất được soạn năm 1843 nhân dịp sửa đền Quan đế thành chùa Ngọc Sơn. Ít năm sau lại đổi chùa Ngọc Sơn thành đền thờ Văn Xương. Bài kí thứ nhì làm nhân dịp sửa đền thờ Văn Xương. Hai bài văn của hai người khác nhau, viết cách nhau vài chục năm, đều nói trong hồ Hoàn Kiếm có một cái đảo Ngọc Sơn, lớn khoảng ba bốn sào, là đài câu cá thời cuối Lê.

Điều này chứng tỏ gián tiếp rằng không phải *Tang thương ngẫu lục* (1802-1819) bỏ quên công trình xây cất trên đảo Rùa mà chỉ vì đến năm 1843 và mãi vài chục năm sau, hồ Hoàn Kiếm vẫn chưa có xây cất gì trên đảo Rùa. Hai bài kí không nói tới đảo Rùa có lẽ chỉ vì đảo nhỏ và không có gì đáng nói?

Hoàng Đạo Thúy cho biết:

Đền Ngọc Sơn *"đời Lê là cung nghỉ mát Thuỵ Khánh của chúa Trịnh"*.

"Đứng ở Trấn Ba đình, nhìn xa về hướng nam, trong một khung cảnh đẹp, nổi lên ngọn tháp trên đảo Rùa. Mùa đông, gặp trời nắng, những con rùa bằng cái nia lên tắm nắng trên đảo. Xưa kia trên đảo có đình Tả Vọng. Cái tháp này, một nhà giàu phố hàng Khay xây từ năm 1884" (*Đi thăm đất nước*, sđd, tr. 55).

Chúng ta được biết thêm cung Thuỵ Khánh, nơi nghỉ mát của chúa Trịnh tại hồ Hoàn Kiếm.

Bùi Thiết gọi cung này là cung Khánh Thuỵ do Trịnh Giang (1729-1740) sai xây trên đảo Ngọc Sơn. Cung Khánh Thuỵ bị Lê Chiêu Thống cho người đốt năm 1787 để trả thù các chúa Trịnh. Về sau người ta xây đền Ngọc Sơn tại nơi đây.

Bên cạnh hồ Hoàn Kiếm, thuộc khu vực phố Bảo Khánh ngày nay, còn có cung điện Khánh Thuỵ do Trịnh Tùng (1570-1630) xây. Cung điện Khánh Thuỵ cũng bị Lê Chiêu Thống đốt phá trụi năm 1787 (Bùi Thiết, sđd, tr. 221).

Bản đồ Phạm Đình Bách cũng có nói tới cung Khánh Thuỵ:

Cung Khánh Thuỵ : Habitation des servantes du roi Lê Thái Tổ (emplacement de la rue Jules Ferry) (Cung Khánh Thuỵ: chỗ ở của các cung nữ của vua Lê Thái Tổ, nằm tại phố Hàng Trống ngày nay).

Sách *Hoàng Lê nhất thống chí* (Văn Học, 1970, tr.191) kể chuyện vua Lê Chiêu Thống *"ngầm sai người phóng hỏa đốt hết phủ chúa. Khi phủ cháy, khói lửa bốc lên ngút trời, hơn mười ngày chưa tắt.*

"Thế là hai trăm năm lâu đài cung khuyết huy hoàng bỗng chốc đã thành ra bãi đất cháy đen! Xa gần nghe thấy tin đó, ai cũng thương chúa và trách vua làm quá đáng. Hôm ấy nhằm ngày mồng 8 tháng chạp năm Bính Ngọ (1786)".

Lâu đài cung khuyết trong phủ chúa đã có từ 200 năm trước năm 1786, nghĩa là được xây vào khoảng năm 1586 (đời Trịnh Tùng).

Bùi Thiết phân biệt *cung Khánh Thuỵ* trên đảo Ngọc Sơn và *cung điện Khánh Thuỵ* tại địa điểm phố Bảo Khánh ngày nay và cho rằng cả hai nơi đều bị đốt năm 1787. Phạm Đình Bách chỉ nói tới cung Khánh Thuỵ ở phố Hàng Trống (thẳng góc với phố Bảo Khánh), có từ đời Lê Thái Tổ. *Hoàng Lê nhất thống chí* cho biết Lê Chiêu Thống chỉ sai đốt cung điện trong phủ chúa năm 1786, nghĩa là cung điện Khánh Thuỵ thôi.

Rất có thể cung Khánh Thuỵ được Hoàng Đạo Thuý và Bùi Thiết nói tới, và cho rằng nằm tại đảo Ngọc Sơn, là do nhầm lẫn từ cung điện Khánh Thuỵ trong phủ chúa Trịnh mà ra.

Đối chiếu các văn bản thì thấy đời cuối Lê, địa điểm đền Ngọc Sơn còn là đài câu cá, chỗ hóng mát. Đình Tả Vọng cũng là chỗ hóng mát, duyệt quân thuỷ của chúa Trịnh. Cho rằng đình Tả Vọng (đình chúa Trịnh) nằm trên đảo Rùa là chuyện khó hiểu. Đảo Rùa thời chúa Trịnh rất nhỏ (sẽ nói thêm ở phần sau), những lúc tế lễ, duyệt quân thuỷ thì tổ chức ra sao, chỗ đâu để chứa được vài chục người? Mỗi lần hóng mát, chúa Trịnh phải đi thuyền ra giữa hồ? Nếu đình nằm tại đảo Ngọc Sơn rộng lớn hơn, có cầu nối với bờ , thì sẽ rất tiện cho việc câu cá, hóng mát, hoặc tổ chức tế lễ, duyệt quân thuỷ.

Đình Tả Vọng hay đình chúa Trịnh nằm trên đảo Ngọc Sơn chăng?

Rất có thể Phạm Đình Bách và Bùi Thiết đã nhầm lẫn, xê dịch chỗ hóng mát, câu cá, duyệt quân thuỷù của chúa Trịnh từ đảo Ngọc Sơn sang đảo Rùa.

Tháp Rùa ngày nay

Bùi Thiết viết rằng Bá hộ Kim nhận sửa lại đình Tả Vọng vào cuối thế kỉ 18 và xây thêm một tầng vào cuối thế kỉ 19 thành tháp Rùa ngày nay. Khoảng thời gian giữa hai lần sửa và xây thêm dài quá, một người không thể làm được. Bùi Thiết viết nhầm mất một thế kỉ?

Hoàng Đạo Thúy cũng nói đến tháp Rùa trong hoàn cảnh Hà Nội bị quân Pháp chiếm đóng kể từ năm1882.

"Bang Kim biếu Tây cái tháp Rùa. Cái tháp này nhìn mãi cũng quen mắt, nhưng dưới thì cửa lối gô-tích, trên thì nóc vụn vặt, kiến trúc không ra lối gì". (Hoàng Đạo Thúy, *Thăng Long, Đông Đô, Hà Nội*, Hội Văn Nghệ Hà Nội,1971, tr. 75).

Ở một chỗ khác, Hoàng Đạo Thúy viết rõ là một nhà giàu phố hàng Khay xây tháp Rùa từ năm 1884 (*Đi thăm đất nước*, sđd).

Trong chuyến đi công tác tại Bắc kì và Trung kì (từ tháng 1 năm 1884 đến tháng 4 năm 1886), bác sĩ Hocquard có chụp ảnh tháp Rùa nhìn từ phía tháp Hòa Phong (xem trang bìa sách *Histoire de Hanoi*, hoặc bản khắc trong sách *Une campagne au Tonkin*, tr. 249).

Tháp rùa năm 1884 - 1886

Tấm ảnh cho thấy tháp Rùa thời đó giống tháp Rùa ngày nay. Diện tích đảo Rùa năm 1884-1886 rất giới hạn, chỉ rộng hơn mặt bằng của tháp mỗi bề độ 2 mét.

Một nhà báo Pháp đã tả Hồ Gươm năm 1898 như sau:

"Tout vert, tout tranquille, d'un charme discret, avec, au milieu, dans une île infiniment petite, sa vieille pagode d'un style étrange, et les arbres qui mirent dans ses eaux dormantes leurs frêles tiges, voici le "Petit Lac" ou "Lac de la Grande Epée".

(Hồ Gươm xanh tươi, trầm lặng và duyên dáng, có cái tháp cũ kĩ, kiến trúc lạ kì, xây trên một hòn đảo nhỏ xíu giữa hồ, có những cành cây lả lơi soi bóng nước). (*Les grands dossiers de l'Illustration*, Le livre de Paris, 1987, tr. 93)

Chắc chắn là thời chúa Trịnh đảo Rùa cũng chỉ nhỏ xíu như vậy thôi.

Kiến trúc của tháp Rùa khá lạ kì, đặc biệt. *"Dưới thì cửa lối gô-tích, trên thì nóc vụn vặt, kiến trúc không ra lối gì "* (Hoàng Đạo Thúy). Tầng dưới cùng và tầng thứ nhì cùng có cửa lối gô–tích. Kiến trúc gô–tích thì phải chờ tới sau này người Pháp mới đưa sang nước ta chứ thời Lê, thời Trịnh thì làm sao có được? Như vậy thì hai tầng dưới cùng của tháp Rùa không thể là của đình chúa Trịnh hay đình Tả Vọng như Bùi Thiết cho biết được.

Kiến trúc của tháp Rùa chịu ảnh hưởng kiến trúc Pháp.

Tháp rùa ngày nay

Người Pháp chỉ bắt đầu xây cất, thiết kế lại thành phố Hà Nội sau khi Triều đình Huế kí hòa ước Patenôtre ngày 6 tháng 6 năm 1884, công nhận quyền bảo hộ của nước Pháp.

Mấy cái cửa của tháp Rùa phải được ra đời sau hòa ước Patenôtre, nghĩa là tháp Rùa được xây trong khoảng từ giữa năm 1884 đến tháng 4 năm 1886 (lúc Hocquard về Pháp). Tháp được xây toàn bộ và cùng lúc chứ không phải được xây thêm tầng vào tháp Tả Vọng đã có từ trước. Tháp Rùa không phải là kiến trúc của đời Lê.

Tấm ảnh còn cho thấy tầng dưới cùng của tháp Rùa có vẻ hơi cũ hơn các tầng trên. Nếu đúng như vậy thì tình cờ Hocquard đã chụp được lúc người ta vừa xây xong tháp Rùa, đang quét vôi. Các tầng trên đã được quét hai ba nước, tầng dưới đang chờ được quét thêm?

Một kiến trúc nổi tiếng khác, có rất nhiều cửa lối gô–tích, là nhà thờ lớn Hà Nội (cathédrale Saint Joseph) cũng được người Pháp xây vào những năm 1884-1888.

Kết luận

Căn cứ vào một số sách và bản đồ, của ta và của Pháp, thì có thể tạm kết luận rằng:

- Thời chúa Trịnh trên đảo Rùa chưa có xây cất.

- Đình Tả Vọng (hay đình chúa Trịnh) nằm trên đảo Ngọc Sơn chứ không phải trên đảo Rùa.

- Cung Khánh Thụy nằm trong phủ chúa Trịnh chứ không phải tại đảo Ngọc Sơn.

- Tháp Rùa được xây toàn bộ trong khoảng từ tháng 6 năm 1884 đến tháng 4 năm1886. Về sau, hoặc là đảo Rùa được đắp thêm đất, hoặc là nước hồ Hoàn Kiếm bị cạn dần, nhờ vậy đảo Rùa mới trở thành lớn rộng như ngày nay.

Đã có nhiều học giả nói đến hồ Hoàn Kiếm, tháp Rùa. Mỗi người thêm bớt một hai chi tiết. Có nhiều điều hay nhưng thỉnh thoảng cũng có chỗ nhầm lẫn.

Mấy ai còn nhớ bài *Hồ Hoàn Kiếm* của thời mới cắp sách đến trường ?

"Trong thành phố Hà Nội có một cái hồ gọi là hồ Hoàn Kiếm. Tục truyền rằng một hôm vua Lê Thái Tổ ngự ra câu cá ở bờ hồ, chỗ gần sở Đốc lý bây giờ, bỗng có một con rùa thật lớn nổi lên trên mặt nước. Vua lấy thanh bảo kiếm ném con rùa, thì nó lặn xuống, rồi nó đem thanh kiếm lên trả vua. Bởi thế mới đặt tên là Hoàn Kiếm…".
(Trần Trọng Kim, Đặng Đình Phúc, Đỗ Thận, Quốc văn giáo khoa thư lớp sơ đẳng, 1948, tr. 94).

Sử gia Trần Trọng Kim và đồng nghiệp đứng riêng một phe. Các ông cho rằng tên Hoàn Kiếm là do tích Rùa mang trả kiếm cho vua Lê Thái Tổ.

Lê Lợi được trời cho thanh bảo kiếm để dẹp giặc. Dẹp xong giặc, lên làm vua, trời lại cho Lê Lợi giữ luôn thanh kiếm !

Cách trình bày này làm mất hết ý nghĩa cao đẹp của truyền thuyết.

Nguyễn Dư
(Lyon, 8/2002)

Le Réseau Routier Vietnamien

Nguyễn Thành Long

Rappel

Le Vietnam a une superficie de 330.400 Km2, 1600 Km de long et possédant tous les moyens de locomotion, la route, le rail, les transports fluviaux, côtiers, maritimes, aériens et les pipelines. La population est répartie sur les deltas (le fleuve Rouge et le Mékong) et sur la plaine côtière.

Selon les statistiques du Plan des Transports, 30 millions de tonnes de fret et 106 millions de voyageurs traversent chaque année les frontières inter-provinciales et entre le nord et le sud du pays.
La plupart du trafic de fret est faite par la route, vient ensuite la voie fluviale. Quatre vingt dix pour cent des voyageurs utilisent la route. En terme de voyageur/km, le rail ne représente que 12% du trafic. Certes la vitesse du train de la Réunification a augmenté et la durée Hànôi – Hochiminhville est actuellement d'environ de 30 heures; le transport de fret par rail reste relativement faible, les marchandises ne voyageant que sur de petites distances.

Le réseau routier vietnamien comportait plus de 105.000 km de routes, dont 10.800 de routes nationales, 15300 de routes provinciales, 25.300 km de routes communales (de district). Dix pour cent seulement sont revêtues ; La proportion était de 65% pour les routes nationales. Deux tiers des routes revêtues étaient en macadam et un tiers en asphalte. Sur les 5000 km de routes nationales édifiées et sommairement auscultées, 14% peuvent être classées comme " bonnes " et 40% " mauvaises " ou très " mauvaises ". La proportion était bien supérieure dans le nord du Vietnam Ces chiffres doivent être pris avec précautions car l'étude date de 1993 mais donne bien une idée de l'état du réseau routier vietnamien.

Le réseau de transports vietnamiens

Ce petit rappel permet par la suite de suivre le cheminement du schéma directeur des transports du Vietnam (fait par le BCEOM, un bureau d'études français) et sa réalisation.

Disons que le renforcement de ce réseau à la fin de la guerre obéit à quelques règles simples :

*** la liaison stratégique et politique Nord-Sud :** la Nationale n°1 qui va de Lang-Son à Cà-Mau , le chemin de fer de la Réunification ;

Les travaux d'élargissement et de confortement ont bien débuté et actuellement la nationale n°1 est " impeccable " jusqu'à la ville de Vinh mais des " imperfections " sont bien visibles au niveau du raccordement de la partie ancienne avec la nouvelle ce qui fait que sous circulation, la couche d'enrobés bitumineux s'est dégradée, la réception (en 2002) de l'ouvrage n'étant pas encore faite par le Ministère des Transports. Comme d'habitude, pour ne pas faillir à la tradition, le séchage de riz sur le bitume est encore pratiqué par les paysans des régions traversées. Une note de " modernité " bien visible aujourd'hui est l'installation des cinq péages (de l'ordre de 10000dông selon la taille des voitures). Les travaux se poursuivent actuellement après Vinh jusqu'à Dànang. Une section a été sous traitée à une entreprise de génie civil de l'Armée Populaire vietnamienne.

A partir de 2002 à 2004, le renforcement de la partie Cân Tho-Nam Can sur une longueur 200 km est prévu.

Afin d'améliorer la fluidité et la sécurité des transports (vu la vétusté des camions vietnamiens), un tunnel routier est en cours de réalisation au Col des Nuages par les Japonais avec la construction en plus de cinq ponts sur sa route d'accès nord et sud.

*** le renforcement des liaisons entre les ports et l'intérieur des terres :** Hai-Phong Hanoi par la Nationale 5 et Tien Yen, Hon Gai-Hanoi par la Nationale 18 pour le Nord et Vung Tau-HochiMinh Ville par "l'Autoroute" 51 pour le Sud ;

A l'exception de cette dernière dont les travaux sont presque finis et partiellement ouverte à la circulation, les autres le sont déjà avec les problèmes classiques bien connus, tassements différentiels importants notamment au niveau des culées de ponts, revêtements dégradés, …

*** les liaisons entre le Vietnam et ses voisins :** Nationale 8 et 9 avec le Laos, la Nationale 22 avec le Cambodge, Nationale 1 avec la Chine (section Hanoi-Lang Son impeccable); L'exemple de la route trans-asiatique reliant Hochiminhville à Pnomh Penh (ultérieurement prolongée jusqu'à Bangkok) manifeste bien la volonté vietnamienne de renforcer ses liens avec ses voisins.

Pour la N.8 et N.9, ces deux projets rentrent parfaitement dans les discussions établies en 1995 à Bangkok concernant l'axe trans-asiatique reliant l'est de la Thaïlande, le bas du Laos et le centre Vietnam. Il permet le désenclavement des deux voisins et de développer le centre du Vietnam. Le financement du pont enjambant le Mékong à Savannaket au sud du Laos par les Australiens semble être acquis. Plusieurs projets et de tracés du chemin de fer reliant Singapour au sud du Yunnan sont actuellement à l'étude, l'une des branches passant par le chemin de fer de la Réunification.

*** le peuplement des régions stratégiques mais peu denses.** C'est le cas de la Nationale 14 qui part de Danang au Centre jusqu'à Chon Thanh au Sud passant par des villes stratégiques telles que Kontum, Pleiku et Ban Mê Thuôt sur les Hauts Plateaux. (C'est la perte de cette région en 1975 qui entraîna la chute de Saigon). Cette région fertile, très peu dense a fait l'objet d'efforts exceptionnels de peuplement à cause de la proximité de la zone des frontières et notamment de celle des trois frontières (Cambodge-Laos-Vietnam). Les événements récents (dus à l'excès des Kinh) tels que le soulèvement des minorités, l'occupation de Ban Mê Thuôt avec la mort de certains cadres régionaux n'ont fait que confirmer les analyses des autorités vietnamiennes qui ont la "sagesse politique" de laisser passer l'orage sans réagir. C'est aussi la construction de "l'Autouroute Hochiminh" objet d'un paragraphe à part.

*** la construction des ponts permettant d'assurer la fluidité du trafic sur ces axes :** Phu-Luong sur la Nationale 5, Gianh, Hiên Luong, Hàm Rông, My Thuân sur la Nationale 1 et bientôt Cân Tho. On peut maintenant faire en voiture Hanoi – Hochiminh sans sortir de son véhicule et bientôt jusqu'à Cà Mau!

*** la construction de ports a pour objectif l'allégement d'un port existant :**
Dung Quât pour la région Hue-Danang, aménagement du territoire;
Cai Lan pour alléger Hai Phong et Thi Vai, Phu My celui de Saigon.

***"L'Autoroute Hochiminh"**

C'est aussi " l'Autoroute Nord-Sud " voulue par l'ancien Premier Ministre Vo Van Kiet mais en fait initiée déjà par l'ancien Ministre des Transports Dông Si Nguyên à la fin de la guerre. Cette " autoroute " est aussi l'ancienne "piste Hochiminh ". La décision est finalement prise pour une simple route de liaison des différentes localités de la piste avec la possibilité ultérieure de son élargissement.

L'ancienne route nationale RN1 trop proche de la mer pourrait être facilement détruite et coupée par les canons des bateaux croisant au large. A cet égard la conception du tunnel du Col des Nuages relève du même type de raisonnement. Un projet mixte tunnel-pont a été refusé au bénéfice du tout tunnel. Le problème (qui n'a pas été vu parce qu'il relève d'autres directions) est que l'accès à ce tunnel passe des deux côtés (nord et sud) par des ouvrages d'art! Cette route permet de faire la jonction entre la nationale

RN 21 avec celle RN 25, la RN.71, la RN.9, la RN 14 créant ainsi un réseau homogène et cohérent jusqu'au delta du Mékong. Les travaux ont commencé le 30/03/2000. Cette route était placée sous la responsabilité du Vice-Ministre des Transports Pham Quang Tuyên Le Directeur du "Project Management Unit (PMU) Route Hochiminh" est l'ancien Directeur des Investissements Hà Dinh Cân. Une convention a été signée entre le Vietnam (le PMU Dr.Ha dinh Cân) et Cuba (C° Quality Couriers Dr Luis Terez Cid) pour une mission de contrôle de la qualité. Nous sommes actuellement dans la phase des grands travaux de terrassement et de construction d'ouvrages d'art (en 2001) sur cette première partie de la route longue de 1070 km dont 200km de chaussées sont prévus en béton. Leur prix est 1,8 à 2 fois plus cher qu'en enrobés bitumineux mais nécessitant en principe moins d'entretiens. dans cette région montagneuse;.

Quelques commentaires :

le paysage est magnifique!
une population clairsemée,
une activité économique actuellement faible mais qui sera fortement augmentée;
Les sections dévoluées à chaque entreprise étant de faible longueur de l'ordre de 5 km, ont donc permis à beaucoup d'entre elles de travailler sur cette piste. Pour notre section c'est une entreprise appartenant à la Marine vietnamienne qui a gagné l'appel d'offres.
L'étude de faisabilité de l'ensemble de cette première phase est faite par le TEDI nord du Dr Nguyen Ngoc Long et le contrôle de la qualité pendant les travaux est assuré par les Cubains et par ce même TEDI;

En conclusion, cet article est juste un rappel rapide des principales réalisations vietnamiennes dans le domaine des infrastructures de transports, domaine qui change très rapidement et les réalisations sont importantes, comme par exemple l'étude et la construction de certains des ponts de Tân Dê, Quy Cao, Nôn Nuoc sur la Nationale 20 proches des provinces Quang Ninh-Ninh Binh, le renforcement des routes provinciales et régionales (7000 km)…Il ne prétend pas à l'exhaustivité et comporte certainement quelques erreurs minimes dues à la rapidité même de ces transformations et améliorations.

Nguyen Thanh Long
Président du Club Développement Vietnam (CDV-AAENPC)
de l'Association des Anciens Elèves de l'Ecole Nationale des Ponts et Chaussées
28 Rue des Saints Pères 75007 Paris
e.mail : long@lcpc.fr

Photo n°1 : Sur la piste Hochiminh, l'auteur de l'article se trouve au centre de la délégation.
On voit à l'arrière plan l'indicateur marquant l'embranchement de la bifurcation de la piste Hochiminh en direction du Laos à 15 Km delà (à droite sur la photo). Cet embranchement a été réalisé pendant la guerre suite à aux bombardements intenses du Col de Mu Gia à une dizaine de kilomètres plus au sud.

Photo n°2 : Vu du chantier avec les bulldozers entrain de terrasser un versant de la montagne et au premier plan, un "bar" de chantier. Le remblai excédentaire sera tout simplement poussé dans les ravins sur votre gauche,la plate-forme routière restant toujours sur du déblai donc en principe pas de "problèmes de compactage!" et de tassement!

Những Thành Tựu Văn Hóa Đáng Khen Của Một Nhà Xuất Bản Địa Phương

(Nhân dịp ba bộ sách quan trọng của Nhà Xuất Bản Đà Nẵng được công bố vào năm 2002)

Lê Văn Hảo

Hiện nay ở Việt Nam có bốn nhà xuất bản (NXB) địa phương được chú ý vì số lượng và chất lượng những xuất bản phẩm của họ : đó là NXB Hà Nội, NXB Trẻ (TP.HCM), NXB Thuận Hóa (Huế) và NXB Đà Nẵng.
Xin giới thiệu lần này ba thành tựu mới nhất của NXB Đà Nẵng.
- Tổng Tập Văn học Các Dân tộc thiểu số Việt Nam;
- Việt Nam, Lễ hội cổ truyền;
- Những di sản thế giới ở Việt Nam.

I. Tổng tập Văn học Các Dân Tộc Thiểu Số Việt Nam (TTVHCDTTSVN),

4 tập (6 quyển), 6.144 trang, khổ 19x27, NXB Đà Nẵng, 2002.

Nếu **Tổng Tập Văn Học Việt Nam** trọn bộ 42 tập (xb. từ 1977 đến 1997, tái bản 2000) của NXB Khoa học Xã hội (Hà Nội) được xem như là bộ sách về văn học Việt Nam lớn nhất từ trước đến nay nhưng chưa đầy đủ vì nó chỉ đề cập đến văn học thành văn của người Việt từ tk. X đến 1945 và cần có hai phần bổ sung : Văn học dân gian Việt, Văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam, thì NXB Đà Nẵng đã cống hiến một phần bổ sung quan trọng : Bộ TTVHCDTTSVN do Đặng Nghiêm Vạn chủ biên. Tổng tập này, công trình lớn nhất về hợp tuyển văn học của 53 dân tộc thiểu số Việt Nam từ trước đến nay (với hơn 6 ngàn trang sách khổ lớn) chia làm 4 tập, 6 quyển :
Q.1 Tục ngữ, đồng dao, hát ru, câu đối dân ca lao động, dân ca phong tục
Q.2 Dân ca trữ tình, dân ca nghi lễ
Q.3 Truyện cổ tích
Q.4 Truyện lịch sử, luật tục, sử thi
Q.5 Sử thi
Q.6 Truyện thơ
Văn học dân gian các dân tộc thiểu số ở Việt Nam chia làm 2 phần rõ rệt. Phần thứ nhất gồm tục ngữ, đồng dao hát ru câu đố và cổ tích là phần được giáo sư Đặng Nghiêm Vạn gọi là " Văn học dân gian " Phần này chiếm khoảng 1/3 số trang của Tổng tập. Phần thứ hai mà Đặng Nghiêm Vạn gọi là " Văn học bác học " là những văn bản mang tính lịch sử cao : đó là những bộ luật tục (Thái, Ê đê, Mnông), những truyện lịch sử (Thái, Tày), những sử thi (anh hùng ca) (Ê Đê, Ba Na, Gia Rai, M' Nông) và những truyện thơ. Lời nói đầu của Đặng Nghiêm Vạn (34 trang) là một bài giới thiệu khái quát nêu lên được những đặc trưng về dân tộc, thể loại, nội dung... các tác phẩm tiêu biểu cho hai dòng văn học dân gian và văn học " bác học " của hầu hết các dân tộc thiểu số.
Người đọc và nhất là các nhà nghiên cứu hy vọng rằng trong những lần tái bản sắp tới, các tác phẩm của những dân tộc Xinh Mun, Pà Thẻn, La Hủ, Cống, Si La ở miền Bắc, Thổ, Chứt, Ơ Đu, Bơ Râu, Hơ Măm, Stiêng ở miền Trung và Nam vắng mặt lần này sẽ được kịp thời bổ sung.
Trong hoàn cảnh hiện nay, khi di sản văn hoá tinh thần các dân tộc thiểu số đang có nguy cơ mai một dần vì sự ra đi của những người lớn tuổi, TTVH CDTTSVN này là một công trình quí báu, một niềm tự hào cho nền văn hoá văn minh đa sắc tộc Việt Nam.

II. Việt Nam, Lễ hội cổ truyền
Traditional Festivals of Viet nam
240 trang khổ25 x 25, NXB Đà Nẵng 2002

Đây là một trong những tập sách ảnh rất đẹp của NXB Đà Nẵng do Huỳnh Yên Trầm My biên soạn với sự tham gia của 51 tác giả và nhà nhiếp ảnh có tên tuổi (Hữu Cấy, Đào Hoa Nữ, Võ Văn Tường...)
Lễ hội có lẽ là hình thức sinh hoạt văn hoá cộng đồng sinh động, tốt đẹp, hấp dẫn nhất của dân tộc ta. Lễ hội gắn bó với hình ảnh cây đa giếng nước, sân đình, mái đền, mái chùa, lũy tre... để trở thành một biểu tượng thiêng liêng, mãnh liệt trong tâm hồn Việt Nam.
Nghiên cứu về Lễ hội Việt Nam thì đã có nhiều công trình đồ sộ, công phu có giá trị khoa học, nhưng phần minh họa về tranh ảnh của các công trình ấy phần nhiều không đáp ứng với lòng mong mỏi và thị hiếu thẩm mỹ của người đọc.
Người biên soạn và hơn 50 tác gia, nhiếp ảnh gia của tập sách ảnh này đã muốn minh họa, miêu tả lễ hội bằng hình ảnh. Họ đã tập trung giới thiệu một số lễ hội mang tính phổ biến, có những nét đặc trưng của từng vùng đất nước và của nhiều dân tộc khác nhau trong cộng đồng dân tộc Việt Nam.
Qua gần 370 bức ảnh (nhiều bức chiếm toàn khổ trang giấy (25x25 cm), 20 lễ hội cổ truyền tiêu biểu hiện ra sinh động, đầy màu sắc, chất thơ, chất dân gian, hồn dân tộc: tết Nguyên Đán, tết Vu Lan, tết Trung Thu, hội đền Hùng, hội chùa Hương, hội Lim, hội Hoa Ban, Lễ Hội Yên Tử, lễ hội Cầu Ngư, lễ hội Nghinh Ông, hội Chọi Trâu, hội Đua Voi... Một số nội dung chi tiết của Lễ hội cũng được nhấn mạnh : các nghi thức, trò chơi dân gian, sân khấu dân gian, trang phục, nhạc khí, vũ điệu.
Phần phụ lục của tập sách ảnh cũng rất phong phú: danh mục chi tiết về 240 Lễ hội, danh mục về 400 danh thắng của 61 tỉnh thành...
Vì đây là một sách ảnh bằng 3 thứ tiếng (Việt, Anh, Pháp) đưa ra giới thiệu rộng rãi ở nước ngoài để thăng tiến ngành du lịch và cung cấp cho hàng triệu người đọc những khía cạnh tươi đẹp nhất về văn hoá văn minh Việt Nam nên cần chú ý đến một số chi tiết thẩm mỹ, ví dụ trang 19 ảnh " Chén rượu đầu xuân " không nên để hai cụ già mặc y phục truyền thống mà lại đi giày ba ta, dép nhựt, tr. 87 " Lễ hội nghinh ông ", không nên để ba nhân vật mặc lễ phục truyền thống mà lại đi dép hiện đại có phần thiếu nghiêm túc, tr. 173 ảnh hai tượng mồ Tây Nguyên hoàn toàn không tiêu biểu cho vẻ đẹp truyền thống và tính thiêng liêng của loại hình mỹ thuật này.

III - Những Di Sản Thề Giới Việt Nam
Word Héritage in Viet Nam
Patrimoine Mondial du Viet Nam
204 trang khổ 24x24, NXB Đà Nẵng 2002

Cùng với tập ảnh Việt Nam, Lễ hội cổ truyền, **Những Di Sản Thế Giới ở Việt Nam**
(NDSTGVN) in bằng 3 thứ tiếng Việt, Anh, Pháp, là một tác phẩm đẹp do Huỳnh Yên Trầm My, Trương Vũ Quỳnh, Nguyễn Đông Hiếu biên soạn, với sự tham gia của 39 tác giả và nhiếp ảnh gia Việt Nam và nước ngoài, thêm đài truyền hình Chukyo Nagoya .
Từ năm 1978 đến nay đã có 730 di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng đã được tổ chức UNESCO đưa vào Danh mục Di sản Thế giới (Di sản Tự nhiên và Di sản Văn hóa của nhân loại). Việt Nam đã có 4 địa điểm được ghi trong Danh mục vẻ vang này đó là **cố đô Huế**, **vịnh Hạ Long**, **đô thị cổ Hội An** và **thánh địa Mỹ Sơn**. Hơn 40 tác giả và nhiếp ảnh gia bằng những bài viết hay bức ảnh đã muốn cung cấp cho chúng ta một cái nhìn nhiều mặt, nhiều màu vẽ về cảnh và người của 4 cụm di tích lịch sử - văn hóa và thắng cảnh nêu trên.
Qua hơn 200 bức ảnh màu và đen trắng (kể cả những bức ảnh cổ được chụp từ những thập niên đầu của thế kỷ XX), cùng với nhiều bản đồ bản vẻ, các nhà văn, nhà nghiên cứu, nhà văn hóa Nguyễn Tuân, Trần Kỳ Phương, Nguyễn Khoa Điềm, Thùy Trang đã nói lên vẽ đẹp, chất thơ, tính cổ kính, hồn dân tộc (Việt, Chàm) tiềm tàng trong thiên nhiên và trong lịch sử văn hóa văn minh Việt Nam.
Phố cổ Hội An, thánh địa Mỹ Sơn, cố đô Huế với sông Hương êm đềm, điệu hò man mác, vịnh Hạ Long kỳ ảo những bình minh, hoàng hôn, đêm trăng giữa 3000 hòn đảo giống như những tranh thủy mạc hay những áng thơ Đường... mấy di tích và danh thắng kỳ diệu này của Việt Nam còn gợi niềm cảm hứng

cho bao nhiêu nghệ sĩ, khách viễn du, tâm hồn lãng mạn nữa trên dòng sông bất tận của thời gian ?
Tập sách ảnh NDSTGVN không những là một niềm vui thẩm mỹ sâu xa mà còn đem đến cho chúng ta một tin vui mới: Việt Nam đang đề nghị UNESCO xem xét chấp thuận đưa thêm 4 di tích - thắng cảnh Việt Nam vào Danh mục Di sản thế giới : **Động Phong Nha** (Quảng Bình), **Hồ Ba Bể** (Bắc Cạn), **Chùa Hương** (Hà Tây), **Bãi đá cổ Sa Pa** (Lao Cai). Hy vọng rằng những thắng tích đẹp đẽ hay kỳ lạ này sẽ được thế giới công nhận, như những thắng tích mà NXB Đà Nẵng đã giới thiệu một cách hoàn hảo trong tập sách ảnh đang đề cập ở đây.

Lê Văn Hảo